

BÀI THỨ TÁM

- I.- Ông Phú Lâu Na hỏi Phật hai câu quan trọng
- II.- Phật trả lời câu hỏi thứ nhất.
- III.- Phật chỉ cái nguyên nhân chung sanh ra hư không thế giới và chúng sanh.
- IV.- Phật chỉ cái nguyên nhân riêng và tuần tự sanh ra vũ trụ.
- V.- Phật chỉ nguyên nhân có chúng sanh (nhơn sanh)
- VI.- Phật chỉ nguyên nhân chúng sanh tiếp tục sanh.
- VII.- Phú Lâu Na hỏi tiếp : Chư Phật đã chứng được chơn tâm thanh tịnh rồi, vậy chừng nào nổi vọng trở lại.
- VIII.- Phật dùng ba thí dụ để trả lời.
- IX.- Phật trả lời câu hỏi thứ hai của ông Phú Lâu Na.
- X.- Phật chỉ chơn tâm tùy duyên biến hiện.
- XI.- Chúng sanh đi ngược với chơn tâm sáng suốt và hiệp theo vọng trần.
- XII.- Chư Phật hiệp theo chơn tâm sáng suốt.

BÀI THỨ TÁM

I. ÔNG PHÚ LÂU NA HỎI PHẬT HAI CÂU QUAN TRỌNG

Lúc bấy giờ ông Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử đứng dậy lạy Phật, chấp tay cung kính và thưa rằng : – **Bạch Thế Tôn, trong hàng tứ chúng, Phật thường khen con thuyết pháp hơn hết; ở trong hội này con lại chứng được quả Vô lậu. Thế mà hôm nay con nghe Phật nói pháp nhiệm mầu cao thượng, hãy còn chưa hiểu. Cũng như người điếc đứng xa một trăm bước nghe tiếng muỗi kêu; thấy còn không được, huống chi lại nghe.**

Bạch Thế Tôn :

1.- Chơn tâm này đã vốn thanh tịnh, tại sao lại thoát sanh ra sơn hà đại địa và các chúng sanh ?

2.- Lại nữa, Phật nói “đất, nước, gió, lửa, tánh nó vắng lặng thường còn, viên dung khắp giáp pháp giới”. Bạch Thế Tôn, nếu nước khắp tất cả, thì lửa phải tắt; còn lửa biến khắp thời nước phải khô; tánh lửa thì nóng, tánh nước lại lạnh, hai thứ trái nhau, tại sao đồng cùng khắp cả hư không, mà nó không diệt nhau ? Lại nữa, đất thì có hình chất, còn hư không lại trống, tại sao hai thứ đều khắp giáp cả pháp giới ? Cúi xin Đức Như Lai vén mở nút mây mờ cho chúng con.

Thưa hỏi xong, ông Phú Lâu Na kính cản trở lui, để chờ nghe lời Phật chỉ dạy.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này ông Phú Lô Na hỏi Phật hai điều :

1. Chơn tâm đã thanh tịnh tại sao thoát sanh ra có thế giới và chúng sanh ?

2. Đất, nước, gió, lửa, tánh nó chống trái nhau, tại sao lại dung hòa được và biến khắp cả pháp giới ?

Về câu hỏi trước thì trong Kinh này Phật đã trả lời rõ rồi. Còn câu hỏi sau chúng ta cũng nên phân biệt cho rõ : Phật nói nước, lửa v.v... biến khắp cả pháp giới, đó là Phật chỉ về phần “bản thể” mà nói. Ông Phú Lô Na nghi nước, lửa v.v... trái nhau, làm sao đều biến khắp được. Thế là ông Phú Lô Na đứng về phần “hiện tượng” mà hỏi.

Về hiện tượng thì có chướng ngại, còn bản thể thì không bao giờ chướng ngại.



II. PHẬT TRẢ LỜI CÂU HỎI THỨ NHỨT

Phật dạy : – **Này Phú Lô Na, như lời ông hỏi : “Chơn tâm đã vốn thanh tịnh, tại sao lại sanh ra sơn hà đại địa, thế giới và chúng sanh”.**

Vậy ông có thường nghe Ta nói : “Chơn tâm nhiệm mầu vắng lặng mà thường sáng suốt chiếu soi không ? (Tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu).

Phú Lô Na thưa : – **Bạch Thế Tôn, con có thường nghe Phật dạy như thế.**

Phật hỏi : – **Vậy chơn tâm này, ông cho nó tự có tánh sáng suốt chiếu soi (phân biệt) hay là không có sáng suốt chiếu soi ?**

Phú Lâu Na thưa : - Vì nó sẵn có tánh sáng suốt chiếu soi (phân biệt) nên mới gọi là tâm. Nếu nó không có tánh sáng suốt chiếu soi (phân biệt) thì không gọi là tâm, vì nó không phân biệt được cái gì cả.

Phật dạy : - Như lời ông nói : “Nếu nó không sáng suốt chiếu soi (phân biệt) thì không phải là tâm, vì nó không phân biệt được cái gì cả”. Vậy ông có hiểu chăng : nếu có chiếu soi phân biệt, thì không phải là chơn (vì có năng phân biệt thì phải có bị phân biệt), còn không có chiếu soi phân biệt, thì chẳng phải là tâm. Nếu tâm mà không sáng suốt thì không phải là chơn tâm thanh tịnh rồi.

Ông nên hiểu : Chơn tâm vẫn sáng suốt, vì ông vọng chấp cái “sáng suốt phân biệt” làm tâm, nên thành ra có năng phân biệt (tâm) và bị phân biệt (cảnh).

Chơn tâm của ông không phải cái “bị phân biệt”, nhưng vì ông khởi ra cái “năng phân biệt”, nên nó (chơn tâm) trở lại thành cái “bị phân biệt” (cảnh). Đã vọng thành cái “bị phân biệt”, cố nhiên ở nơi ông phải vọng sanh ra cái “năng phân biệt”.

Thế là ở nơi chơn tâm của ông vẫn thanh tịnh không có năng và sở, mà thoạt nhiên thành ra có năng và sở (vô đồng dị trung, xí nhiên thành dị).

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này Phật chỉ cái nguyên nhân từ chơn tâm thanh tịnh, vì vọng động nổi lên nên sanh ra có thế giới và chúng sanh.

Chơn tâm thanh tịnh mỗi người đều sẵn đủ. Nếu chấp nó “không có phân biệt” thì chẳng phải là tâm, còn chấp nó “có phân biệt” thì chẳng phải là chơn.

Bởi ông Phú Lâu Na chấp cái “phân biệt chiếu soi” làm tâm, nên đã có cái phân biệt, cố nhiên phải có cái bị phân biệt. Thế là năng, sở vừa hiện, thì bỉ và thử rõ ràng.

Đây là Phật chỉ cái hành tướng của vọng, từ nơi tâm của mọi người khởi lên một cách rõ ràng.

Một vọng niệm vừa nổi lên, thì có trăm ngàn vọng niệm khác tiếp tục theo sanh ra, cho đến vô cùng vô tận. Như đó mà có hư không, thế giới và chúng sanh đồng thời hiện ra, Cũng như người đang thức (dự chơn tâm) bỗng chốc buồn ngủ nổi lên, (dự vô minh vọng động) chiêm bao thấy có núi sông, nhà cửa các cảnh vật hiện ra (dự hư không, thế giới và chúng sanh).



III. PHẬT CHỈ NGUYÊN NHÂN CHÚNG SANH RA HƯ KHÔNG, THẾ GIỚI VÀ CHÚNG SANH

– Từ một thể chơn tâm không khác, vì vọng niệm phân biệt, có năng sở, bỉ thử sai khác, nên hiện ra có hư không và thế giới. Như có hư không thế giới nên mới có chúng sanh. Đã có thế giới và chúng sanh lằng xằng đối đãi nhau, nên khởi lên vô số vọng tưởng phân biệt : tốt, xấu, phải, chẳng v.v... Vì thế mà sanh ra đủ các phiền não trần lao nhiễm ô. Cái có hình tướng và sanh diệt là thế giới, cái không hình

tướng và yên tịnh là hư không; khác với hư không, thế giới là chúng sanh vậy.

IV. PHẬT CHỈ NGUYÊN NHÂN RIÊNG VÀ TUẦN TỰ SANH RA VŨ TRỤ

1. NGUYÊN NHÂN SANH GIÓ

– Từ nơi chơn tâm, do vô minh vọng động mà có hư không. Hư không mờ昧 vì vô minh sanh. Trong “hư không” có chất động, vì là vọng. Bởi thế nên trong hư không có gió (phong luân) để duy trì thế giới.

2. NGUYÊN NHÂN SANH RA VÀNG NGỌC

Nhơn hư không sanh ra gió, và vì nơi tâm chúng sanh có tánh cố chấp phân biệt, cho nên ứng hiện ra ngoài thế giới có những chất cứng chắc là vàng ngọc (vàng ngọc cứng chắc là vì tâm cố chấp sanh. Nó sáng ngời là do tâm phân biệt sanh). Đây là nguyên nhân có chất kim khí để bảo trì thế giới.

3. NGUYÊN NHÂN SANH RA LỬA

Trong tâm chúng sanh vì có tánh cố chấp phân biệt, nên sanh ra chất cứng chắc là kim khí, và vì có vọng động mà thành ra gió. Rồi gió thổi kim khí, nó cọ sát mãi, nóng lên, nên nháng sanh ra ánh sáng là lửa. Đây là cái nguyên nhân có lửa để nấu đốt các vật.

4. NGUYÊN NHÂN SANH RA NƯỚC

Chất vàng ngọc vừa sáng ngời và đượm mát. Như lửa xông lên, nên có hơi nước rịn ra. Đây là cái nguyên nhân có nước để bao bọc cả mười phương thế giới.

LƯỢC GIẢI

Vì tâm vọng động nên biến hiện ra ngoài thế giới có gió. Vì tâm cố chấp, cho nên biến hiện ra ngoài thế giới có vàng ngọc. Vì tâm nóng nảy, nên biến hiện ra ngoài thế giới có lửa. Vì tâm tham ái, cho nên biến hiện ra ngoài thế giới có nước.



5. NGUYÊN NHÂN SANH RA CỒN ĐẢO VÀ BIỂN

– Vì tánh lửa bốc lên, còn nước thì lại chảy xuống, nên có chỗ thấp ướt là sông biển, chỗ nổi lên cao là cồn đảo. Bởi lửa và nước dung hòa nhau, cho nên trong biển thỉnh thoảng bốc lên ánh sáng của lửa, trong cồn đảo lại có sông rạch thường chảy ra nước.

LƯỢC GIẢI

Trong bộ Tông Cảnh nói : “Vi tâm luyến ái nên ứng hiện ra ngoài thành sông biển. Vì tâm cố chấp nên ứng hiện ra ngoài thành cồn đảo, tâm khinh mạn thành ra gió, tâm nóng nảy, sân hận thành ra lửa. Bởi thấy sắc dục sanh tâm luyến ái, nên hiện ra ngoài thế giới : Trong cồn đảo có nước thường chảy. Vì trái với sự thương yêu thì nổi sân, nên hiện ra ngoài thế giới : trong biển có lửa phát lên. Tóm lại, bốn đại đều duy tâm biến hiện (dụ như chiêm bao, nếu ban ngày nghĩ tưởng cái gì, thì ban đêm hiện ra cảnh ấy).



6. NGUYÊN NHÂN SANH RA NÚI

Vì thế lực của nước yếu hơn lửa, nên bị lửa bốc lên kết thành núi cao. Bởi thế nên đập đá thì có lửa, còn đốt quá nóng, thì nó chảy ra nước.

LƯỢC GIẢI

Vì tâm giận nhiều thương ít, nên ứng hiện ra ngoài thế giới có núi cao.



7. NGUYÊN NHÂN SANH RA CỎ CÂY

Vì thế lực của đất yếu hơn nước, cho nên bị nước rút lên làm cỏ cây. Bởi thế nên cỏ cây, nếu bị đốt thì thành tro (đất) còn ép thì nó lại ra nước.

LƯỢC GIẢI

Vì tâm thương yêu nặng nề, tánh cố chấp ít, nên ứng hiện ra ngoài thế giới thành cỏ cây.



Tóm lại, vì ở trong tâm chúng sanh, các vọng tưởng xen nhau phát sanh, nên ứng hiện ra ngoài thế giới có các cảnh vật. Bởi như duyên này mà thế giới nối nhau sanh mãi không dứt.

V. PHẬT CHỈ NGUYÊN NHÂN CÓ CHÚNG SANH (NHƠN SANH)

– Ông Phú Lô Na, cái “hư vọng phân biệt” đó không có gì lạ, chỉ vì ông chấp cái “phân biệt chiếu soi” làm tâm. Đã có phân biệt, tất nhiên

phải có cái “bị phân biệt” đối đãi nhau. Vì thế nên cái năng phân biệt” không vượt ra ngoài cảnh “bị phân biệt” được. Do nguyên nhân này, nên nghe không ngoài tiếng, thấy không ngoài sắc, ngửi không ngoài mùi, nếm không ngoài vị v.v... vọng thành 6 căn và 6 trần đối nhau, nên phân ra có : thấy, nghe, hay, biết.

Rồi theo nghiệp lực kéo dẫn, cho nên có những loài sanh con (như người và thú) loài sanh trứng (như chim và cá) loài sanh chỗ ẩm ướt (như vi trùng v.v...) loài hóa sanh (như trời và địa ngục).

Thần thức khi đầu thai, như thấy ánh sáng (lửa dục) của cha mẹ phát ra, rồi nó khởi cái “tưởng” chung cha làm việc dục ấy. Nếu nó sẽ là trai thì ưa mẹ mà ghét cha, còn nó sẽ là gái thì thương cha mà ghét mẹ. Vì tình lưu luyến nơi ái dục không rời được, nên nó tự kết nạp tư tưởng của nó với tinh huyết của cha mẹ khi giao cấu đó, kết thành ra thai. Vì có như duyên với nhau và do đồng nghiệp kéo dẫn, nên kết thành thai nghén. Loài sanh thai, sanh trứng, sanh nơi ẩm thấp, hoặc hóa sanh đều tùy theo nghiệp của mỗi loài mà cảm ứng.

Loài sanh trứng là do nơi tưởng nhiều, loài sanh thai là do nơi tình nặng, loài thấp sanh là do hiệp với chỗ ẩm thấp, loài hóa sanh thì rời cảnh vật tự nó hóa hiện. Bốn loài biến đổi, tùy

theo nghiệp lành hay dữ mà cảm thọ quả báo có thặng và trầm. Do như duyên ấy mà chúng sanh bỏ thân này thọ thân kia, nối nhau không dứt.

VI. PHẬT CHỈ NGUYÊN NHÂN CHÚNG SANH TIẾP TỤC SANH

1. Tham dục. – Nay Phú Lô Na, chúng sanh vì tình ân ái kết chặt, thương tưởng quyến luyến nhau không rời, cho nên trong thế gian, cha mẹ, con cháu tiếp tục sanh ra không cùng tột, gốc tại lòng tham dục vậy.

2. Tham sát. – Loài nào cũng thương yêu thân mạng, muốn cho mình được sống, nên tham ăn những vật bổ dưỡng. Vì thế mà trong thế gian này, loài mạnh ăn thịt loài yếu, loài khôn giết loài dại. Bốn loài (noãn, thai, thấp, hóa) ăn nuốt lẫn nhau, gốc tại lòng tham sát hại.

3. Tham trộm cướp. – Bởi loài người ăn thịt loài vật, loài vật trở lại ăn thịt người. Người chết làm vật, vật chết làm người, các loài chúng sanh, sanh sanh tử tử, nối tiếp nhau. Các ác nghiệp đã tạo ra rồi, thì cùng nhau vay trả, cho đến nghìn đời không tột, gốc tại lòng tham lam trộm cướp.

LƯỢC GIẢI

Loài vật, chúng nó không muốn cho người giết thân mạng nó, mà người lại ý sức mạnh giết hại để ăn, thế nên phạm tội

cướp giết. Có vay cố nhiên phải có trả; nên giết hại không những phạm tội sát sanh, mà còn phạm cả tội cướp giết.



Loài này cướp giết thân mạng loài kia, loài kia giết hại lại loài này; trả vay, vay trả lẫn nhau, đến trăm ngàn kiếp không ra khỏi sanh tử.

Trai mê sắc gái, gái thương tình trai, vì tình ân ái thương yêu lẫn nhau, nên trăm ngàn kiếp bị triển phược trong vòng luân hồi.

Tóm lại, vì ba nghiệp sát, đạo, dâm làm gốc, nên nghiệp (nơn) và quả nối nhau, không bao giờ cùng tận.

Này ông Phú Lô Na, thế giới, chúng sanh và nghiệp quả ba món điên đảo tương tục này đều ở trong chơn tâm, vì vô minh vọng động sanh ra “năng phân biệt” và “sở phân biệt” tương đối, nên vọng thấy có sơn hà đại địa, thế giới và chúng sanh, rồi tiếp tục sanh hóa, vô cùng hư vọng.

VII. PHÚ LÔ NA HỎI TIẾP : CHƯ PHẬT ĐÃ CHỨNG ĐƯỢC CHƠN TÂM THANH TỊNH RỒI, VẬY CHỪNG NÀO NỔI VỌNG TRỞ LẠI

Ông Phú Lô Na hỏi Phật : – Bạch Thế Tôn, cái chơn tâm của con đã cùng với Phật không khác, vốn thanh tịnh không tăng không giảm, bỗng nhiên vọng động nổi lên, sanh ra thế giới

và chúng sanh. Vậy các Đức Như Lai đã chứng được chơn tâm ấy rồi, chững nào vô minh vọng động nổi lên, sanh trở lại thế giới và chúng sanh nữa ?

VIII. PHẬT DÙNG BA THÍ DỤ ĐỂ GIẢI THÍCH

1. DỤ NHƯ NGƯỜI LẦM PHƯƠNG HƯỚNG ĐỂ CHỈ RÕ NGỘ RỒI KHÔNG MÊ TRỞ LẠI

Phật dạy rằng : - Nay Phú Lô Na, như người lầm phương hướng, tưởng phía Nam là phía Bắc. Ông nghĩ sao, cái “mê lầm” ấy như mê mà có, hay như ngộ mà sanh ? Nay Phú Lô Na, không phải như ngộ, mà cũng không phải như mê. Vì sao ? Cái mê không có căn nguyên, thì làm sao nói như mê mà có. Còn ngộ không thể sanh ra mê được, thì sao lại nói như cái ngộ mà sanh.

Phú Lô Na, người kia đương lúc đi lầm đường, nếu có người biết đường chỉ lại cho họ : đây là phía Nam, kia là phía Bắc v.v... Vậy từ đó về sau họ còn lầm lộn nữa không ?

Phú Lô Na thưa : - Bạch Thế Tôn, người kia không còn lầm lộn nữa.

Phật dạy : - Nay Phú Lô Na, mười phương các Đức Như Lai cũng vậy, khi ngộ được chơn tâm thành Phật rồi, thì bao giờ mê trở lại làm chúng sanh nữa. Vì cái mê lầm không thật, rất

ráo chẳng có gốc rễ. Trước kia vốn không mê, nhưng in tuồng có cái mê trong cái ngộ (như đám mây che mặt nhật). Đến khi giác ngộ được cái mê, thì cái mê kia tự diệt; cái “giác ngộ” ấy không sanh trở lại cái mê nữa.

2. DỤ NHƯ HOA ĐỐM GIỮA HƯ KHÔNG KHI DIỆT RỒI KHÔNG CÒN SANH TRỞ LẠI

– Lại nữa, cũng như người bị nhậm con mắt, thấy có hoa đốm lăng xăng giữa hư không. Đến khi hết nhậm rồi thì hoa kia tự hết. Nếu người ấy còn nhìn lại chỗ các hoa đốm diệt ở nơi hư không kia để trông mong cho hoa sanh trở lại, nếu như thế ông thử nghĩ, người đó khôn hay dại ?

Phú Lâu Na thưa : – Hư không không có hoa đốm, mà vọng thấy có hoa đốm sanh diệt, thế đã là điên đảo rồi, huống nữa, trông mong nó sanh trở lại, thật người ấy điên đảo lắm, không còn nói đại hay khôn nữa được.

Phật nói : – Ông đã hiểu như vậy, tại sao còn hỏi : “Như Lai đã ngộ được chơn tâm thanh tịnh rồi, vậy chừng nào nổi vọng trở lại, sanh ra sơn hà đại địa nữa” ?

3. DỤ NHƯ VÀNG VÀ CỬ

Cũng như vàng trong mỏ, khi đào lên đã lọc hết khoáng thành vàng ròng rồi, lúc bấy giờ

không còn trở lại làm khoáng nữa. Và cũng như cây đốt thành tro, không thể trở lại thành cây nữa được.

Chư Phật cũng thế, khi chứng được Bồ-đề Niết-bàn rồi, không còn vọng động trở lại làm chúng sanh nữa.

IX. PHẬT TRẢ LỜI CÂU HỎI THỨ HAI

Phật nói : – Phú Lô Na, như lời ông hỏi : “nước và lửa tại sao chẳng diệt nhau, trái lại được dung hòa cùng nhau và đều biến khắp cả vũ trụ ? Hư không với đất tánh chất không đồng, tại sao dung biến được ?”.

Này Phú Lô Na ! Tất cả các pháp xem về tướng (hiện tượng) của nó, nguyên là hư vọng, không thể chỉ bày cái gì thật là cái gì được. Nó đã hư vọng không thật mà ông lại còn hỏi “tại sao nó chẳng diệt nhau”. Như thế chẳng khác nào người ngồi trông đợi cho cái hoa đốm giữa hư không kia kết đậu thành ra trái, thì làm sao mà kết đậu cho được !

LƯỢC GIẢI

Như các hình chớp bóng chiếu trên miếng vải trắng, bởi nó không thật, nên không cái nào ngại cái nào cả.



- Còn xem về tánh (bản thể) của các pháp, thì nguyên nó là chơn. Duy có một thể chơn tâm, nguyên không phải đất, nước, gió, lửa thì sao lại chẳng dung hòa nhau được.

X. PHẬT CHỈ CHƠN TÂM TÙY DUYÊN BIẾN HIỆN

- Phú Lô Na ! Chơn tâm của ông như thế, nếu ông phân biệt hư không thì có hư không hiện ra, phân biệt đất, nước, gió, lửa, thì đều có đất, nước, gió, lửa hiện ra.

Cũng như hai người đồng xem một mặt trăng dưới nước. Rồi một người đi qua phía Đông và một người đi qua phía Tây, thì hai người đều thấy có mặt trăng đi theo mình cả, không có chuẩn định.

Ông không thể hỏi : “Mặt trăng chỉ một, tại sao đi theo cả hai người”; hay là nói “hai người đi riêng đều thấy có hai mặt trăng, tại sao hiện nay chỉ thấy có một” (Khi hai người đứng chung một chỗ).

Phú Lô Na ! Ông nên biết : Vì các pháp hư huyền, không thể lấy đâu làm bằng cứ được.

XI. CHÚNG SANH TRÁI VỚI CHƠN TÂM SÁNG SUỐT VÀ HIỆP THEO VỌNG TRẦN

- Phú Lô Na ! Các ông vì trái với chơn tâm sáng suốt, mê muội hiệp theo vọng trần, nên chơn tâm tùy duyên biến hiện ra có hư không thế giới,

các thứ trần lao trong thế gian, cùng khắp pháp giới. Vì thế nên ông thấy có gió động, hư không lặng, mặt nhật sáng, mây mờ, sắc tướng và hư không lẩn nhau, nước và lửa diệt nhau v.v...

XII. PHẬT HIỆP VỚI CHƠN TÂM SÁNG SUỐT

– Còn Ta (Phật) thì trái với vọng trần, hiệp với chơn tâm thường trụ bất sanh bất diệt, biến khắp cả pháp giới. Cho nên Ta mới được tự tại vô ngại : Ở trong một hiện ra vô lượng, vô lượng hiệp làm một, trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ; không rời nơi đạo tràng mà hiện khắp cả mười phương thế giới. Thân Ta bao trùm mười phương hư không vô tận. Trên đầu một mảy lông hiện ra các cõi nước; ngồi trong hạt bụi, mà chuyển đại pháp luân. Vì Ta diệt hết vọng trần, trở lại với bản tâm thanh tịnh sáng suốt, nên mới được như vậy.

LƯỢC GIẢI

Vì Phật đã ngộ chơn tâm thanh tịnh, nên mới được tự tại vô ngại, không còn bị các vật lớn, nhỏ, nhiều, ít v.v... làm chướng ngại.

Trái lại, chúng sanh vì mê chơn tâm, hiệp theo vọng trần nên thấy có các vật lớn, nhỏ, rộng, hẹp chướng ngại.

Bởi tâm có chướng ngại (vọng phân biệt) nên thấy ngoài trần cảnh có chướng ngại. Nếu trong tâm hết chướng ngại (không vọng) thì không còn thấy có một vật gì làm chướng ngại cả.



BÀI THỨ CHÍN

- I. Phật dạy chơn tâm phi tất cả tướng.
- II. Phật dạy chơn tâm tức tất cả pháp.
- III. Đến một từng nữa, là chơn tâm không thể nói “phi” và “tức”.
- IV. Phật lấy cây đờn để tỷ dụ.
- V. Ông Phú Lôu Na hỏi Phật : Chơn tâm như đâu có vọng.
- VI. Phật dạy : Đã là vọng thì không có sở nhưn, như ông Diễn Nhã Đạt Đa.
- VII. Nếu các vọng duyên dứt, tâm cuồng vọng tiêu, thì chơn tâm hiện bày.
- VII. A Nan nghi : “Tâm Bồ-đề do nhưn duyên sanh”.
- IX. Phật định nghĩa chữ nhưn duyên, tự nhiên và bác.
- X. Phật phá chấp nhưn duyên để dẫn vào vô công dụng.
- XI. Phật phá chấp tự nhiên, để thành vô hí luận.
- XII. Phật quả ông A Nan học nhiều mà không tu, thì chẳng có lợi ích gì.
- XIII. So sánh để khuyến khích tu hành.

BÀI THỨ CHÍN

I. PHẬT DẠY : CHƠN TÂM PHI TẤT CẢ TƯỚNG

Phật dạy : - Chơn tâm này phi tâm (thức) phi đất, nước, gió, lửa và phi hư không.

(Đoạn này nói : Chơn tâm phi ngũ uẩn; Thọ, tưởng, hành, thức thuộc về tâm; Còn đất, nước, gió, lửa, thuộc về sắc).

Nó phi nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý; phi sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp; phi nhãn thức giới cho đến phi ý thức giới.

(Đoạn này nói : Chơn tâm phi lục nhập, thập nhị xứ và thập bát giới. Nói phi ấm, giới, nhập tức là nói phi cảnh giới lục phàm).

Chơn tâm phi minh vô minh và minh vô minh tận, cho đến phi lão tử và phi lão tử tận.

(Đoạn này nói : Phi 12 nhơn duyên, cả lưu chuyển và hoàn diệt là cảnh giới của Duyên-giác)

Phi khổ, tập, diệt, đạo; phi trí và phi đắc.

(Đoạn này nói : Phi Tứ đế là cảnh giới của Thỉnh-văn).

Phi bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định và trí huệ.

(Đoạn này nói : Phi lục độ là cảnh giới của Bồ-tát).

Cho đến phi Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri... (mười hiệu) phi Đại Niết-bàn và phi bốn đức của Niết-bàn : thường, lạc, ngã, tịnh.

(Đoạn này nói : phi cảnh giới Phật. Từ Thinh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát và Phật gọi là tứ Thánh).

Tóm lại, chơn tâm phi tất cả các pháp thế gian (6 cõi phàm) và xuất thế gian (4 quả Thánh) vậy.

LƯỢC GIẢI

Đã là chơn tâm thì không còn vọng. Vì không còn vọng nên không có đối đãi : ngộ mê, Thánh phàm, chúng sanh và Phật, hữu vi hay vô vi v.v... vì nó tuyệt tánh, lý tướng.



II. PHẬT DẠY : CHƠN TÂM TỨC TẤT CẢ PHÁP

Phật dạy : - Chơn tâm này, cũng tức tất cả pháp; tức là tâm; tức là đất, nước, gió, lửa và hư không; tức là nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý; tức là sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp; tức là nhãn thức giới cho đến ý thức giới; tức Tứ đế; tức Thập nhị nhơn duyên; tức là Lục độ; tức là Phật và bốn đức Niết-bàn. Nói tóm lại, chơn tâm tức là tất cả pháp thế gian và xuất thế gian.

LƯỢC GIẢI

Tâm đã sanh ra tất cả pháp, thì tâm là tất cả pháp. Cũng như bột đã làm ra các thứ bánh, thì bột đó tức là bánh.



III. ĐẾN MỘT TỪNG NỮA LÀ CHƠN TÂM KHÔNG THỂ NÓI “PHI” VÀ “TỨC”

– Phú Lâu Na, cái chơn tâm này lại rời tất cả “tức” và “phi”, mà cũng là “tức” và “phi tức”.

Chơn tâm như thế, thì từ kẻ phàm phu cho đến các vị Thánh : Thỉnh-văn, Duyên-giác, làm sao lấy tâm trí suy nghĩ cho đến đạo vô thượng Bồ-đề của Như Lai, hay dùng lời nói luận bàn của thế gian mà ngộ nhập chỗ tri kiến của Phật cho được ?

LƯỢC GIẢI

Đây là chỗ tuyệt đối, không thể nói năng, suy nghĩ và kêu gọi là gì được. Túng cùng chỉ gọi “Chơn tâm” thôi. Bởi thế nên Phật đóng cửa thất tại nước Ma Kiệt; ông Duy Ma ngậm miệng ở thành Tỳ Gia, cũng vì lý đạo quá cao siêu và nhiệm mầu, nên không thể nói ra được vậy.



IV. PHẬT LẤY CÂY ĐỜN ĐỂ TỶ DỤ

Tỷ dụ như cây đờn cầm hay đờn tỳ bà v.v... tuy sẵn có tiếng hay, nhưng phải nhờ ngón tay hay của người biết khảy (nhạc sĩ) mới có thể phát ra tiếng hay được.

LƯỢC GIẢI

Thí dụ này rõ ràng và thật tế lắm. Người đờn hay khảy ra tiếng hay, người đờn vừa khảy ra tiếng vừa, người đờn dở khảy ra tiếng dở, song đều có tiếng cả. Dụ như chơn tâm của chúng ta tùy duyên biến hiện các pháp; nếu khéo dùng thì hiện ra Phật, còn vừa

vừa thì thành Bồ-tát, Thịnh-văn, vọng lắm thì thành tam đồ lục đạo, đều có biến hiện cả..



Ta cùng với các ông cũng đồng một bản thể chơn tâm thanh tịnh này và viên mãn khắp giáp tất cả. Song Ta làm việc gì và lúc nào cũng đều chơn cả. Còn các ông tâm vừa móng lên, thì phiền não trần lao đã khởi trước.

Bởi các ông không siêng năng cầu đạo vô thượng, chỉ ưa mển quả Tiểu thừa, mới vừa chứng được chút ít lại cho là đầy đủ.

V. ÔNG PHÚ LÂU NA HỎI PHẬT : CHƠN TÂM NHƠN ĐÂU CÓ VỌNG

Ông Phú Lâu Na thưa : – Bạch Thế Tôn, con cùng với Phật đã đồng một chơn tâm viên mãn không khác. Nhưng con bị vọng tưởng từ vô thỉ, nên nhiều kiếp phải chịu sanh tử luân hồi, nay tuy chứng đặng quả Thánh, mà chưa cứu cánh (còn ở về Tiểu thừa).

Còn Đức Thế Tôn, thì tất cả các vọng đã hoàn toàn diệt, Ngài đã chứng chơn tâm thường trụ rồi, được tự tại giải thoát. Vậy con xin kính hỏi Đức Thế Tôn : Tất cả chúng sanh vì sao có vọng, tự che lấy chơn tâm mà phải chịu trầm luân ?

VI. PHẬT DẠY : ĐÃ LÀ VỌNG THÌ KHÔNG CÓ SỞ NHƠN, NHƯ ÔNG DIỄN NHÃ ĐẠT ĐA

Phật dạy : - Nay Phú Lô Na, ông tuy trừ nghi, mà các mê lầm chưa hết. Ta nay dùng việc thật tế và hiện tiền trong thế gian để chỉ dạy ông : Vừa rồi đây, ông có nghe câu chuyện chàng Diễn Nhã Đạt Đa tại thành Thất La không ? Một buổi sáng nọ chàng lấy gương soi mặt, thấy cái đầu trong gương (bóng) có mặt mày đáng thương. Chàng trở lại giận trách “cái đầu thiệt của mình đây sao không thấy được mặt mày của mình; hay là ma quỷ?”. Rồi bỗng nhiên chàng nổi cuồng vùng chạy... Theo ý ông, người này như cái gì mà bỗng nhiên nổi cuồng vụt chạy ?

Ông Phú Lô Na thưa : - Người ấy tự tâm họ cuồng, chớ không có như cái chi cả.

Phật dạy : - Cũng vậy đó, ông Phú Lô Na. Đã nói là “vọng” thì đâu có sở như, còn có sở như thì không phải là vọng. Các vọng tưởng tự nó như nhau liên tiếp phát sanh; từ đời này đã mê rồi chất chứa thêm cái mê, cho đến nhiều kiếp. Ta đã nhiều lần chỉ dạy, mà các ông hãy còn chưa ngộ trở lại.

Nay Phú Lô Na, cái “mê” như vậy đó, như mê tự có ? Nếu người biết được cái “mê” ấy không nguyên nhân, thì cái “mê vọng” đó không

còn gá nường vào dẫu nữa. Lúc bấy giờ dẫu muốn cho nó sanh còn không thể được, huống chi muốn diệt.

Các ông nên biết : người đặng đạo Bồ-đề rồi (ngộ chơn tâm), cũng như người thức giấc mộng, mà muốn nói lại việc chiêm bao; mặc dầu trong tâm nhớ biết rõ ràng, nhưng không làm sao chỉ các vật trong chiêm bao ra được, vì nó không thật có, vả lại nó cũng không có nguyên nhân nữa. Cũng như chàng Diễn Nhã Đạt Đa, tự sợ cái đầu của mình, rồi nổi cuồng vụt chạy, chớ không có sở nhưn gì cả.

Nếu cái “cuồng” kia thoát nhiên hết, thì cái đầu” vẫn y nguyên. Dù cho khi chưa hết cuồng thì cái đầu ấy cũng không mất. Nay Phú Lô Na, các “mê vọng” như vậy đó, chớ có nhưn cái gì dẫu !

LƯỢC GIẢI

Cái đầu là dụ cho “chơn tâm”. Tự nổi cuồng là dụ cho các “vọng tưởng” tự sanh. Hết cuồng rồi thì cái đầu vẫn y nguyên, dẫu đang cuồng cái đầu cũng không mất, là dụ cho ngộ rồi thì chơn tâm tự hiện, dẫu chưa ngộ, chơn tâm cũng không mất.



VII. NẾU CÁC “VỌNG DUYÊN” DỨT, TÂM “CUỒNG VỌNG” TIÊU THÌ CHƠN TÂM HIỆN BÀY

Này Phú Lô Na, các ông khi đối với trần cảnh (thế giới, chúng sanh, nghiệp quả) chỉ đừng có

khởi vọng niệm phân biệt, thì tham, sân, si, (ba duyên) không khởi. Ba duyên không khởi, thời ba nhưn sát, đạo, dâm chẳng sanh. Lúc bấy giờ anh hùng Diễn Nhã Đạt Đa (mê) ở trong tâm các ông tự hết, mà hết tức là Bồ-đề (sáng suốt). Khi ấy chơn tâm của ông thanh tịnh sáng suốt tự hiện bày, khắp cả pháp giới, không cần phải cực nhọc khó khăn tu chứng, hay xin cầu nơi ai cả.

LƯỢC GIẢI

Bởi đối cảnh khởi tâm phân biệt, nên sanh ra tham, sân, si. Vì tham, sân, si mới có sát, đạo, dâm. Do sát, đạo, dâm nên phải chịu sanh tử luân hồi.

Tỷ dụ như người khi đối với nữ sắc v.v... chỉ thấy qua, không khởi vọng niệm phân biệt thì chẳng có hại chi. Đến lúc khởi tâm phân biệt đây là xấu, thì tâm ghét giận nổi lên. Còn phân biệt kia là đẹp, thì tâm tham muốn sanh ra. Tham, sân, đã sanh, thì si cũng theo đó mà khởi.

Còn khi đối cảnh, mà tâm không khởi phân biệt, thời vọng niệm chẳng sanh, vọng niệm không sanh, thì chơn tâm tự hiện.

Thật là một pháp tu trực chỉ mau thành Phật nhưt, mà cũng là khó nhưt. Chúng ta suốt đời chỉ tu theo bốn chữ Phật đã dạy : “Bất tùy phân biệt” (đối cảnh không khởi phân biệt) cũng chưa chắc đã tu xong.



Tỷ dụ như kẻ cùng tử, trong túi áo có sẵn hột châu như ý, nhưng không hay biết, nên chịu nghèo hèn vất vả phải đi làm thuê mượn ở các phương xa, kiếm ăn qua ngày tháng, song hột châu ấy không mất. Đến khi gặp người tri thức

(quen) chỉ cho biết : “Anh đã sẵn có hột châu vô giá trong túi áo kia”. Lúc bấy giờ anh muốn gì được nấy, giàu có vô cùng. Chừng ấy anh mới hối ngộ rằng : hột thần châu này chính mình đã sẵn có, không phải do nơi người mà được.

LƯỢC GIẢI

Lời tỷ dụ này rất hay, Phật chỉ rõ chúng sanh đều sẵn có Phật tánh (chơn tâm) Nhưng vì không ngộ được, nên phải nhiều kiếp làm chúng sanh khổ sở, mà Phật tánh thì vẫn không mất. Đến khi ngộ được chơn tâm, chứng thành quả Phật, phước trí đầy đủ rồi mới biết rằng : chơn tâm này chính mình sẵn có, không phải do nơi người mà được.



VIII. A NAN NGHI “TÂM BỒ-ĐỀ” DO NHƠN DUYÊN SANH

Khi đó A Nan đứng dậy lạy Phật, chấp tay bạch rằng : – Đức Thế Tôn nói : “Ba duyên tham, sân, si dứt rồi, thời ba nhơn sát, đạo, dâm không sanh. Lúc bấy giờ anh khùng Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm ông tự hết, mà hết tức là Bồ-đề, không phải do nơi người mà đặng”.

– Bạch Thế Tôn, như thế thì tâm Bồ-đề rõ ràng là do nhơn duyên sanh rồi. Tại sao Đức Như Lai lại bác thuyết nhơn duyên sanh?

Không những riêng chúng con là hàng Thinh-văn tuổi trẻ hữu học, do nhơn duyên mà tâm được khai ngộ; chính như trong hội này, những vị đã đặng vô lậu, như ông Đại Mục

Kiên Liên, ông Xá Lợi Phát và ông Tu Bồ Đề từ dòng Phạm chí ngoại đạo, cũng do nghe Phật nói như duyên, mà tâm được khai ngộ.

Nay Phật nói : “Tâm Bồ-đề không từ nơi như duyên sanh”. Như thế thì chúng ngoại đạo Câu xá ly kia nói về thuyết “tự nhiên” cũng thành đúng lý hay sao ? Xin Phật duỗi lòng đại bi, vạch mở chỗ mê mờ cho chúng con.

LƯỢC GIẢI

Ông A Nan trước đã nghi như duyên và tự nhiên, đều bị Phật phá rồi, nay ông lại còn nghi như duyên và tự nhiên nữa. Bởi vì lưới nghi chồng chập nhiều đời, vả lại hàng Thịnh-văn pháp chấp khó trừ. Cũng như cây chuối, lột được bẹ này, lại bày ra bẹ khác. Lột cho hết bẹ thì lôm chuối mới bày. Phá nghi cho hết, thì “chơn tâm” mới hiện.

IX. PHẬT ĐỊNH NGHĨA CHỮ NHƯ DUYÊN TỰ NHIÊN VÀ BÁC

Phật dạy rằng : – Nay A Nan, như chàng Diên Nhã Đạt Đa kia, vì như duyên soi gương, cho nên chàng mới sanh ra cuông. Đến khi hết cuông thì tánh không cuông (tĩnh) tự nhiên sanh ra; có phải cái lý như duyên và tự nhiên cùng tột như thế chăng ?

Này A Nan, chàng Diên Nhã Đạt Na kia, nếu cái đầu của chàng đã là tự nhiên, thì lúc nào cũng vẫn tự nhiên, vậy do như duyên gì nổi cuông sợ chạy ?

Nếu cái đầu là tự nhiên, vì nhưn duyên soi gương cho nên mới cuồng, vậy cái đầu cũng vẫn tự nhiên, sao chẳng vì nhưn duyên soi gương mà mất đi. Phải biết : cái đầu vẫn không biến đổi hay mất đi, còn “cuồng sợ” tự nó vọng sanh. Vậy thì cần gì phải có nhưn duyên soi gương mới sanh ra cuồng ?

LƯỢC GIẢI

Đoạn này đại ý nói : Nếu nói “chơn tâm tự nhiên”, thì lúc nào nó cũng vẫn tự nhiên, vậy do nhưn duyên gì mà nội vọng. Nếu nói “do nhưn duyên nên nổi vọng” sao chẳng do nhưn duyên mà chơn tâm kia mất. Vậy thì biết, chơn tâm không biến đổi, cái “cuồng vọng” tự nó vọng sanh, không cần gì phải có nhưn duyên.



– Còn nói “cái cuồng đó tự nhiên sẵn có”, vậy thì khi chưa cuồng nó núp ở chỗ nào ?

Cái đầu đã tự nhiên không có cuồng vọng, vậy vì sao nổi cuồng vụt chạy ?

Nếu như người ngộ được “cái đầu mình sẵn có”, biết được cái “cuồng” tự nó vọng sanh, thì thuyết nhưn duyên và tự nhiên đều là nói chơi cả.

X. PHẬT PHÁ CHẤP NHƯN DUYÊN ĐỂ DẪN VÀO “VÔ CÔNG DỤNG”

– Thế nên Ta nói : “Ba duyên : tham, sân, si đoạn hết, tức là tâm Bồ-đề”. Nếu cái “vọng tâm sanh diệt kia diệt, mà tâm Bồ-đề sanh”, như thế cũng còn ở trong vòng sanh diệt. Phải diệt và

sanh đều hết, mới được vô công dụng đạo (chỗ cứu cánh).

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật phá chấp như duyên để dẫn nhập đạo vô công dụng.

✱

IX. PHẬT PHÁ CHẤP TỰ NHIÊN ĐỂ THÀNH VÔ HÍ LUẬN

- Nếu ông chấp “vọng tâm sanh diệt kia diệt rồi, thì tâm Bồ-đề tự nhiên sanh”; như thế cũng còn ở trong vòng sanh diệt, chưa phải thật là tự nhiên. Phải không còn sanh và diệt, mới thật là tự nhiên.

Ông nên hiểu thêm : không phải tự nhiên sanh, không phải như duyên hòa hiệp khởi; ly (rời) cả tự nhiên và nhân duyên hòa hiệp, mà cái “ly” đó cũng không còn nữa, như thế mới phải là chỗ rốt ráo (vô hí luận).

LƯỢC GIẢI

Đoạn này là Phật chỉ đến chỗ cứu cánh tuyệt đối, nếu còn nói năng phân biệt, thì chưa phải là tuyệt đối.

✱

XII. PHẬT QUỠ ÔNG A NAN HỌC NHIỀU KHÔNG TU, THÌ CHẴNG CÓ LỢI ÍCH GÌ

- A Nan ! Ông đối với quả Bồ-đề Niết-bàn của Phật hãy còn cách xa lắm ! Nếu ông không

siêng năng, trải qua nhiều kiếp chịu cực nhọc tu hành, thì dầu cho có nhớ hết nghĩa lý nhiệm mầu trong mười hai bộ Kinh của mười phương các Đức Phật, nhiều như số cát sông Hằng, cũng chỉ giúp thêm cho ông việc nói giỏi mà thôi, chớ không lợi chi cho ông cả.

Ông nay luận bàn về thuyết như duyên và tự nhiên rất là thông suốt. Người đời khen ông là bậc học rộng nghe nhiều. Nếu trong nhiều kiếp ông chỉ chứa chất cái học suông này mà không tu, thì không bao giờ khỏi được cái nạn Ma-dăng-già kia vậy.

Nếu cái học và nghe suông của ông đó có lợi, thì cần gì phải nhờ đến thần chú Lăng Nghiêm của Ta, để làm cho nàng Ma-dăng-già kia nguồn tình khô cạn, lửa dục tiêu tan, lại tinh tấn tu hành, trong đạo pháp của Ta, nàng chứng được quả Thánh thứ ba (A-na-hàm). Khi đó ông mới được giải thoát.

XIII. SO SÁNH ĐỂ KHUYẾN KHÍCH TU HÀNH

A Nan ! Ông tuy nhiều kiếp ghi nhớ các nghĩa lý nhiệm mầu của Như Lai, nhưng không bằng một ngày tu tập nghiệp vô lậu, xa lìa hai cái khổ thương ghét (tham, sân) ở thế gian.

Bằng chứng rõ ràng, như nàng Ma-dăng-già nguyên trước kia là kẻ dâm nữ, do nhờ thần

chú của Ta, mà nguồn tình khô cạn, lửa đục tiêu tan, lại xuất gia tu hành làm Tỳ-kheo-ni.

Còn bà Gia Du Đà La là mẹ của La Hầu La, vì biết được nhân đời trước, do tham ái mà nhiều đời phải chịu khổ, nên một niệm tu theo nghiệp lành vô lậu, mà được ra khỏi tình ái ân triền phược và dặng thọ ký.

Kẻ phụ nhân tu hành còn được như thế, huống chi các ông là nam tử, đã học rộng nghe nhiều, mà trở lại chấp chỗ thấy, nghe suông, chẳng biết tiến tu, sao tự khinh mình đến thế !

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật quả trách rất là thống thiết ! Nếu chỉ học nhiều mà không tu, thì chẳng có lợi ích gì. Chúng ra đọc đoạn này chớ nên nghĩ rằng : “Phật chỉ quả một mình ông A Nan”, mà chính là Ngài quả trách chung tất cả chúng ta vậy.



LƯU Ý : Từ trước đến đây, Phật nói về phần lý, từ đây về sau, Phật mới chỉ về đường lối tu hành.

BÀI THỨ MƯỜI

- I.- A Nan thuật lại chỗ mình đã ngộ và thỉnh Phật chỉ dạy phương pháp tu hành để nhập chơn tâm.
- II.- Phật dạy phương pháp tu.
- III.- Nghĩa quyết định thứ nhất.
- IV.- Nghĩa quyết định thứ hai.
- V.- Vì vọng nổi lên nên chơn tâm bị ẩn.
- VI.- Xoay vọng về chơn thì lục căn tự tại vô ngại (hồ dụng).
- VII.- Dẫn chứng các vị thấy, nghe, hay biết được tự tại, không còn bị cuộc hạn nơi các căn.
- VIII.- A Nan nghi : Các giác quan hiện tiền là vọng, tại sao Phật dạy y nơi đó làm nhân địa tu hành, lại chứng được quả Phật chơn thật ?
- IX.- Phật bảo đánh chuông để chứng minh cái tánh nghe thường còn.
- X.- Phật chỉ khi ngủ, “cái nghe” không mất.

BÀI THỨ MƯỜI

I. A NAN THUẬT LẠI CHỖ MÌNH ĐÃ NGỘ VÀ THỈNH PHẬT CHỈ DẠY PHƯƠNG PHÁP TU HÀNH ĐỂ NHẬP CHƠN TÂM

Ông A Nan và đại chúng được Phật dạy bảo rất tường tất, nên các điều nghi lẫm đã trừ hết, ngộ được chơn tâm (thật tướng), nhưng chưa biết làm sao chứng nhập, nên các ông cúi đầu lạy Phật, chấp tay kính cẩn thưa rằng :

– Bạch Thế Tôn, Ngài đã dùng đủ phương tiện dẫn dắt chúng con ra khỏi sông mê bể khổ. Hôm nay, chúng con tuy ngộ được chơn tâm của mình, biến khắp cả mười phương thế giới, nhưng còn bị Như Lai quở trách, học nhiều mà không tu, chẳng bằng người lo tu tập.

Nay chúng con cũng như người bán cùng vất vả, được vị Thiên Vương ban cho cái nhà lầu tốt đẹp, song chưa biết làm sao vào nhà. Cúi xin Đức Như Lai chỉ dạy cho chúng con, được vào tri kiến của Phật (chứng nhập chơn tâm).

II. PHẬT CHỈ DẠY PHƯƠNG PHÁP TU

Phật dạy A Nan và đại chúng : – Các ông nếu phát tâm Bồ-đề, đối với các pháp môn tu hành chí quyết tăng tấn, tâm không giải đãi, thì khi mới phát tâm, trước phải phân biệt rành rõ hai nghĩa quyết định.

III. NGHĨA QUYẾT ĐỊNH THỨ NHẤT

Này A Nan ! Các ông muốn bỏ Tiểu thừa Thinh-văn, tu theo Đại thừa Bồ-tát, vào tri kiến của Phật, thì trước phải quan sát cái nhơn địa phát tâm cùng với quả vị sẽ chứng là đồng hay khác ?

Nếu các ông dùng cái vọng tâm sanh diệt làm nhơn tu hành, mà mong cầu cho đặng quả Phật thường còn không sanh diệt, thì không thể được, Đây là điều quyết định thứ nhất.

LƯỢC GIẢI

Đoạn trước Phật đã dạy : nếu dùng vọng tâm làm tu nhơn, mà muốn đặng quả thường trụ, thì như người nấu cát muốn cho thành cơm, dầu trải qua bao nhiêu kiếp cũng không thể được. Hành giả phải an trụ nơi chơn tâm làm nhơn địa tu hành, thì mới đặng quả Phật bất sanh bất diệt.



A Nan ! Ông hãy xét coi : Trong thế gian những vật gì có làm ra, đều phải hoại diệt, chứ chưa từng nghe cái hư không có hoại diệt bao giờ, vì hư không không phải là vật bị làm ra vậy (hư không dụ chơn tâm, các vật là dụ vọng tâm có sanh diệt)

Xét lại trong thân ông, những vật cứng dẻo (da, thịt, gân, xương) là đất; những vật đượm ướt (máu, huyết, mồ hôi, mỡ) là nước; chất ấm, nóng trong người thuộc về lửa; những vật lưu động

(hơi thổi ra vào) là thuộc về gió. Do bốn món này nó triển phược và phân chia cái chơn tâm của ông, thành ra có thấy, nghe, hay, biết, từ thí chí chung năm lớp ngẫu đục (ngũ trước).

Tỷ dụ như nước đang trong sạch, có người lấy bụi đất quăng vào, thì đất sẽ mất chất cứng, còn nước mất chất trong sạch, trở thành ngẫu đục, nên gọi là ô trước.

A Nan ! Nay ông muốn cho cái thấy, nghe, hay, biết (các giác quan) trở lại để hiệp với bốn đức Niết-bàn của Như Lai : thường, lạc, ngã, tịnh, thì trước ông phải lựa ra cái gốc rễ sanh tử (vọng tâm) và y theo chơn tâm thanh tịnh viên mãn bất sanh bất diệt làm nhưn địa tu hành.

LƯỢC GIẢI

Vì còn ở trong vòng mê nên gọi là các giác quan : thấy, nghe, hay, biết; đến khi ngộ rồi, thì các giác quan này trở lại thành bốn đức Niết-bàn : thường, lạc, ngã, tịnh.

Chúng ta cũng nên phân biệt cho rõ nghĩa : 1. Chơn tâm. 2. Các giác quan, 3. Vọng niệm phân biệt. Như nước biển trong veo, (dụ chơn tâm) chảy vào các sông ngòi lẫn lộn bùn đục, (dụ cho chơn tâm lưu lộ nơi các căn, thành các giác quan; "đục" là dụ còn ở nơi mé) nổi sóng ba đào (dụ cho vọng niệm phân biệt).



– Các ông hãy xoay cái hư vọng sanh diệt trở lại chơn tâm thanh tịnh không sanh diệt; phải lấy chơn tâm không sanh diệt này làm

nhơn địa tu hành, thì sau mới chứng được quả Phật thường trụ.

Cách tu hành cũng như lóng nước. Nước đục để yên tĩnh trong một cái bình, để lâu thì những bụi cát từ từ chìm lặn, mà nước trong hiện ra; hễ càng yên tĩnh thì nước càng trong. Đây là dụ cho giai đoạn thứ nhất, khi mới hàng phục được phiền não khách trần (phiền não vừa lặng). Đến chừng lọc bỏ cặn đục chỉ còn toàn là nước trong, là dụ cho giai đoạn thứ hai, khi đã đoạn trừ căn bản vô minh.

Đến khi chỉ còn hoàn toàn là nước trong, thì dù lắng cho mấy nó cũng vẫn trong. Còn khi đoạn được căn bản vô minh, chỉ còn chơn tâm thanh tịnh hiện tiền, lúc bấy giờ dầu có tạo tác thi vi làm đủ mọi việc, song cũng đều là chơn, vẫn hiệp với đức tánh thanh tịnh mẫu nhiệm của Niết-bàn, không còn bị phiền não nhiễu loạn.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này hay lắm; Phật dạy lối tu rất rõ ràng và thật tế. Hiệp với đoạn trước Phật dạy : “Khi đối cảnh không khởi phân biệt, thì vọng niệm chẳng sanh. Vọng niệm không sanh thì chơn tâm tự hiện”.

Cũng như nước đứng trong, thì cặn cẩu lóng chìm. Lóng càng lâu thì nước càng trong. Đến khi dút sạch căn bản vô minh, chỉ còn toàn thể chơn tâm, thì hành động thi vi chi cũng đều thanh tịnh. Nên Kinh nói : “Như Lai án túc hải ấn phát quang v.v...” (Phật vừa để chơn, thì biển trong in ánh sáng). Như nước đã lọc bỏ cặn

rồi, thì lắc mấy cũng vẫn trong. Đoạn này cũng chỉ rõ cái nghĩa “thành Phật rồi không trở lại làm chúng sanh”.

Các đạo khác tu hành dẫu cao siêu cho mấy, chẳng qua cũng như nước lóng mà chưa lọc bỏ được cặn. Lâu lâu phiền não nổi lên, thì phải đọa trở lại, nên gọi là hữu lậu (còn sa rớt).



IV. NGHĨA QUYẾT ĐỊNH THỨ HAI

– A Nan, các ông phát tâm đồng mãnh, quyết định dẹp trừ các tướng hữu vi, cầu quả Đại thừa, thì cần phải xét rõ gốc rễ của phiền não : Từ vô thủy đến nay, cái nào là phát nghiệp vô minh (bất giác vọng động) cái nào nhận sanh vô minh (ái, thủ) cái gì tạo (lục thức), cái gì lãnh thọ (bát thức). Đây là nghĩa quyết định thứ hai.

Các ông tu đạo Bồ-đề, nếu không xét rõ gốc rễ của phiền não, thì đối với căn và trần hư vọng này, không thể biết được cái “điên đảo” ở chỗ nào. Cái chỗ ở còn không biết, thì làm sao hàng phục được giặc phiền não để chứng quả Phật.

Các ông hãy xem trong thế gian, những người mở gút, nếu họ chẳng thấy được mối, thì không mong gì mở được. Chưa từng nghe cái hư không bị ai mở được, vì hư không vô hình chẳng có gút và mở vậy (hư không dụ cho chơn tâm).

Ông nên hiểu : Hiện tiền sáu căn của ông đây : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, chúng làm mai

mối cho sáu giặc (sáu thức), đến cướp giựt của báu nhà ông. Bởi thế nên các ông cùng tất cả chúng sanh, từ vô thủy đến nay bị triền phược trong vòng luân hồi, không vượt ra ngoài ba cõi được.

LƯỢC GIẢI

Vì sáu căn làm mai mối, dẫn sanh ra sáu thức là lục tặc, cướp hại chơn tánh. Nghĩa là vì căn đối với cảnh, khởi vọng tâm phân biệt, nên chơn tâm phải bị mờ. Cũng như gió xao động, cặn cẩu nổi lên, nên tánh nước trong phải ẩn”.



V. VÌ VỌNG NỔI LÊN NÊN CHƠN TÂM BỊ ẨN

– Nay A Nan, sáu căn của ông như vậy, do vô minh vọng động nổi lên, nên chơn tâm bị ẩn. Từ đây về sau, mỗi khi chiếu soi thì gồm cả vọng đều phát.

Bởi thế nên rời tối và sáng, thời mắt ông không thấy, rời động và tịnh thì tai ông không nghe, rời thông và nghẹt thì mũi ông không ngửi, rời các vị ra thời lưỡi ông không nếm, rời các xúc trần thì thân ông không biết, rời cả pháp trần thì ý ông không phân biệt.

VI. XOAY VỌNG VỀ CHƠN THÌ SÁU CĂN ĐƯỢC TỰ TẠI

– Chỉ sáu căn của ông không theo sáu trần cảnh khởi vọng niệm phân biệt, tùy ông mở gút (vọng nhiễm) được một căn nào thì các căn đều được giải thoát. Nghĩa là ngoài không cùng với

trần cảnh gút chặt, trong thâm phục phiền não trở lại với chơn tâm sáng suốt, thì năm căn bị gút chặt kia, cũng đều được hoàn toàn giải thoát. Lúc bấy giờ sáu căn tự tại, thay nhau cần dùng, các giác quan : thấy, nghe, hay, biết, không còn bị cuộc hạn nơi các căn : mắt, tai, mũi, lưỡi v.v... chỉ nương các căn phát ra tác dụng; không cần có trần cảnh đối chiếu mà cũng vẫn thấy, nghe hay, biết.

VII. DẪN CHỨNG CÁC VỊ THẤY, NGHE, HAY, BIẾT ĐƯỢC TỰ TẠI, KHÔNG CÒN BỊ CUỘC HẠN NƠI CĂN

- A Nan ! Ông đã thấy trong hội này, như ông A Na Luật Đà không có con mắt mà vẫn thấy. Rồng Bạt Nan Đà không lỗ tai mà vẫn nghe. Thần nữ Căn Đà không lỗ mũi mà ngửi được mùi. Ông Kiều Phạm Bác Đề cái lưỡi không phải lưỡi người, mà biết được các món ăn của người. Ông Thần Thuấn Nhã Đa không có thân mà vẫn biết xúc. Ông Ma ha Ca Diếp tu diệt tận định, dứt trừ ý căn đã lâu, mà vẫn phân biệt được rõ ràng.

A Nan ! Hiện nay các căn của ông nếu hoàn toàn gỡ hết cái gút chặt nơi trần cảnh (không theo trần cảnh phân biệt) trong chinh phục được phiền não, trở về với chơn tâm rôi, thì hiện tiền thân căn và thế giới đây đều không còn; cũng như nước nóng băng tan, ông liền chứng được quả Phật.

A Nan ! Như người thế gian, cái thấy của họ chỉ gom ở con mắt. Nếu bảo họ nhắm mắt lại, thì hiện tiền tối đen, sáu căn mờ mịt, đầu chân in nhau. Người kia lấy tay sờ khắp cả thân thể, tuy mắt họ không thấy, mà cũng vẫn biết đầu là đầu và đầu là chân; cái hiểu biết đồng nhau (đây cũng là một bằng chứng : các giác quan chẳng bị cuộc hạn nơi căn và trần).

A Nan, như sáng mới thấy, nếu tối thì không thấy. Nay không cần sáng mà cũng thấy biết, như thế thì cái tối kia không thể làm mờ (mắt) cái “thấy biết” của ông được. Căn và trần các vọng đã tiêu rồi, thì liền trở lại với chơn tánh.

VIII. A NAN NGHI : CÁC GIÁC QUAN HIỆN TIỀN LÀ VỌNG, TẠI SAO PHẬT LẠI DẠY NƯƠNG NƠI ĐÓ LÀM NHƯN ĐỊA TU HÀNH, ĐỂ CHỨNG ĐẶNG QUẢ PHẬT CHƠN THẬT

A Nan thưa : - Bạch Thế Tôn, như lời Phật dạy : “Muốn cầu quả Phật thường còn, thì cái nhưn địa phát tâm tu hành phải cho chơn thật, mới chứng được quả vị chơn thật”.

Bạch Thế Tôn ! Bồ-đề, Niết-bàn, Chơn như, Pháp tánh, Yêm-ma-la thức, Không Như Lai tạng và Đại viên cảnh trí, bảy danh từ tuy khác, chứ cũng đồng một quả Phật thanh tịnh thường còn không hoại.

Còn cái thấy, nghe, hay, biết, các giác quan của con đây, nếu rời các trần cảnh hiện tiền : tối, sáng, động, tĩnh v.v..., thời không còn thấy, nghe, hay, biết nữa. Quanh quẩn tối lui, chín chắn suy tìm, thì cái tâm của con hoàn toàn không chơn thật. Tại làm sao Phật lại dạy lấy cái hư vọng đoạn diệt này làm nhơn tu, để cầu quả Phật thường còn không sanh diệt cho được. Vậy thì lời nói của Phật trước sau trái nhau, làm sao gọi là “Như Lai nói thật”, xin Đức Từ Tôn, từ bi vén mở chỗ mê mờ cho chúng con.

IX. PHẬT BẢO ĐÁNH CHUÔNG ĐỂ CHÚNG NGHIỆM “TÁNH NGHE” THƯỜNG CÒN

Phật dạy : – A Nan, ông tuy học rộng, nghe nhiều, nhưng các phiền não hữu lậu (mê lầm) chưa hết, nên ông chỉ biết suông cái tên “điên đảo”. Đến lúc cái “điên đảo” thật hiện tiền, thì ông lại ông biết. Như thế thì sự tin hiểu của ông chưa được chắc chắn. Ta nay đem những việc thường trong đời, để trừ các nghi lầm cho ông.

Khi đó Phật liền bảo ông La Hầu La đánh một tiếng chuông, rồi hỏi ông A Nan rằng :

– Ông có nghe không ?

A Nan thưa : – Nghe.

Đến lúc chuông hết ngân, Phật lại hỏi :

- Ông có nghe không ?

A Nan thưa : - **Không nghe.**

Phật lại bảo ông La Hầu La đánh lại một tiếng chuông nữa và hỏi : - **Ông có nghe không ?**

A Nan đáp : - **Nghe.**

Phật hỏi : - **Thế nào là nghe và thế nào là không nghe ?**

A Nan thưa : - **Vì đánh chuông có tiếng ngân, nên con nghe, đến khi tiếng chuông hết ngân thì con không nghe.**

Phật dạy : - **A Nan ! Khi tiếng chuông hết ngân, ông nói rằng : “không nghe”; nếu ông thật không có “cái nghe” thì ông đồng như cây đá, tại sao khi đánh tiếng chuông thứ hai, ông lại có nghe ?**

Vậy cho biết : cái “tiếng” (cảnh) khi có khi không, chứ cái “nghe” (tâm) của ông lúc nào cũng có. Nếu cái “nghe” của ông thật không, thì cái gì biết được “không nghe” đó ?

Thế nên ông phải biết : cái “tiếng” đối với cái “nghe” thì cái “tiếng” nó tự sanh và diệt, chứ ở cái “nghe” (tâm) của ông, không phải vì tiếng sanh mà nó “có”, tiếng diệt mà nó “không”. Tại ông điên đảo hôn mê, nhận cái “thường” (tánh nghe) làm đoạn diệt (tiếng), chứ không phải rời

sáu trần cảnh : sắc, thanh, hương v.v... mà các giác quan thấy, nghe, hay, biết của ông không có.

LƯỢC GIẢI

Đây là lần thứ bảy, Phật chỉ rõ ràng các giác quan : thấy, nghe v.v... là tâm và thường còn.



X. PHẬT CHỈ KHI NGỦ, CÁI “NGHE” CŨNG KHÔNG MẤT

Bằng chứng thứ hai : Như người đang ngủ, nằm trên giường chõng, trong nhà có người giã gạo, khi đó người ngủ kia mơ màng tưởng là tiếng trống hoặc tiếng chuông, đến chừng thức dậy rồi mới nhận rõ đó là tiếng chày giã gạo

A Nan ! Người ngủ kia, mặc dù đối với cảnh vật hiện tiền, họ không thấy biết, mà cái “nghe” của họ cũng không mất.

Dù cho thân thể ông đến khi già chết tiêu tan, mà cái “tánh nghe” này cũng không vì ông già, chết đó mà tiêu diệt. Bởi chúng sanh từ vô thỉ đến giờ cứ theo các trần cảnh, khởi vọng niệm phân biệt lăng xăng, chưa từng ngộ được chơn tâm thường còn của mình.

Vì cứ nương theo vọng niệm phân biệt chẳng nương theo chơn tâm thường trụ, chớ nên đời đời nhiễm ô, trôi lăn trong vòng sanh tử. Vậy các ông phải bỏ cái vọng niệm sanh diệt, theo về với chơn tâm thường trụ. Khi chơn tâm thanh tịnh sáng

suốt hiện tiền rồi, thì căn thân, trần cảnh và vọng thức tức thời tiêu diệt. Cảnh vọng trần và tâm cấu nhiễm đã tiêu rồi, lúc bấy giờ lo gì chẳng thành quả Phật vô thượng.



BÀI THỨ MƯỜI MỘT

- I.- Ngài A Nan hỏi Phật : “Trói cột ở chỗ nào và làm sao mở được” ?
- II.- Phật chỉ chỗ trói cột.
- III.- A Nan hỏi Phật : Vì sao “bị sanh tử luân hồi hay được tự tại giải thoát cũng do sáu căn” ?
- IV.- Phật nói bài kệ tóm lại nghĩa trên.
- V.- Vọng hết thì chơn hiện ra.

BÀI THỨ MƯỜI MỘT

I. NGÀI A NAN HỎI PHẬT : TRÓI CỘT Ở CHỖ NÀO VÀ LÀM SAO MỞ ĐƯỢC ?

A Nan thưa : - Bạch Thế Tôn, như lời Phật dạy về cái nghĩa thứ hai là phải biết rõ gốc rễ của phiền não ở chỗ nào, mới có thể trừ được. Cũng như người mở gút, nếu không biết mối gút ở đâu thì không bao giờ mở được.

Bạch Thế Tôn, chính thế, chúng con đây cũng vậy, từ vô thủy đến nay, cùng với các vô minh chung (đồng) sanh và chung diệt; tuy mang danh xuất gia, học rộng nghe nhiều, thật ra cũng như người bị bệnh rét (làm cũ) cách ngày (giác thời tự ngộ, xúc cảnh hoàn mê).

Cúi xin Đức Như Lai, thương xót những kẻ trầm luân hiện tại cũng như vị lai chỉ dạy cho ở nơi thân tâm này, chỗ nào triển phược (gút), và làm sao mở được ?

II. PHẬT CHỈ CHỖ TRÓI CỘT (GÚT)

Khi đó Phật cùng với mười phương chư Phật, đều thương xót A Nan và đại chúng cùng với các chúng sanh đời sau, nên trên danh các Ngài đồng phóng hào quang quý báu chiếu khắp tất cả, đồng gọi A Nan cùng đại chúng và dạy rằng :

- Nay các ông muốn biết cái “câu sanh vô

minh” (vô minh chung cùng sanh từ vô thủy đến nay) để trừ, và “**quả vô thượng Bồ-đề**” để tu chứng, vậy nay Ta sẽ chỉ rõ cho các ông.

Này A Nan, khiến cho các ông nhiều kiếp sanh tử luân hồi, chỉ vì sáu căn, mà làm cho các ông chứng được đạo quả Bồ-đề an vui giải thoát, cũng chỉ vì sáu căn của các ông mà thôi.

LƯỢC GIẢI

Mười phương các Đức Phật, đồng phóng hào quang, đồng dạy như vậy, là để cho A Nan và đại chúng đều biết : đây là phương pháp duy nhất, không những một mình Đức Thích Ca, mà cả mười phương chư Phật cũng đồng chỉ dạy như thế.



III. A NAN HỎI : TẠI SAO BỊ SANH TỬ LUÂN HỒI HAY ĐƯỢC TỰ TẠI GIẢI THOÁT CŨNG VÌ SÁU CĂN ?

Ông A Nan đã nghe Phật chỉ dạy, nhưng chưa hiểu, nên kính cẩn hỏi Phật :

– **Bạch Thế Tôn, tại sao làm cho chúng con nhiều kiếp sanh tử luân hồi cũng vì sáu căn, còn được an vui giải thoát cũng chỉ do sáu căn, chứ không phải do vật gì khác ?**

Phật dạy rằng : – **Căn và trần đồng một thể (tâm), triển phược và giải thoát không hai (mê thì triển phược, ngộ thì giải thoát). Các thức hư vọng, cũng như hoa đốm giữa hư không.**

LƯỢC GIẢI

Căn trần không lỗi, mà lỗi tại vọng thức phân biệt, song thức thì hư vọng không có thật thể như hoa đốm giữa hư không.

Cũng đồng căn và trần này, song phạm phu vì mê, khởi vọng thức phân biệt ngã, pháp nên bị triển phược, gọi là kiết (gút). Thánh nhưn cũng đồng căn trần này, song vì giác ngộ không khởi phân biệt chấp thật có ngã, pháp, nên được giải thoát, thế gọi là (mở).



A Nan, vì có trần cảnh, nên ở nơi căn mới khởi ra phân biệt. Vì đã có cái năng phân biệt ở nơi căn, nên mới hiện ra cái tướng bị phân biệt là cảnh. Căn (kiến) và cảnh (tướng) đối đãi nhau vọng hiện, chớ không thật có (vô tánh). Cũng như hình cây lau gác nhau.

LƯỢC GIẢI

Vì các cây lau gác nhau, nên ở xa xem như có hình người hay vật. Cái hình này không thật. Đây là dụ cho căn trần hư huyền không thật, vì đối đãi nhau nên vọng hiện ra mà thôi.



– Thế nên, khi thấy, nghe, hay, biết, mà khởi vọng niệm phân biệt, đó là gốc vô minh. Còn khi thấy, nghe, hay, biết mà không khởi vọng niệm phân biệt, đó là Niết-bàn. Ở trong chơn tâm thanh tịnh, không có dung chứa vật gì cả.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật dạy, khi sáu căn đối với sáu trần cảnh, nếu khởi vọng niệm phân biệt, đó là gốc của vô minh triển phược (trói cột).

Bởi thế nên Phật nói : “vì sáu căn làm cho các ông sanh tử luân hồi”. Trái lại, khi sáu căn đối với sáu trần, mà không khởi vọng niệm phân biệt đó là Niết-bàn, là giải thoát (mở nút), nên Phật nói : “Làm cho các ông được an vui giải thoát cũng vì sáu căn”.



IV. PHẬT NÓI BÀI KỆ TÓM LẠI NGHĨA TRÊN

Khi đó Phật muốn tóm lại các nghĩa trên, nên nói bài kệ ý nghĩa như vậy :

NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN

**Chơn tánh hữu vi không
Duyên sanh có như huyễn
Vô vi vô khởi diệt
Bất thật như không hoa
Ngôn vọng hiển chư chơn
Vọng, chơn đồng nhị vọng
Do phi chơn phi chơn
Vân hà kiến sở kiến
Trung gian vô thật tánh
Thị cố nhược giao lô
Giải kết đồng sở nhơn
Thánh phạm vô nhị lộ
Nhữ quán giao trung tánh
Không hữu nhị câu phi
Mê hối tức vô minh
Phát minh tiện giải thoát**

**Giải kết chơn thứ đệ
Lục giải nhưt diệt vong
Căn tuyển trạch viên thông
Nhập lưu thành Chánh giác**

**Đà-na vi tế thức
Tập khí thành bặc lưu
Chơn phi chơn khủng mê
Ngã thường bất khai diễn**

**Tự tâm thủ tự tâm
Phi huyễn thành huyễn pháp
Bất thủ vô phi huyễn
Phi huyễn thường bất sanh**

**Huyễn pháp vân hà lập
Thị danh diệu liên hoa
Kim cang vương bảo giác
Như huyễn tam-ma-đề**

**Đàn chĩ siêu vô học
Thủ A-tỳ-đạt ma
Thập phương Bạc-già-phạm
Nhứt lộ Niết-bàn môn.**

DỊCH NGHĨA BÀI KỆ

Xứng theo chơn tánh (chơn tâm) thì các pháp hữu vi (vọng) không thật có, do nhưn duyên sanh, cũng như vật huyễn thuật.

Xứng về chơn tánh thì vô vi (chơn) cũng không thật có, vì nó không sanh diệt, như hoa đốm giữa hư không.

Nói hữu vi là vọng, để hiển vô vi kia là chơn. Vì đối đãi nhau mà có, nên “chơn” và “vọng” cũng đồng vọng cả. Đến lý này, còn không thể nói là “chơn” hay “phi chơn”, thì làm sao gọi nó là cái “thấy” (căn) hay cái “bị thấy” (trần) được. Vì nó như vật huyền, chẳng có thật tánh, cũng như hình cây lau gác.

Giải thoát hay triển phược đồng do sáu căn. Được chứng Thánh hay bị đọa phàm cũng bởi sáu căn, chớ không có con đường nào khác. Các ông cứ xem hình cây lau gác kia, nói có hay nói không đều không thể được. Hễ mê muội là vô minh, còn giác ngộ thì giải thoát.

Cột gút lại hay mở ra, đều phải theo thứ lớp. Khi sáu gút (sáu căn) mở rồi, thì cái tên một cũng không còn (vì không còn đối đãi, nên không thể kêu gọi). Các ông lựa được căn viên thông tu hành, thì mau đặng thành quả Phật.

Thức A-đà-na (thức thứ tám) rất là tinh tế, các chủng tử trong thức này nó sanh diệt rất vi tế, như giòng nước chảy mau. Ta đối với phàm phu, và Tiểu thừa không hề giảng nói (thức này) vì sợ chúng mê lầm chấp là “chơn” hay là “vọng”, đều có hại cả.

Tự nơi tâm các ông, trở lại chấp lấy tự tâm các ông. Chơn tâm không phải huyễn mà trở lại thành hư huyễn. Nếu đối với cái “chơn” mà các ông không sanh tâm chấp thủ; với cái “chơn” kia hãy còn không sanh, huống chi cái “hư huyễn” làm gì có được.

Đây là con đường duy nhất của mười phương các Đức Phật tu hành đến cảnh Niết-bàn. Pháp này tên là Diệu liên hoa, cũng tên Kim cang vương bảo giác và cũng tên là Như huyễn Tam-ma-đê. Chỉ tu trong giây phút thì được quả vô học.

Khi đó A Nan và đại chúng nghe Phật nói bài kệ nghĩa lý thâm trầm, nên tâm trí mỗi người đều trở nên sáng suốt, được lợi ích chưa từng có.

LƯỢC GIẢI

Ông A Nan đã mấy lần cầu Phật chỉ dạy phương pháp nào mười phương các Đức Phật tu hành để được thành đạo chứng quả. Điều ấy, Phật chỉ dạy đến đây đã tường tận.

Từ trước đến nay là nói về phần đốn tu và đốn chứng. Từ đây về sau Phật mới dạy về phần tiệm tu.



V. VỌNG HẾT THÌ CHƠN HIỆN

– Nay A Nan, tùy ông lựa chọn sáu căn mà tu hành, nếu sự kiết phược ở nơi căn của ông trừ rồi, thì các trần tướng kia, tự diệt; khi các vọng đã tiêu hết, thì đó là “chơn” chứ gì nữa !

A Nan, ông hãy xem cái khăn đã cột sáu gút đây, có thể đồng một thời mở được hết sáu gút được không ?

A Nan thưa : - Bạch Thế Tôn, sáu gút tuy đồng một cái khăn, song khi cột, đã tuần tự mà cột, thì khi mở cũng phải theo thứ lớp mà mở, không thể đồng một thời mở được hết.

Phật dạy : - Sáu căn của ông khi giải trừ cũng phải như vậy. Mở gút đầu tiên là phá trừ ngã chấp (chấp ta) trước chứng đặng như không. Tiến đến từng thứ hai là phá trừ pháp chấp, sau mới chứng đặng pháp không. Ngã, pháp đều không sanh, thế mới gọi là Bồ-tát đặng Vô sanh nhẫn (an nhẫn nơi như, pháp đều không sanh).



BÀI THỨ MƯỜI HAI

- I. Ngài A Nan hỏi Phật pháp tu viên thông.
- II. Phật hỏi hai mươi lăm vị Thánh, do tu pháp môn gì mà được chứng quả.
- III. Hai mươi lăm vị Thánh đều thuật lại pháp tu của mình được chứng đạo quả.
- IV. Ngài Quán Âm Bồ-tát kể lại sự kết quả.
- V. Hiện ra 32 Ứng thân để hóa độ chúng sanh.
- VI. Được 14 món không sợ
- VII. Được 4 món không thể nghĩ bàn

BÀI THỨ MƯỜI HAI

I. NGÀI A NAN HỎI PHẬT PHÁP TU VIÊN THÔNG

Ngài A Nan và đại chúng nhờ Phật khai thị, trí tuệ sáng suốt, tâm hết nghi lầm, nên đồng lạy Phật, quỳ gối chấp tay và kính cẩn thưa rằng :

Bạch Thế Tôn, chúng con là kẻ phiêu linh, nhiều kiếp bần cùng cô quạnh, không biết nhờ có hạnh phúc gì mà được làm em của Phật, cũng như đứa hài nhi mất sữa đã lâu, nay lại gặp được từ mẫu !

Bạch Thế Tôn, hôm nay chúng con thâm tâm đã được khai ngộ, hết những nghi ngờ, nghe Phật chỉ dạy hiểu được cái nghĩa “sáu gút mở thì cái tên một gút cũng không còn”. Nhưng chúng con còn chưa hiểu “tu căn nào mới được viên thông”. Cúi xin Đức Như Lai, duỗi lòng đại bi khai thị cho chúng con lần cuối cùng, may ra ở cơ hội này, con trở lại với bản tâm thanh tịnh của mình, được thành đạo quả.

II. PHẬT HỎI 25 VỊ THÁNH DO TU PHÁP MÔN GÌ ĐƯỢC CHỨNG QUẢ

Khi đó Đức Phật hỏi toàn thể đại chúng : – Các ông là người tu hành trong đạo của Ta, vậy khi các ông mới phát tâm, đối với 18 giới (sáu căn, sáu trần và sáu thức) do tu theo phương tiện nào mà được thành đạo quả ?

LƯỢC GIẢI

Tuy nói 18 giới, chứ tóm lại thì có 6 căn. Do sáu căn tu hành mà được thành đạo quả. Nên trước kia Phật nói : “Sanh tử luân hồi hay an vui giải thoát, cũng chỉ tại sáu căn của các ông” (Vi muốn cho độc giả hiểu qua những pháp tu của 24 vị Thánh, nên lần tái bản quyển Đại cương Lăng Nghiêm này, chúng tôi có trích một đoạn (từ trang 166 đến 201) trong bản Kinh Lăng Nghiêm do ông Tâm Minh dịch, in thêm vào đây, để giúp độc giả nghiên cứu).



III. 25 VỊ THÁNH THUẬT LẠI PHÁP TU CỦA MÌNH ĐƯỢC CHỨNG ĐẠO QUẢ

1. DO THANH TRẦN CHỨNG A-LA-HÁN

Ông Kiều Trần Na trong hàng năm vị Tỳ-kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật rằng : – **Con ở nơi Lộc Uyển và Kê Viên, gặp đức Như Lai khi mới thành đạo; nhân nghe âm thanh thuyết pháp của Phật mà tỏ ngộ lý Tứ đế. Phật hỏi các Tỳ-kheo, thì con trước hết được gọi là “hiếu”; Như Lai ấn chứng cho con tên là A Nhã Đa. Con do nơi âm thanh vi diệu viên mãn mà thành bậc A-la-hán. Nay Phật hỏi pháp tu viên thông, thì như chỗ sở chứng của con, âm thanh là hơn cả.**

LƯỢC GIẢI

Viên dung thông nhập Như Lai tạng diệu chơn như tánh của các pháp nên gọi là viên thông. Bất cứ tu pháp nào mà chứng được chơn như của tất cả pháp thì đều gọi pháp đó là viên thông

Trong các đoạn trước, Phật đã chỉ rõ cho chúng ta thấy : sanh tử luân hồi do nơi sáu căn, mà được an vui diệu thường cũng do nơi

sáu căn; sáu căn tuy vọng, nhưng không thể ngoài sáu căn mà tìm có cái chơn được. Vì rằng trong khi đang mê, chúng ta đem sáu căn này mà thấy nghe cảm xúc; đến khi giác ngộ, chúng ta cũng chỉ đem sáu căn này mà tiếp xúc với trần cảnh. Vậy mà khi mê thì các căn bị ràng buộc nên gọi là gút (kiết); đến khi ngộ thì sáu căn được viên thoát nên gọi là mở.

Vi sao mà thành ra cột gút, và làm sao để mở gút, thì trước Phật đã dùng phương tiện cột khăn mở khăn để chỉ dạy rõ ràng. Đồng một tánh Như Lai tạng mà vì nguyên do mê lầm nên hiện ra sáu căn ràng buộc. Bởi thế nên nếu nói rằng vọng, thì căn nào cũng vọng; mà nói rằng chơn, thì căn nào cũng chơn. Nếu một căn được chơn thì tất cả các căn đều chơn. Lúc bấy giờ các căn tự tại không còn bị bó buộc trong phạm vi : mắt chỉ thấy sắc, tai chỉ nghe tiếng, mũi chỉ ngửi mùi v.v... mà trái lại sáu căn tự tại thọ dụng. Vậy nên tu nhân căn, không phải là liệt, tu nhĩ căn không phải là thắng v.v... cho đến bất luận tu một căn nào hay một món đại nào cũng như nhau cả, không gì hơn chẳng gì kém, miễn làm sao thấy rõ thật tánh của một pháp thì được viên ngộ viên thoát. Ông A Nan tuy đã thâm ngộ cái ý nghĩa viên ngộ viên tu ấy, nhưng hiện tiền chưa rõ sáu căn, căn nào thích hợp với trình độ của mình và chúng sanh ở cõi Ta-bà này, nên cầu Phật chỉ bày. Phật liền gạn hỏi trong đại chúng, các vị Bồ-tát và các vị A-la-hán đã chứng quả vô học, để xem mỗi người, khi ban sơ phát tâm, tu theo phương tiện gì mà đặng ngộ đạo. Một điều mà chúng ta nên chú ý là Phật gạn hỏi chỗ ngộ đạo của các bậc Thánh hiền tăng, đây không phải để so sánh chỗ hơn kém, mà cốt để chứng minh lời Phật đã dạy trước, để chỉ rõ lối tu viên đốn của Đại thừa, khác lối tu tiệm thứ của Nhị thừa, và để cho ngài A Nan nhân đó, tự lựa căn nào viên thông thích hợp với trình độ của mình mà tu để được giải thoát. Không riêng ông A Nan, nếu chúng ta sau khi nghe hiểu và biết lựa lấy một pháp thích hợp để tu hành, thì sẽ đặng ngộ nhập viên thông tam muội.

Ông Kiều Trần Như cùng bốn thầy Tỳ-kheo (5 ông này theo Phật tu khổ hạnh và được Phật hóa độ trước nhất) nhân âm thanh của Phật thuyết pháp mà ngộ lý Tứ đế, chứng viên thông; nên đối với

pháp môn thích hợp làm cho ông chứng ngộ, thì thanh trần là hơn cả. Thứ nhất nhờ âm thanh của Phật giảng về Tứ đế mà ngộ được lý Tứ đế (khổ, tập, diệt, đạo). Thứ hai ông quan sát rõ thấu thật tướng của âm thanh mà ngộ đạo. Thật tướng của âm thanh là vô tướng, không đọa về nhân duyên, tự nhiên, hòa hợp, phi hòa hợp như trước Phật đã chỉ dạy; nó thường vắng lặng cùng khắp mười phương, theo nghiệp cảm, theo tâm lượng của chúng sanh mà phát hiện, nên tuy khi chúng ta không đem tâm phân biệt, mà khi ấy tiếng cũng chẳng phải không, chẳng phải các chúng sanh khác cũng tuyệt không nghe thấy như ta. Xưa nay chúng ta chỉ phân biệt theo giả ảnh của thanh trần sanh diệt đối đãi với ta, nên bị thống khổ theo khi có tiếng, hay khi không có tiếng, chứ chưa hề lắng lòng định trí rời vọng trần để quán thật tánh của những tiếng động tịnh là từ đâu, nên cũng chưa hề liễu nhập tánh âm thanh vốn là tánh diệu chơn như của Như Lai tạng. Thật tướng âm thanh đã như vậy, thì thật tướng trí do âm thanh thuyết minh cũng vậy.



2. DO SẮC TRẦN CHỨNG A-LA-HÁN

Ông Ưu Ba Ni Sa Đà, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ chân Phật mà bạch rằng :

– Con gặp Phật lúc mới thành đạo, như quán tướng bất tịnh, sanh tâm rất nhàm chán xa lìa; từ tướng bất tịnh đến tướng xương trắng, vi trần rời tan về hư không, sắc không, không hai, ngộ thật tánh các sắc, thành vô học đạo. Đức Như Lai ấn chứng cho con tên Ni Sa Đà, sắc phù trần tiêu hết, sắc diệu tánh châu mật viên dung. Con từ sắc tướng kia mà thành bậc A-la-hán. Nay Phật hỏi viên thông thì như chỗ sở chứng của con, quán sắc làm như là hơn cả.

LƯỢC GIẢI

Ông Ưu Ba Ni Sa Đà (Hán dịch là Trần Tánh, theo chỗ ngộ mà

đặt tên), như quán sắc tướng mà chúng quả. Hàng Nhị thừa thì quán bất tịnh để sanh tâm nhàm chán diệt tham dục, cầu chứng Niết-bàn. Trái lại hàng Bồ-tát quán bất tịnh để nhận rõ nhân duyên thống khổ, chỗ đảo chấp Bất tịnh kế tịnh của chúng sanh mà hóa độ, phá trừ tâm tham đắm sắc thân ngũ dục.

Ông Ưu Ba Ni Sa Đà tu theo pháp quán đó, tịnh tâm nhiếp ý, quán sát thân phần của chúng sanh, chỉ toàn là một vật như nhớp thối tha, cả từ đầu đến chân, từ trong ra ngoài, và rõ ràng như khi thân ấy đã thành một tử thi phình trướng bầm xanh, bại hoại, máu mủ chảy ra, gân thịt ứa rữa, cầm thú rúc ăn, xương gân ly tán, chỉ còn nắm xương khô, lẩn lẩn tiêu ra tro bụi, biến vào hư không. Các sắc thân đã tan về hư không, đâu có phân biệt chia rẽ sai khác; chỉ vì đem tâm phân biệt, tương đối với sắc mà gọi là không, tương đối với không mà gọi là sắc, vậy nên sắc, không đều không tự tánh.



3. DO HƯƠNG TRẦN CHỨNG A-LA-HÁN

Ông Hương Nghiêm Đồng Tử liền từ chỗ ngồi, đứng dậy đánh lễ chân Phật mà bạch rằng : – **Con nghe Đức Như Lai dạy con chín chấn quán các tướng hữu vi. Con liền từ tạ Phật lui về nhà thanh trai yên tịnh, trông thấy các thầy Tỳ-kheo đốt hương trầm thủy, mùi hương lạng lẽ bay vào trong mũi; con quan sát mùi hương đó : chẳng phải là gỗ, chẳng phải là hư không, chẳng phải khói, chẳng phải lửa, đi không chỗ tới, đến không chỗ bắt đầu, do đó vọng ý thức con tiêu diệt, phát minh tánh vô lậu. Đức Như Lai ấn chứng cho con hiệu là Hương Nghiêm, hơi hương phù trần thoát diệt, hơi hương diệu tánh được mật viên. Con do nơi hương trần kia mà thành bậc A-la-hán. Nay**

Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con, hương nghiêm là hơn cả.

LƯỢC GIẢI

Ông Hương Nghiêm Đồng tử (theo chỗ ngộ mà đặt tên) nhân quan sát cái tướng hữu vi là hương trần mà chứng được viên thông. Thường thường chúng ta chỉ tưởng mùi hương là một thứ sẵn có của gỗ trầm v.v... hề có gỗ trầm là có hương; nhưng xét kỹ thì mùi hương ấy đâu phải chỉ do gỗ trầm mà có được; còn do không khí, do lửa đốt và do tỷ căn của ta tiếp xúc, tỷ thức giác xúc, ý thức phân biệt nữa, nếu ngoài công năng của hai thứ năng tri, sở tri trên ra thì không thành mùi hương được. Vậy thật ra tánh chơn thật hương trần không phải là năng tri sở tri, cũng không phải là ly năng tri sở tri mà nó có ra, chỉ tùy theo nghiệp của mỗi chúng sanh mà phát hiện.



4. DO VỊ TRẦN CHỨNG BỒ-TÁT

Hai vị Pháp vương tử Dược Vương và Dược Thượng cùng năm trăm Phạm thiên trong hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật mà bạch rằng : – **Con từ vô thủy kiếp làm lương y trong đời, miệng con từng nếm các vị cỏ, cây, vàng, đá của thế giới Ta-bà này, số đến mười vạn tám nghìn thứ; như vậy đều biết hết thủy vị của : đắng, cay, chua, ngọt, mặn, lạt, các vị hòa hiệp, câu sanh, biến dị, cho đến nào là lạnh, là nóng, có độc, không độc, đều biết khắp cả. Sau con lại nhân thừa sự Đức Như Lai mà hiểu rõ vị tánh, chẳng phải không, chẳng phải có, chẳng phải tức thân tâm, chẳng phải ly thân tâm, phân biệt vị trần, mà đặng khai ngộ. Do đó,**

Phật ấn chứng cho anh em con hiệu là Dược Vương Bồ-tát, Dược Thượng Bồ-tát và làm pháp vương tử ở trong hội này; chúng con như vị trần mà đặng giác ngộ, lên hàng Bồ-tát. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con, quán vị trần làm như là hơn cả.

LƯỢC GIẢI

Vị trần là các vị cay, chua, đắng, ngọt; vị hòa hiệp như các món ăn do nhiều thức hiệp lại; vị câu sanh như ớt sắn cay, bồ hòn sắn đắng; vị biến dị là do thay đổi mà ra, như mật ong đều lâu hóa chua, rượu để lâu thì lạt...

Ngài Dược Vương, Dược Thượng Bồ-tát do phân biệt quán sát bốn nhân của vị trần mà chứng đạo. Quán sát nguyên nhân của vị, như thế nào? Nếu nói vị cho hư không thì sao nếm hư không, không biết ngọt, đắng; nói rằng vị thiệt có, thì vị vốn vô hình; nói rằng vị tức là thân tâm, thành ra nó có tánh biết; còn nói vị ly thân tâm thì cái gì phân biệt mà biết vị. Hai vị Bồ-tát quán sát như vậy, ngộ nhập cái tánh phi tức, phi ly, phi không, phi hữu của vị trần, nên vọng ý tiêu tan, mà giác tánh được tỏ bày vậy.

*

5. DO XÚC TRẦN MÀ CHỨNG THÁNH

Ông Bạt Đà Bà La với mười sáu người bạn Bồ-tát sơ phát tâm, liền từ chỗ ngồi, đứng dậy đánh lễ chân Phật mà bạch rằng : - **Kiếp trước, lúc Đức Phật Oai Âm Vương ra đời, chúng con nhân đặng gặp Phật, nghe pháp mà xuất gia, trong ngày chúng Tăng tắm gội, con theo thứ tự vào nhà tắm, thì thoạt nhiên ngộ biết thủy trần vốn không rửa bụi trần hay không rửa bụi trần, tâm giác**

thường vắng lặng, không có tướng gì... do tập quán cũ ấy nhớ mãi cho đến ngày nay, theo Phật xuất gia được thành bậc vô học. Đức Oai Âm Vương gọi tên con là Bạt Đà Bà La, nhân diệu xúc tỏ bày sáng suốt, thành vị Phật tử trụ. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con, quán xúc trần làm hơn là hơn cả.

LƯỢC GIẢI

Ông Bạt Đà Bà La (Hán dịch là Thiên Thủ hay Hiền Hộ) nhân quán xúc trần mà ngộ nhập viên thông. Xúc là đụng chạm, tiếp xúc. Cảnh bị biết của thân căn, hay nói cách khác là cảnh ứng hợp thân căn phát sanh, nhận biết có lạnh, nóng, trơn, nhám v.v... đều gọi là xúc trần. Như vậy, xúc trần được phát hiện là bởi có thân căn với sắc cảnh, thiếu một không thành, xúc trần hư dối. Vả lại như khi đối trước một lò lửa, nếu kẻ rét thì có cảm xúc ấm, còn kẻ ấm thì lại có cảm xúc nóng thêm. Vậy thì chỉ tùy chúng sanh mà thành lạnh hay nóng, không có thật thể nhất định. Đối với nước cũng vậy, khi chúng ta dùng nước tắm gội thân thể, nước chảy trên mình mà sinh ra cảm giác thể này thể khác, gọi là xúc trần. Nhưng xét nghiệm kỹ thì khi ta gọi là tắm rửa, ấy là rửa thân thể hay rửa bụi trần ? Nếu nói là rửa thân thể, thì như không bụi trần lấy gì để rửa, nếu nói là rửa bụi trần, thì như nước chảy trên đất cũng gọi là tắm rửa đặng sao ? thể thì nước, bụi trần, thân thể vốn thật an nhiên, nước không phải hay rửa (nặng), mà bụi trần và thân thể không phải bị rửa (sở), cho nên xúc trần chỉ là tướng giả dối, đối đãi theo vọng nghiệp chúng sanh không xúc mà hiện xúc, nên xúc trần đều là như huyền : phi hữu, phi vô. Ngộ được như vậy mà tu hành, tức thành bậc Vô học.



6. DO PHÁP TRẦN CHỨNG A-LA-HÁN

Ông Ma-ha Ca Diếp và Tỳ-kheo-ni Tử Kim Quang, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân

Phật và bạch rằng : - Con nhớ kiếp trước, trong thế giới này có nhiều Đức Phật ra đời hiệu Nhưt Nguyệt Đăng, con được thân cận nghe pháp tu học, sau khi Phật diệt độ thì cúng dường xá lợi, đốt đèn nối ánh sáng, lại dùng vàng tử kim sáng chói mà thếp hình tượng của Phật. Từ đó đến nay đời đời thân con thường được đầy đặn, ánh sáng như đồng vàng tử kim, còn Tỳ-kheo-ni Tử Kim Quang này chính là quyến thuộc của con, từng đã cùng phát tâm một lúc với con. Con xem thấy thế gian sáu trần biến hoại, nên chỉ đem tâm không tịch tu hành, thành diệt tận định. Thân tâm tự tại hay vượt qua trăm ngàn kiếp, dường như khảy móng tay. Con do quán sát pháp không tịch mà thành bậc A-la-hán; Đức Thế Tôn cho con là người tu hành đầu đà bậc nhất. Diệu pháp mở sáng, các lậu tiêu trừ. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con, quán pháp trần làm nhơn là hơn cả.

LƯỢC GIẢI

Ông Ma ha Ca Diếp nhân quán pháp trần mà ngộ nhập viên thông. Pháp trần là tất cả ấn tượng của tiền trần : sắc, thanh, hương, vị, xúc, lưu lại trong tâm ý mà làm cảnh sở duyên cho ý thức. Tất cả cảnh giới thế gian tóm lại không ngoài sắc trần; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ấy. Những pháp đó luôn luôn biến chuyển hoặc âm thầm kín đáo, hoặc rõ rệt, phô bày, chứ không niệm nào yên lặng dừng nghỉ. Vừa vị lai đã thành hiện tại, vừa hiện tại đã thành quá khứ; như vậy hãy chỉ vào đâu mà cho là có pháp thiệt. Chỉ vào vị lai ư ? hay chỉ vào quá khứ, hiện tại ? Thiệt không thể chỉ

vào đâu được. Pháp trần đã không thiệt, pháp trần là chơn không, thì các món thọ tướng, hư vọng, phiền não, nương pháp trần sanh ra cũng liền tiêu diệt, phá trừ ý thức, chứng diệt tận định. Khi ấy thân tâm tự tại, đối với không gian cũng như đối với thời gian : không rời chỗ ngồi mà ở khắp mười phương, vượt trăm ngàn kiếp mà dường như trong giây phút khảy móng tay, thoát ngoài vòng chướng ngại của những sự lâu, mau, xa, gần, hạn cuộc.

Sáu vị trên đây do tu sáu trần mà được chứng quả.

7. DO NHÃN CĂN CHỨNG A-LA-HÁN

Ông A Na Luật Đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ chân Phật và bạch rằng : – **Con mới xuất gia thường ưa ngủ nghỉ, nên bị Như Lai quở trách là loại súc sanh. Nghe lời Phật quở, con khóc lóc tự trách, thức suốt bảy ngày không ngủ, hư cả hai mắt. Đức Thế Tôn dạy cho con phép Tam-muội nhạo kiến chiếu minh kim cang. Con không do con mắt mà vẫn xem thấy mười phương, tánh chơn rỗng suốt, như xem cái trái trong bàn tay. Như Lai ấn chứng cho con thành bậc A-la-hán. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con, xoay cái thấy trở về tánh nguyên, ấy là thứ nhất.**

LƯỢC GIẢI

Ông A Na Luật Đà nhân tu về nhãn căn, xả bỏ sắc trần, xoay cái thấy (hư vọng) trở về kiến tinh (chơn tánh) mà thành bậc vô học.

Kiến tánh thường diêu thường minh, nương nơi con mắt mà phát ra cái dụng thấy sắc gọi là nhãn căn; kiến tánh vốn đã diêu minh, cho nên kiến dụng chẳng lúc nào không minh không diêu. Chúng sanh nhiều kiếp mê lầm không tự nhận biết, trở lại chấp rằng

cái thấy chỉ do con mắt mà có sắc trần; hễ có sắc trần thì gọi rằng có thấy; còn không sắc trần thì gọi rằng không thấy : mở mắt là thấy, nhắm mắt là không. Đã đem tánh thấy viên dung cùng khắp mà khuôn khổ một nơi, nên bị cách ngại, thấy không ngoài sống mũi, thấy không thấu đặng hai đời. Dầu khi nhắm mắt, khi ngủ mê không thấy đã đành, mà khi mở mắt cũng chẳng thấy được sự thật của muôn pháp. Trong một đoạn trước, Phật gạn hỏi ông A Nan về cái thấy là tâm hay con mắt ? Và Ngài đã bảo : Tâm thấy chớ không phải mắt thấy. Đây Phật chỉ cái kiến tánh này cho đến cái văn tánh, khứu tánh, v.v... cho chúng sanh rõ. Thế nên biết rằng : Có mắt không tâm, không thành có thấy; có tâm không mắt cũng thấy khắp mười phương, ấy gọi là “nhạo kiến chiếu minh”. Kiến tánh bản minh đó, xưa nay không hề lay chuyển, ấy gọi là kim cang Tam-muội.



8. DO TỶ CĂN MÀ CHÚNG A-LA-HÁN

Ông Châu Lợi Bàn Đạc Ca, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ chân Phật và bạch rằng : – **Con vì thiếu sự tụng trì, nên tánh tình ngu độn, khi mới gặp Phật, nghe pháp xuất gia, chỉ tụng trì một câu kệ của Như Lai, mà trong trăm ngày không thuộc, hễ nhớ trước thì quên sau, nhớ sau thì quên trước; Phật thương con ngu muội, dạy pháp an cư, điều hòa hơi thở ra vào; con liền quán hơi thở đến vi tế cùng tột, thấy các hạnh sanh, trụ, dị, diệt từng mỗi sát-na, mà tâm được rõng rang tự tại không chút ngăn ngại; hết các món lậu thành A-la-hán, ở dưới tòa của Phật, được ấn chứng thành vô học đạo. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con, xoay hơi thở trở về tánh không, ấy là thứ nhất.**

LƯỢC GIẢI

Ông Châu Lợi Bàn Đạc Ca (là hai anh em, Hán dịch là Đại Lộ Biên và Tiểu Lộ Biên. Đây là chỉ ông em) nhân tu tỷ căn mà chúng nhập viên thông.

Kiếp xưa, ông là một vị Đại pháp sư vì tâm bồn xén Phật pháp, không muốn nói cho ai nghe, nên bị quả báo ngu mê thiếu tánh nghe nhiều, hiểu rộng. Nhân đó Phật mới dạy phương pháp nhiếp tâm là điều hòa hơi thở ra vào, đếm từ một đến trăm, từ trăm lui một; sau khi tâm định tĩnh, xét cùng tột đến tướng vi tế của hơi thở, thấy đều sanh, trụ, dị, diệt từng mỗi sát-na. Tâm chỉ chú vào hơi thở, ngoài hơi thở không riêng có sự vật gì, cũng không có tướng hơi thở nữa, bởi vì hơi thở đã từng sát-na chuyển biến, hơi thở không có thật tánh; vậy do tánh yên lặng, quán cảnh thanh tịnh, mà được rỗng rang sáng suốt.



9. DO THIỆT CĂN CHỨNG A-LA-HÁN

Ông Kiều Phạm Bác Đề, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ chân Phật và bạch rằng : – **Con bị khẩu nghiệp nặng nề; trong kiếp quá khứ đã chê bai vị Sa-môn, nên đời đời mắc bệnh, miệng thường như trâu. Đức Như Lai dạy cho pháp môn Nhứt vị thanh tịnh tâm địa; con nhân đó mà tâm được tịch diệt vào tam-ma-địa, quán sát cái tánh biết vị không phải thân, cũng không phải vật; liền trong miệng ấy, vượt bỏ các lậu thế gian, bề trong giải thoát thân tâm, bề ngoài không dính mắc thế giới, xa lìa ba cõi như chim ra khỏi lồng, tiêu hết các món trần cấu, nên đặng con mắt pháp thanh tịnh, thành A-la-hán. Đức Như Lai ấn chứng cho con thành**

vô học đạo. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con xoay về quán sát tánh biết vị ấy là thứ nhứt.

LƯỢC GIẢI

Ông Kiều Phạm Bác Đề (Hán dịch là Ngưu Từ) nhân tu thiết căn mà chứng nhập viên thông. Trong một kiếp quá khứ, ông từng buông lời chê bai vị lão Tăng, nên nhiều đời mắc lấy cái tật miệng thường nhưu sông như trâu.

Phật thuyết pháp lúc nào cũng tùy căn cơ, tùy tập quán của chúng sanh cả; nên Ngài đã tùy tập quán của ông, mà dạy cho pháp môn nhứt vị thanh tịnh tâm địa; nghĩa là quán cái tánh biết vị khắp hiện nơi thiết căn, vốn thường thanh tịnh không phải đối đãi giả dối, không thay đổi theo mặn, đắng, ngọt, cay, nên gọi là nhứt vị. Đã vậy, thì cái tánh biết ấy không phải là thiết căn và không phải là vị trần; vì chẳng phải trần nên chẳng phải vô tri, mà chẳng phải căn nên không giả dối; vì vậy, các món dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, trong thế gian không thể ô nhiễm buộc ràng; tuy ở trong ba cõi, mà vốn xa lìa ba cõi, như chim ra khỏi lồng, thông dung tự tại, thấy biết rộng xa. Ấy gọi là Pháp nhãn thanh tịnh thành A-la-hán, không còn thọ sanh trong vòng luân hồi sanh tử.



10.- DO THÂN CĂN CHỨNG A-LA-HÁN

Ông Tất Lăng Già Bà Ta liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu lạy chân Phật và bạch rằng : - **Lúc con mới xuất gia theo Phật nhập đạo, thường nghe Đức Như Lai dạy những điều thống khổ trong thế gian; con đi khát thực trong thành, để tâm tư niệm pháp môn đó, bắc giác giữa đường đạp nhằm gai độc, chân bị thương, sự đau nhức khắp cùng thân thể. Con liền nghĩ rằng : Có tánh biết**

mới biết sự đau nhức đó. Tánh biết ấy chính là giác tâm thanh tịnh, tuy biết cái “biết đau” mà nó không phải bị đau. Con lại suy nghĩ : Nếu như vậy thì một thân lẽ nào lại có hai tánh biết ? Con nhiếp niệm chưa bao lâu, thân tâm bỗng nhiên không tịnh; trong hai mươi một ngày thì các lậu tập tiêu hết, thành quả A-la-hán, được Phật ấn ký, chứng bậc Vô học. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con, là xả bỏ thân chấp, thuần một giác tánh, ấy là thứ nhức.

LƯỢC GIẢI

Ông Tất Lăng Già Bà Ta (Hán dịch là Dư Tập) nhân tu thân căn mà ngộ nhập viên thông. Giác tâm thanh tịnh vốn thường bất biến, hàm dung không có năng sở, không có trong ngoài, không bị khổ vui làm lay động; chúng sinh như mê, khởi ra vọng tưởng phân biệt, chấp có ngoại cảnh, có nội thân, cuộc tánh biết nơi thân căn làm nơi y chỉ, mà lãnh nạp các cảnh thuận nghịch giữa thế gian. Vì vậy nên không tránh khỏi các món khổ. Ông Tất Lăng Già Bà Ta nghe theo lời Phật, quán khổ để giữa thế gian trong khi đi khất thực, bắt giác chân đạp nhằm gai độc, đau buốt toàn thân, mà càng chứng rõ khổ để một cách thống thiết. Nhân đau nhức mà phát suy nghĩa : tự mình biết mình đang đau; vậy đã có cái đau lại có cái biết đau; đau là cái biết hư vọng nơi thân căn, tùy nhân duyên ngoại cảnh mà phát hiện có năng có sở; chữ “biết đau” chính là chỉ giác tâm thanh tịnh, ra ngoài có không, dù đau hay không đau cũng không thể làm tăng giảm. Ngặt vì trong lúc tâm ngã pháp chưa tiêu, nên tướng năng sở vẫn còn hiện tiền, cần phải nhiếp niệm vậy, sau mới không cả thân tâm, đoạn trừ năng sở, không thấy có cái tướng đau, không thấy cái tướng bị đau, chỉ thuần một giác tâm thanh tịnh. Lúc ấy, chẳng những giác tức là giác, mà mê cũng tức là giác; tánh giác hoàn toàn viên mãn không còn bị điều chi ô nhiễm.



11. DO Ý CĂN MÀ CHÚNG A-LA-HÁN

Ông Tu Bồ Đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu lay chân Phật và bạch rằng : – **Nhiều kiếp lại đây, tâm con rộng rang không ngại, nhớ lại kiếp thọ sanh nhiều như số cát sông Hằng, lúc còn ở trong thai liền biết muôn pháp không tịch, như thế cho đến thấy cả mười phương toàn không, và giáo hóa khiến cho chúng sanh chứng đặng không tánh. Nhờ Đức Như Lai phát minh tánh chơn không của bản giác tánh “không” viên mãn sáng suốt, chứng A-la-hán, liền vào biển giác không tịch sáng suốt tôn quý của Như Lai, đồng tánh tri kiến với Phật, nên được ấn chứng thành bậc Vô học. Con do tánh không mà giải thoát, không ai sánh bằng. Nay Phật hỏi viên thông thì như chỗ sở chứng của con, là đem các tướng qui vào phi tướng, mà năng phi sở phi cũng diệt, xoay tánh biết nơi ý căn về không vô, ấy là thứ nhất.**

LƯỢC GIẢI

Ông Tu Bồ Đề (Hán dịch là Không Sanh) nhân tiêu trừ ý căn mà chứng nhập viên thông. Ý căn là tánh hay hiểu biết tất cả các pháp trần, hễ có pháp trần thì có ý căn, mà ý căn tiêu trừ thì pháp trần không tịch. Pháp pháp đều không tịch cả, dù sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn tất cả đều không; ở trong thân tâm chánh báo không, ở ngoài thế giới y báo cũng không, nên tâm đặng tự tại không bị năm uẩn ngăn che, không bị cái hôn mê cách ẩm, khi ở trong thai cũng như khi ra khỏi thai, chỉ là tùy tướng thọ sanh mà vẫn không bị sắc thân chướng cách. Tuy vậy, mặc dù ngộ được không lý, nhưng chưa ngộ tánh chân như của Như Lai tạng là tức nơi không mà tùy duyên

hiện hữu, tức nơi diệu hữu mà vốn không, cái không ấy mới thật là cái tánh chân không của đệ nhất nghĩa, của nhất chân pháp giới; vậy nên nhất thời đốn ngộ tánh chân không, ấy tức đồng một tánh thấy biết cùng khắp như chư Phật, không có sai khác.

Năm vị trên đây do tu 5 căn mà chứng đạo quả.

12. DO NHÂN THỨC MÀ CHỨNG A-LA-HÁN

Ông Xá Lợi Phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật và bạch rằng : – **Con nhiều kiếp lại đây, tâm thấy rất thanh tịnh, như vậy trong nhiều đời thọ sanh như số cát sông Hằng, mà đối với các pháp biến hóa, của thế gian, xuất thế gian, hề một phen thấy liền thông suốt không bị ngăn ngại. Một hôm, nhân ở giữa đường con gặp đặng hai anh em ông Ca Diếp Ba cùng đi với nhau, tuyên nói kệ nhân duyên mà ngộ biết tự tâm vốn không ngăn mé. Con theo Phật đi xuất gia, tánh thấy biết viên mãn sáng suốt, được sức vô úy, thành A-la-hán làm trưởng tử của Phật, từ miệng Phật mà có, do pháp Phật mà hóa sanh. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con là do tâm thấy pháp sáng, sáng cùng tột các pháp sở tri, sở kiến, ấy là thứ nhất.**

LƯỢC GIẢI

Ông Xá Lợi Phất (Hán dịch là Thu Tử) do tu nhân thức mà chứng nhập viên thông. Do nhân thức thanh tịnh nên tất cả pháp tướng của thế gian đều thấy thông suốt cả; nhận thấy thông suốt các pháp biến hóa ấy nên đến khi nghe thấy bài kệ nhân duyên, liền ngộ đặng thật tướng trung đạo, ngộ Tạng tâm cùng khắp pháp giới, không

phải lớn nhỏ, không có ngăn mé trong ngoài. Bài kệ Nhân duyên theo Đại thừa nghĩa là :

**“Các pháp nhân duyên sanh,
Tôi nói nó là không,
Gọi nó là giả danh,
Cũng gọi nghĩa trung đạo”.**

(Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không, diệt danh thị giả danh, diệt danh trung đạo nghĩa). Các pháp do nhân duyên hòa hiệp sanh, không có thật tánh tức là không; tuy không nhưng đã tùy vọng nghiệp cơ cảm của chúng sanh, chẳng phải không có giả tướng phát hiện; ngoài giả không thể có không, ngoài không không thể có giả, không và giả không hai, ấy tức là thật tướng trung đạo của các pháp. Đã ngộ lý trung đạo tức là ngộ được Tạng tâm tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, không phải giả, không phải không, nhưng không chỗ nào không có, không pháp nào không do Tạng tâm, tùy duyên biến hiện, mà thấy biết cùng tận tất cả pháp không chút ngăn che sợ hãi.



13. DO NHĨ THỨC MÀ CHỨNG BỒ-TÁT

Ông Phổ Hiền Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ chân Phật và bạch rằng :

– Con đã từng làm vị Pháp vương tử với hàng sa Đức Như Lai. Mười phương các Đức Như Lai mỗi khi dạy hàng đệ tử có căn cơ Bồ-tát, tu hạnh Phổ Hiền, thấy đều lấy tên con mà đặt tên. Bạch Thế Tôn ! Con dùng tâm mà nghe và phân biệt mọi niệm lự, tri kiến của chúng sanh; nếu ở phương nào khác, ngoài hàng sa cõi nước, có một chúng sanh phát tâm tu niệm hạnh Phổ Hiền, thì trong khi ấy, con liền cõi voi trắng sáu ngà, phân

hóa trăm ngàn thân đến khắp các nơi ấy; dầu cho chúng sanh đó nghiệp chướng sâu dày không thể thấy con, thì con nhân trong khi tối tăm lấy tay sờ đầu, gia hộ an ủi khiến đặng thành công đức. Nay Phật hỏi viên thông, như bốn nhân chứng ngộ của con, là phát minh tánh nghe, phân biệt tự tại, ấy là thứ nhất.

LƯỢC GIẢI

Ông Phổ Hiền Bồ-tát (hạnh độ sanh cùng pháp giới là Phổ, gần địa vị cực Thánh là Hiền) nhân tu nhĩ thức mà chứng nhập viên thông. Phổ Hiền có ba vị khác nhau :

1. Vị Tiền Phổ Hiền tức là hai vị Tư lương và Gia hạnh.
2. Đương vị Phổ Hiền tức Sơ địa cho đến Đẳng giác, Diệu giác.
3. Vi hậu Phổ Hiền, tức là khi chứng Phật quả rồi, nhưng không quyến luyến cái vui nơi cảnh Niết-bàn, chỉ vì nguyện đại bi luôn luôn trở lại độ sanh tế vật, như ngài Văn Thù, Quán Âm, Phổ Hiền v.v... Vậy biết ngài Phổ Hiền là vị Đại Bồ-tát đã thành Phật mà trở lại độ sanh. Chính trong nhân địa, Ngài đã phát 10 lời đại nguyện : Từ “Lễ kính chư Phật” cho đến “Phổ giai hồi hướng”. Ngài đã phát minh tánh nghe chơn thật của bản tâm thanh tịnh, không còn tùy tùng theo cái nghe hư vọng của nhĩ căn và nhĩ thức, nên không bị điều chi cách ngại; nên hễ có mỗi một chúng sanh nào cách xa hằng sa thế giới mà phát tâm tu hạnh Phổ Hiền, thì ngài liền quán biết rõ ràng, phân vô số thân, cõi voi trắng sáu ngà (biểu 6 độ của Bồ-tát) đến tận nơi mà tìm cách an ủi, khuyên lơn, tán thán, gia hộ khiến chúng sanh ấy mau thành tựu như ngài. Các vị muốn tu Bồ-tát thừa sau khi thấy rõ chơn tâm, phát minh căn bản trí, đều phải khởi sai biệt trí, tùy nghi phương tiện mà giáo hóa độ sanh mới thành tựu viên mãn Phật quả; nếu thiếu hạnh Phổ Hiền tế độ quần sanh thì hạnh giác gia bị thiếu, nên Phật dạy các Bồ-tát tu hạnh lợi tha đều nên tu theo hạnh đức Phổ Hiền và cũng lấy tên ấy mà làm tên của mình.

14. DO TỶ THỨC MÀ CHỨNG A-LA-HÁN

Ông Tôn Đà La Nan Đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật và bạch rằng :

– Con lúc đầu xuất gia theo Phật nhập đạo, tuy đối với giới luật (giới) giữ gìn đầy đủ, mà đối với pháp Tam-ma-địa (định) thì tâm thường loạn động, nên chưa thành vô lậu. Đức Thế Tôn dạy con cùng ông Câu Thi La quán tướng trắng trên chót sống mũi. Lúc đầu quán kỹ, trải qua 21 ngày thấy hơi trong mũi ra vào như khói, thân tâm thế giới trong ngoài rộng suốt, khắp đều trong sạch như ngọc Lưu ly. Rồi dần dần tướng khói tiêu tan mà hơi thở lại biến thành sắc trắng, tâm đặng khai ngộ; các lậu tiêu trừ, hơi thở ra vào hóa thành ánh quang minh, soi cùng mười phương thế giới, chứng quả A-la-hán. Đức Thế Tôn thọ ký cho con, tương lai chứng đặng Bồ-đề. Nay Phật hỏi viên thông, con do tiêu trừ hơi thở; hơi thở tiêu nên tâm phát sáng, sáng càng viên mãn, các lậu dứt trừ, ấy là thứ nhất.

LƯỢC GIẢI

Ông Tôn Đà La Nan Đà nhân tu về tỷ thức mà ngộ nhập Viên thông; trên đường tu hành chơn chánh đến kết quả vô thượng Bồ-đề là phải đủ ba điều kiện cần yếu : giới luật, thiền định và trí huệ. Giới để ngăn ngừa tội lỗi, Định để đón dẹp vọng tưởng tán loạn, Huệ để phá vô minh thấu rõ thật lý. Bởi vậy mặc dầu giữ gìn giới luật hoàn toàn mà tâm thiếu thiền quán, bị tán loạn, thì bao nhiêu hoặc lậu vô minh vẫn còn tương tục ngăn che

thành quả vô lậu. Thiền quán cốt tại buộc tâm vào một chỗ hay một pháp môn để quán sát. Như Phật dạy ông Tôn Đà La Nan Đà, Câu thi la chuyên tâm quán tướng trắng đầu chót sống mũi; hễ quán tâm lần sâu xa, thì cảnh sở quán lần thanh tịnh, nên thấy hơi thở có khi như hơi khói, có khi thành trắng, đến khi hóa ra ánh sáng, đều do quán tâm sâu cạn mà ra cả. Cảnh sở quán đã sáng suốt, tâm năng quán cũng viên minh, thì thân tâm thế giới mười phương, thấy đều trong suốt như chất lưu ly, không như bọt, không ngăn cách, ấy là dứt nhân sanh tử, được Phật thọ ký chứng quả Bồ-đề.



15. DO THIỆT THỨC MÀ CHỨNG A-LA-HÁN

Ông Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật và bạch rằng :

– Con từ nhiều kiếp lại đây, biện tài vô ngại, tuyên nói các pháp khổ, không đạt cùng thật tướng; như vậy cho đến tất cả pháp môn bí mật của hàng sa Như Lai, con đều đem giải bày rất rõ ràng, vì diệu ra giữa đại chúng không chút sợ sệt. Đức Thế Tôn biết con có tài hùng biện, nên dùng âm thanh tuyên nói pháp luân dạy con đem ra truyền bá. Con ở trước Phật dùng tiếng thuyết pháp như sử tử rống, để giúp Phật chuyển pháp luân, đặng thành A-la-hán. Đức Thế Tôn ấn chứng con là người thuyết pháp không ai bằng. Nay Phật hỏi viên thông, con do pháp âm, hàng phục lũ ma oán, tiêu diệt các lậu, ấy là thứ nhưt.

LƯỢC GIẢI

Ông Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, nhân tu thiết thức mà ngộ nhập viên thông. Thiết thức có công năng biết vị và thuyết pháp. Phật vì muốn cứu chúng sanh khỏi vòng điên đảo, chấp mọi sự mọi vật là thường, là lạc, là ngã, là tịnh, nên truyền dạy pháp vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Nhân đó mà hàng Nhị thừa giải thoát phần đoạn sanh tử, chứng Vô dư y Niết-bàn và đem giáo hóa dẫn đạo chúng sanh. Thật ra trong khi Phật dạy lý vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, là mật ý cốt chỉ cho chúng sanh đương nơi bốn điều ấy nhận thấu thật tướng, bình đẳng thường, lạc, ngã, tịnh, của tất cả các pháp. Vì thật tướng ấy mới là pháp môn bí mật của hàng sa Đức Như Lai, là chỗ muốn chỉ cho âm thanh luận của Phật tuyên nói; nếu ngộ đặng pháp môn ấy như ông Phú Lô Na, thì biện luận thuyết pháp không ai sánh bằng, mặc dù nói pháp khổ, không mà không ly thật tướng; tuy không ly thật tướng mà tự tại tuyên nói khổ không, để điều nhiếp chúng sanh, hàng phục ma ngoại.



16. DO THÂN THỨC MÀ CHỨNG A-LA-HÁN

Ông Ưu Ba Ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật và bạch rằng :

- Con thân hành theo Phật, thấy Ngài vượt thành xuất gia, chính con quán thấy Đức Như Lai, 6 năm tu khổ hạnh, hàng phục loài ma, uốn dẹp ngoại đạo, giải thoát các tham dục thế gian; lại được thừa lãnh giáo giới của Phật chế; như thế cho đến 3.000 oai nghi, 80.000 hạnh vi tế, nào tánh nghiệp, nào giá nghiệp, còn đều gìn giữ thanh tịnh, thân tâm vắng lặng, thành bậc A-la-hán. Con là giềng mối trong chúng đệ tử của

Như Lai. Phật ấn chứng tâm con, giữ giới tu thân, chúng suy tôn là bậc thượng thủ. Nay Phật hỏi viên thông thì con trước do chấp giữ thân, thân đặng tự tại; sau lại do chấp giữ tâm, tâm đặng thông suốt. Vậy sau tất cả thân tâm thấy đều thông lợi, ấy là thứ nhất.

LƯỢC GIẢI

Ông Ưu Ba Ly nhân tu thân thức mà ngộ nhập viên thông. Ông là một người hầu cận của Phật trong khi Ngài còn làm Thái tử, nên thấy rõ hành động của Phật khi xuất gia, khi tu khổ hạnh cho đến khi thuyết phục tà ma, thành đạo quả và thiết chế giới luật, lại là vị đệ tử trì luật thứ nhất, lãnh thọ giới luật, thanh tịnh tu trì. Nào những điều thể tánh vốn ác như sát, đạo, dâm, vọng, gọi là tánh nghiệp; những điều thể tánh tuy không ác nhưng vì hay mở đường tội lỗi như rượu v.v... mà Phật chế ngăn gọi là giá nghiệp, cho đến 3.000 oai nghi (250 giới đều có 4 cử động là đi, đứng, ngồi, nằm, $250 \times 4 = 1.000$; 1.000 đối với 3 tụ giới thành ra 3.000) 84.000 tế hạnh (3.000 oai nghi đem phối với bảy chi : sát, đạo, dâm, lưỡng thiệt, vọng ngôn, ác khẩu, ý ngữ thành 21.000; lại phối với 4 phần phiền não là đa tham, đa sân, đa si tham si đồng phần, thành 84.000) thấy đều giữ gìn, không giới nào khuyết phạm, thân thường ở trong giới, toàn thân tức là giới, khi giới đã đặng thanh tịnh, thì thân ấy là thân tịch diệt, mà tâm ấy là tâm chơn thường diệu giác, mặc dù ở trong thế gian uế ác mà không bao giờ ô nhiễm như diệu liên hoa vậy.



17. DO Ý THỨC MÀ CHỨNG A-LA-HÁN

Ông Đại Mục Kiền Liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật và bạch rằng :

– Lúc trước con đi khát thực, giữa đường gặp ba anh em ông Ca Diếp Ba, là ông Ưu Lầu Tần

Loa, ông Già Da và ông Na Đề tuyên nói nghĩa nhân duyên sâu xa của Như Lai; con liền phát tâm thấu suốt rộng lớn, Đức Như Lai cho con mặc y ca-sa, râu tóc con tự rụng hết. Con dạo đi cùng mười phương, không bị ngăn ngại, phát minh thần thông, được chúng suy tôn con là hơn hết và thành A-la-hán. Đâu chỉ một mình Thế Tôn, mà mười phương Như Lai cũng đều khen thần lực con, tròn sáng thanh tịnh, tự tại không e sợ. Nay Phật hỏi viên thông, con xoay ý thức về tánh viên trạch, tam quang mở bày, ví như lắng dòng nước đục, lâu ngày thành trong suốt, ấy là thứ nhất.

LƯỢC GIẢI

Ông Đại Mục Kiến Liên nhân tu ý thức mà ngộ nhập viên thông. Sai khi nghe ba anh em ông Ca Diếp Ba nói lý nhân duyên của Phật, liền ngộ đặng nhân duyên thâm nghĩa, không phải như nghĩa thông thường, nói các pháp có ra là do nhiều cái hợp lại; hơn nữa các pháp như duyên sanh tức không thiệt có, tức là như huyễn, tức là trung đạo thật tướng; chính nơi các pháp đối đãi sanh diệt, mà nhận ra thật tướng, tuyệt đối không sanh diệt. Vậy nên dầu gần dầu xa, dầu lớn dầu nhỏ, không còn chút gì ngăn ngại, xứng ý thật tướng, phát hiện thần thông để độ chúng sanh và phụng thờ chư Phật. Vì được như vậy nên ông Mục Kiến Liên mới được gọi là thần thông bậc nhất.

Sáu vị trên đây do tu sáu thức mà được viên thông.



18. DO LỬA MÀ CHỨNG A-LA-HÁN

Ông Ô Sô Sắc Ma ở trước Như Lai chấp tay cúi đầu đánh lễ chân Phật và bạch rằng : – **Con thường**

nhớ lại nhiều kiếp xa xôi về trước, tánh nhiều tham dục. Có Đức Phật ra đời hiệu là Không Vương. Ngài dạy : người nhiều dâm tánh là thành đồng lửa hãi hùng, lại dạy con quán khắp 100 hài 4 vóc, các khí lạnh, nóng và tinh thần bề trong mà được ngưng tịnh, hóa tâm đa dâm thành ra lửa trí huệ. Từ đó chư Phật đều gọi con là Hỏa đầu. Con do sức hỏa quang tam-muội mà thành A-la-hán, tâm phát nguyện lớn : “Hễ chư Phật thành đạo thì con làm người lực sĩ hầu cận, uốn dẹp lũ ma oán”. Nay Phật hỏi viên thông, con do quán sát cái xúc nóng nơi thân tâm, rộng suốt không ngại, các lậu tiêu trừ, phát sanh lửa trí huệ lớn báu, lên bậc Vô thượng giác, ấy là thứ nhất.

LƯỢC GIẢI

Ông Ô Sô Sắc Ma nhân tu về Hỏa đại mà ngộ nhập viên thông. Chỉ vì còn vọng tưởng nên còn tánh tham dâm; do tánh tham dâm mới kết thành lửa nghiệp hỷ hưng đốt cháy thân tâm, lu mờ ánh sáng trí huệ. Nhưng vọng tưởng chỉ là tâm, tham dâm chỉ là tâm, mà trí huệ cũng chỉ là tâm; nếu tâm vọng tưởng tham dâm ngừng tiêu, thì lửa trí huệ phát hiện. Ông Ô Sô Sắc Ma vốn người nhiều dâm dục; sau khi nghe Đức Phật Không Vương dạy cho biết người đa dâm biến thành đồng lửa dữ, mới chuyên tâm quán sát toàn thân tứ đại vốn không chủ tử; 100 hài và 4 vóc, khí lạnh khi nóng v.v... đều thuộc về tứ đại; tâm đa dâm vốn không tự tánh, tất cả đều do vọng tưởng mà ra; bởi tạng tâm tùy duyên biến hiện, ngộ được tất cả vô tánh, tức thành định lực hỏa quang tam muội đốt cháy hết thủy thể gian và oán ma sanh tử.



19. DO ĐẤT MÀ ĐƯỢC CHỨNG BỒ-TÁT

Ông Trì Địa Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật và bạch rằng : - **Con nhớ kiếp xưa thuở Đức Phổ Quang Như Lai hiện thân ra đời, Con làm thầy Tỳ-kheo thường đi đến các nẻo đường, bến dò, ruộng đất hiểm trở, hoặc không được bằng phẳng, phòng hại xe ngựa, thì con đắp ngay ngăn, hoặc làm cầu cống, hoặc gánh cát, đất, siêng năng, khổ nhọc như vậy, trải qua vô lượng Đức Phật ra đời. Hoặc có chúng sanh ở chỗ chợ búa, cần người chuyển vật, con vì họ trước hơn ai cả, chuyển đi đến nơi tận chỗ để đổ vật xuống, liền đi ngay, chứ không nhận lấy tiền thuê. Trong khoảng Đức Phật Tỳ Xá Phù ra đời, ở thế gian, phần nhiều bị đói thiếu, con làm người chuyên chở không kể gần xa, chỉ lấy thuê một tiền; nếu có xe trâu mắc phải bùn lầy thì con đem sức lực vì chúng đẩy xe, cứu vớt sự khổ não. Vị Quốc vương thuở ấy, mời Phật thết trai cúng dường; bấy giờ con sửa sang đất đai bằng phẳng chờ Phật đi qua. Đức Tỳ Xá Như Lai khi đi ngang qua, xoa đầu con và bảo : “Hãy bình tâm địa thì thế giới đại địa tất cả đều bình”. Tâm con liền dặng mở mang, thấy rõ vi trần tạo thành ra thế giới, bình đẳng không khác; tự tánh của vi trần không chạm lẫn nhau; cho đến đao binh cũng chẳng hề**

đụng chạm; trong các pháp tự tánh, ngộ được vô sanh nhẫn, thành bậc A-la-hán. Xoay tâm Tiểu thừa này vào trong vị Bồ-tát, nghe các Như Lai nói chỗ tri kiến Phật như Diệu liên hoa; con đặng chứng tỏ lần đầu tiên mà làm vị Thượng thủ. Nay Phật hỏi viên thông, con do chỗ để quán hai thứ vi trần của căn thân và thế giới bình đẳng như nhau, vốn từ Như Lai tạng hù vọng phát sinh trần cấu, trần cấu tiêu rồi thì trí viên mãn, thành Bồ-tát, ấy là thứ nhất.

LƯỢC GIẢI

Ngài Trì Địa Bồ-tát nhân nơi địa đại mà chứng ngộ viên thông. Phạm những vi phát tâm hướng cầu Bồ-đề mà tu Bồ-tát hạnh, thường xem việc lợi tha làm trọng, lợi kỷ làm khinh, lắm khi vì xả kỷ để mà lợi nhân cũng không tiếc. Nhưng phương tiện thực hành Bồ-tát hạnh sai khác nhau, có vị dùng lời nói dịu dàng thuyết pháp để lợi ích chúng sanh có vị đem tiền tài của cải bố thí để lợi ích chúng sanh v.v... còn như ngài Trì Địa thì thường đem thân lực mạnh khỏe mà giúp ích nhiếp hóa chúng sanh; từ kiếp Đức Phật Phổ Quang xuất thế, mãi về sau vô lượng kiếp ngài thường đi qua các nẻo đường, bến đò, và bất cứ nơi nào hiểm trở lấy lợi, phương ngại người đi, ngài đều ra công tự gánh đất cát sửa sang bằng phẳng, xây dựng cầu cống hoặc gánh gồng mang chở vật nặng giúp người về tận nơi chỗ mà không lấy tiền thuê, cho đến đày giùm xe trâu bừa lấy tự đi không nổi v.v... Sau nhân gặp Đức Trì Địa Như Lai dạy một câu rằng : “Nên bình tâm địa thì đại địa thế giới tất cả đều bình”. Tâm liền khai ngộ, ngài chứng quả vô sanh. Câu ấy nghĩa là tất cả đại địa vi trần từ trong thân đến ngoài thế giới đều giả dối, không có tự tánh, chỉ nhất tâm biến hiện. Chúng sanh vì mê không ngộ cảnh sở hiện ấy toàn là duy tâm, vốn không trong ngoài, không năng sở, không cao thấp, mà lại phân

chia có trong ngoài, năng sở cao thấp, nên mới thấy tướng bất bình; nếu gạt bỏ hết các vọng tưởng đảo điên, mà bình được tâm địa nơi mình thì đại địa ở ngoài thế giới tự nhiên bằng phẳng, xem thấy các vi trần hiệp thành nơi thân, vi trần hiệp thành ngoài giới vốn đồng một tâm, tâm đồng một tánh, bình đẳng như như, không ngăn ngại nhau thì dù dao cắt vào thân thể như rạch vào hư không; vi trần không diệt cũng như băng tiêu tức thành nước, chỉ băng diệt chứ không bị mất. Pháp tánh vốn tự viên dung, chẳng có gì thêm, bớt, sanh, diệt. Nếu ngộ pháp tánh ấy tức là nhập chỗ tri kiến của Phật.

20. DO NƯỚC MÀ ĐƯỢC CHỨNG BỒ-TÁT

Ông Nguyệt Quang Đồng Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật và bạch rằng :

– Con nhớ hằng hà sa số kiếp về trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Thủy Thiên, dạy các vị Bồ-tát tu phép quán nước, chứng nhập chánh định. Quán nước ở trong thân, tánh nó không cướp đoạt nhau. Đầu tiên quán từ nước miếng, rồi đến mồ hôi, tinh huyết, đại tiện, tiểu tiện, xoay vần trong thân mà vẫn đồng một tánh nước. Quán thấy nước ở trong thân cùng nước biển hương thủy nơi cõi phù tràng vương ngoài thế giới bình đẳng không sai khác. Lúc con mới thành pháp quán nước, thì chỉ trông thấy nước mà chưa được không thân (nghĩa còn chấp có thân này) Đang lúc còn làm Tỳ-kheo yên lặng tu thiền ở trong nhà, thì có người đệ tử từ nơi cửa sổ ngó vào, chỉ thấy nước trong khắp đầy cả nhà, không thấy gì khác, nó trẻ đại không biết,

liền lấy một viên ngói quăng vào trong nước quấy nước lên tiếng, ngó quanh quẩn rồi bỏ đi; sau khi con xuất định, liền cảm nghe đau bụng, giống như ông Xá Lợi Phất gặp phải nạn quỷ vi hại. Con tự suy nghĩ : Nay ta đã được quả A-la-hán, khỏi bệnh duyên lâu ngày, vì sao nay bỗng phát sinh đau bụng, chùng bị thối thất chẳng ! Bấy giờ đứa nhỏ thẳng đến trước con, nói lại việc như trên; con liền bảo : “Hễ người trông thấy nước lại, thì nên liền mở cửa vào lượm viên ngói quăng đi”. Đứa nhỏ vâng lời, lúc sau con nhập định, nó trở lại thấy nước và viên ngói rõ ràng, liền mở cửa lượm ra. Đến khi con xuất định, thần thể lại y như cũ. Gặp vô lượng Phật, như vậy đến đời Đức Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai, con được vong thân, thân cùng nước biển hương thủy khắp mười phương hiệp một tánh chơn không, không hai không khác. Ngày nay, đối trước Như Lai được danh hiệu Đồng Chơn, dự hội Bồ-tát. Nay Phật hỏi viên thông con do thủy tánh, một vị lưu thông, chứng được phép vô sanh nhẫn, viên mãn đạo Bồ-đề, ấy là thứ nhất.

LƯỢC GIẢI

Ông Nguyệt Quang Đồng Tử nhân quán thủy đại mà ngộ nhập viên thông. Thủy đại là chỉ tất cả nước trong biển cả, nước lưu hành trong thân v.v... tuy thấy in tướng có trong có ngoài mà vốn dung thông. Quán thủy đại dung thông cùng khắp cả thế giới,

không chỗ nào không phải nước, toàn một tướng nước mà thôi, thì tâm phân biệt tiêu diệt, chân trí vô phân biệt hiện ra. Nhưng đây ông Nguyệt Quang lúc đầu vì chưa chứng được chơn tự tánh; tánh thủy tức là chơn không, tánh thân tức là chơn không, tất cả đều chơn, tất cả đều không; nên ông thấy còn có thân, còn đem thân nhập định, dụng tâm quán nước, chứ chưa phải tâm tức là định, định tức là tâm, tâm tức là nước, nước tức là tâm. Vậy nên khi nhập định quán nước, có tướng nước hiện tiền, đũa đồng tử thấy nước quăng ngói vào trong, đến khi xuất định tướng nước không còn, lại nghe tâm đau; về sau gặp đời Đức Sơn Hải Tụ Tại Thông Vương xuất thế mới được vong thân; thân đã vong, pháp cũng diệt, thì cùng mười phương đồng một tánh thủy chơn không, không hai không khác, chẳng nhập định xuất định, mà tự nhiên chứng được vô sanh pháp nhẫn.



21. DO GIÓ MÀ CHỨNG THÁNH QUẢ

Ông Lưu Ly Quang Pháp vương tử, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật và bạch rằng :

– Con còn nhớ trải qua hằng hà sa số kiếp trước, có Đức Phật ra đời hiệu Vô Lượng Thanh, khai thị tánh Bản giác diệu minh cho các hàng Bồ-tát, quán thế giới này và các thân chúng sanh, đều bởi sức gió nhân duyên hư vọng chuyển biến ra. Lúc bấy giờ con quán cõi nước đứng yên, quán thời gian qua lại, quán thân phần đi đứng, quán tâm niệm động lay, tất cả các thứ động không hai, như nhau không sai khác.

Con hiểu biết rằng tánh của các món động ấy, đến thì không có chỗ ban đầu, đi không nơi cùng tận; chúng sanh điên đảo số như vi trần

trong mười phương, đều đồng một tánh hư vọng cả. Như vậy cho đến những loại chúng sanh ở trong một Tam thiên đại thiên thế giới, chẳng khác nào trong một cái đồ chứa hàng trăm mòng muỗi vo vo loạn lạc, ở trong phân tặc nổi sanh cuồng náo, gặp Phật chưa bao lâu mà chứng vô sanh nhẫn; bây giờ tâm địa mở mang, trông thấy phương đông cõi Phật bất động, làm con đấng Pháp vương (Phật), kính thờ mười phương Phật, thân tâm phát sáng, rộng suốt không ngăn ngại. Nay Phật hỏi viên thông, con do quán sát phong lực giả dối không chỗ nương, ngộ tâm Bồ-đề chứng nhập tam-ma-địa, hiệp với mười phương Phật, toàn một diệu giác tâm, ấy là thứ nhất.

LƯỢC GIẢI

Ông Lưu Ly Quang Pháp vương tử do phong đại mà ngộ nhập viên thông. Tánh bốn giác diệu minh thường không điều động, nhân xem thấy sự chuyển lay gọi là phong đại hay phong lực. Ông Lưu Ly quang thường quán tất cả thân tâm thế giới đều như phong lực chuyển biến, nào sự thành lập phương cõi, sự qua lại của thời gian; sự động chỉ nơi thân, sự động niệm nơi tâm, thủy đều không tự tánh, đều do sức gió hư vọng phát sanh, không thật có đến có đi, hay có sanh diệt; chúng sanh không nhận biết, chỉ do một tánh hư vọng như thế, nên cuộc chấp nơi thân phần bé nhỏ, thân lại ràng buộc vào thế giới; rồi tự chịu lấy sự sanh tử luân hồi rất là đảo điên oan uổng; không khác nào trăm ngàn con mòng muỗi vô tri ở trong đồ hẹp bé gang tặc, tự kêu la inh ỏi, điều động lằng xằng, mà thật ra gió hư vọng không chỗ nương, chỉ nương Bồ-đề bốn giác. Như sóng nổi từ nước, hễ gió hư vọng tiêu,

tức Bồ-đề hiển lộ, thông suốt không ngại. Mười phương chư Phật đều lấy cái đó làm tâm; hết thấy chúng sanh cũng lấy đó làm tâm, chỉ một diệu tâm vô nhị ấy; nhưng mà chúng nhập được là phải diệt hết mê lầm.

*

22. DO HƯ KHÔNG MÀ CHỨNG BỒ-TÁT

Ông Hư Không Tạng Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật và bạch rằng :

- Con với Đức Như Lai cùng ở thời Đức Phật Định Quang (Phật Nhiên Đăng) chứng được vô biên thân, lúc ấy tay cầm 4 viên bảo châu lớn, chiếu sáng mười phương cõi Phật số như vi trần, đều hóa thành hư không. Lại nơi tự tâm hiện ra cái gương tròn lớn, từ gương phóng ra mười ánh sáng vi diệu quý báu; trong ánh sáng lưu xuất mười phương các cõi nước khắp hư không, rồi trở lại vào trong gương và lặn vào thân con. Thân đồng như hư không, chẳng còn sợ ngại, nên có thể khéo léo hiện thân vào các quốc độ số như vi trần, rộng làm Phật sự, được công đức tùy thuận rộng lớn.

Đạt thân lực như thế ấy là con chín chắn quán sát tứ đại không chỗ nương, sanh diệt theo vọng tưởng; hư không không hai và cõi Phật vốn đồng, phát minh tới chỗ đồng, chứng đặng vô sanh nhẫn. Nay Phật hỏi viên thông, con do quán sát hư không không ngại, ngộ

nhập Tam-ma-địa, diệu lực viên mãn sáng suốt, ấy là thứ nhất.

LƯỢC GIẢI

Ngài Hư Không Tạng Bồ-tát nhân tu không đại mà chứng nhập viên thông.

Quán sát 4 món đại là giả dối, như huyễn, đều do vọng tưởng của chúng sanh phát hiện; mà vọng tưởng không có thiệt tánh, y nơi nhứt tâm; khi đã ngộ ý duy tâm triệt để thì cả 4 đại sắc không, bỗng lai bình đẳng như hư không. Như bài kệ nói :

Hư không chẳng phải cao, thấp cũng không thể có; Các pháp cũng như vậy, tánh vốn không cao thấp. Bồ-tát Hư Không Tạng, đặng kho tàng hư không. Đầy đủ cho hữu tình, thức ấy không cùng tận.

Dem thức tâm hư không vô tận ấy mà ấn nhập tất cả pháp, thì pháp nào cũng vô tận, toàn tâm là sắc, vậy nên tất cả pháp đều duy tâm sở hiện, không có thân sơ, toàn sắc là tâm, vậy nên tất cả pháp là sở hiện duy tâm không có trong ngoài.

Trong bài này, ngọc châu là tiêu biểu sắc pháp, gương sáng là tiêu biểu tâm pháp. Toàn sắc là tâm không phân chia chủ bạn, nên hay soi chiếu mười phương vi trần cõi Phật hóa thành hư không. Toàn tâm là sắc, không phải xa rời nơi bốn tế. Nên hay phóng quang hiện phương cõi, đều vào trong gương, trong thân không chút nào ngăn ngại; chính nơi thân mà hiện độ, nơi độ mà hiện thân, để hoằng pháp độ sanh, tiếp nối Phật chủng mà không bao giờ trái với tánh bình đẳng thanh tịnh của pháp thân, nên gọi là đức tùy thuận rộng lớn.



23. DO THỨC ĐẠI MÀ CHÚNG THÁNH QUẢ

Ngài Di Lạc Bồ-tát, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật và bạch rằng :

- Con nhớ trải qua vi trần số kiếp về trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Nhựt Nguyệt Đăng Minh. Từ Đức Phật ấy, con được xuất gia, nhưng tâm còn nặng nề thế danh, ưa giao du với các dòng quyền quý. Lúc ấy Đức Thế Tôn dạy con tu tập pháp định duy tâm thức mà ngộ nhập Tam-ma-địa. Nhiều kiếp lại đây, do sức Tam-muội ấy, con kính thờ hằng hà sa số Phật và tâm ham chuộng thế danh kia nay đã hết. Đến kiếp Đức Phật Nhiên Đăng ra đời, con mới được chứng pháp vô thượng diệu viên thức tâm tam-muội, thấy khắp hư không, các cõi nước dù uế, tịnh, có, không, thấy đều do tâm thức con biến hóa hiện ra. Bạch Thế Tôn ! Bởi con liễu chứng duy tâm thức tánh như vậy, từ thức tánh xuất hiện vô lượng Như Lai, nên nay đặng Phật thọ ký sẽ bổ xứ làm Phật. Nay Phật hỏi viên thông, con do chín chắn quán sát mười phương đều là duy thức, thức tâm viên mãn sáng suốt, chứng nhập tánh viên thành thật, xa lìa tánh y tha và biến kế chấp, ngộ vô sanh nhẫn, ấy là thứ nhứt.

LƯỢC GIẢI

Đức Di lạc Bồ-tát nhân tu duy thức mà ngộ nhập viên thông.

Ngộ tất cả vạn Pháp đều do nơi thức biến hiện thì cảnh nào cũng là tánh cảnh, cũng là tánh viên thành thật. Không ngộ tất cả vạn pháp do nơi thức biến hiện, in tưởng sanh mà không thật sanh, in tưởng diệt mà không thật diệt; nếu chấp thiệt có sanh diệt, thành pháp y tha. Các pháp do y tha (nhân duyên) sanh khởi mà không

nhận là y tha, lại so đo sai lầm, chấp có ngã, ngã sở, cho nên thường bị danh tướng thế gian ràng buộc. Tâm còn ham chuộng thế danh, vì còn cho thế gian là thiết. Trái lại, sau khi ngài Di Lặc tu tập pháp duy tâm, duy thức, quán sát tất cả danh là giả, tất cả tướng là giả, không vì duyên gì còn làm sanh trưởng tâm ham mê danh vị được nữa. Lần lần chúng được vô thượng diệu viên thức tâm tam-muội (chơn duy thức tánh) chẳng những không thấy thiết có tướng vạn pháp, cũng không còn thấy thiết có tướng duy thức; vì mười phương Như Lai, quốc độ sắc không v.v... đều không món nào ra ngoài thức tánh ấy mà tự có. Các pháp đã là thức tánh, thì pháp pháp đều là tự tánh viên mãn, thành tựu chân thật, nơi tánh viên thành, sanh vốn vô sanh. Cho nên xa lìa y tha như huyễn, nơi tánh viên thành không thiết có ngã và ngã sở, xa lìa biến kế sai lầm, chúng pháp vô sanh nhĩn.

*

24. DO KIẾN ĐẠI MÀ CHÚNG THÁNH QUẢ

Ngài Đại Thế Chí Pháp vương tử cùng các Bồ-tát đồng hàng là năm mươi hai vị, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật và bạch rằng :

- Con nhớ hàng sa số kiếp trước, có Đức Phật ra đời hiệu Vô Lượng Quang. Nội trong một kiếp ấy, mười hai đấng Như Lai kế nhau ra đời. Vị Phật sau hết hiệu là Siêu Nhựt Nguyệt Quang. Ngài dạy con tu phép Niệm Phật Tam-muội. Ví như có hai người, một đàng chuyên nhớ, một đàng chuyên quên, thì hai người ấy hoặc gặp nhau cũng như chẳng gặp, dù thấy nhau cũng như không thấy; nếu cả hai người đều nhớ nhau, hai mối nhớ càng ăn sâu thì dù đời này cho đến trải qua đời khác, cũng luôn luôn như bóng với hình, không bao giờ trái xa.

Mười phương các Đức Như Lai thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con, nếu con trốn tránh, tuy mẹ nhớ cũng chẳng có ích gì; nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời không xa cách nhau. Nếu chúng sanh đem tâm nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tại hay tương lai chắc chắn thấy Phật, cách Phật không xa, chẳng cần tu hành phương tiện nào khác mà tự nhiên tâm được khai ngộ. Cũng như người ướp hương mà thân có hơi hương như thế gọi là dùng hương quang để trang nghiêm vậy. Chỗ bốn nhưn tu hành của con là do tâm niệm Phật mà ngộ vô sanh nhĩ, nguyện ở cõi này để nhiếp hóa mọi người niệm Phật vắng sanh Tịnh độ. Nay Phật hỏi viên thông, con vốn không lựa chọn, chuyên thâm nhiếp cả sáu căn, khiến cho Tịnh niệm nối liền, được vào Tam-ma-địa, ấy là thứ nhất.

LƯỢC GIẢI

Kiến đại cũng tức là căn đại; trước thức đại thuộc về thức, đây kiến đại thuộc về căn. Ngài Đại Thế Chí Pháp vương tử, nhưn tu kiến đại mà ngộ nhập viên thông.

Không như các viên thông trước, chỉ lựa chọn từng căn để hạ thủ công phu, mà trái lại ở đây, ngài Đại Thế Chí nhân pháp niệm Phật Tam-muội nhiếp phục cả 6 căn, qui cả 6 căn đều thâm về nơi nhất niệm niệm Phật, không để tán loạn dong ruổi theo ngoại duyên. Tịnh niệm thường nối liền, không xen một niệm gì khác, thì quyết nhiên chứng đặng niệm Phật tam-muội, thường thương xót tưởng niệm chúng sanh, như nhớ con đại; nếu chúng sanh chuyên tâm nhớ Phật, niệm Phật như con biết nhớ mẹ, như

mẹ nhớ con, thì hiện tiền hoặc tương lai, quyết định gặp Phật, thấy Phật, vì nhân nào quả nấy mảy mún không sai. Trái lại, Phật tuy nhớ chúng sanh, mà chúng sanh cứ trốn tránh không biết nhớ Phật; cũng như hai người, một bên chuyên nhớ, còn một bên chuyên quên, thì gặp cũng như không gặp, thấy cũng như không thấy, chẳng ích gì.

Vả chẳng, tâm mê ngộ của chúng sanh cũng như mẹ và con vậy. Tâm ngộ như mẹ, tâm mê như con, ngộ luôn luôn có trong mê, ví như mẹ thương nhớ con, mà mê thì không biết tự nhận, niệm niệm chuyển dời trái tánh giác, hiệp trần lao, ví như con trốn tránh không nhớ nghĩ đến mẹ, bởi vậy mà uống chịu luân hồi sanh tử ! Nếu biết phản quán, đem tâm niệm Phật giác ngộ nơi tự tâm, thì mỗi phút, mê hóa thành giác, năng sở đều chứng nhập tánh pháp giới bình đẳng, không ly đương độ mà nhiếp hóa những chúng sanh niệm Phật đồng vắng sanh Tịnh độ.

Bảy vị trên đây do tu bảy đại mà chứng đạo quả.



25. DO NHÌ CĂN MÀ ĐƯỢC NGỘ ĐẠO

Khi đó, Đức Quán Thế Âm Bồ-tát đứng dậy cung kính lạy Phật và thưa rằng :

– **Bạch Thế Tôn, con nhớ từ hàng hà sa số kiếp về trước, có Phật ra đời, tên là Quán Âm. Con đối trước Phật Quán Âm phát tâm Bồ-đề. Ngài dạy con từ nơi nghe rồi nhớ và tu mà được vào chánh định** (văn, tư, tu là điều cần yếu của người tu hành).

Khi mới nghe tiếng, không chạy theo thanh trần, xoay cái nghe trở vào chơn tánh (nhập lưu vong sở). **Vì chỗ vào** (chơn tánh) **đã yên lặng, nên độ và tịnh hai món trần cảnh không sanh.**

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này nói : Khi cái nghe đối với tiếng, không khởi vọng niệm phân biệt theo tiếng, do xoay cái nghe trở lại tự tánh, nên yên tâm, cảnh tịnh. Đây mới giai đoạn thứ nhất.

✽

Như thế lần lần tăng tấn đến cái nghe (năng) và cảnh bị nghe (sở) cũng hết (đoạn trên nói thình trần yên tịnh, song còn cái nghe; đoạn này nói “cái nghe” và “trần bị nghe” đều hết).

Cũng không an trụ ở chỗ hết nghe. Cái biết hết và cái bị biết cũng không còn (đoạn trên nói “cái nghe với cái bị nghe hết”, nhưng còn chấp ở nơi “cái hết”. Đoạn này nói cũng không chấp ở nơi chỗ hết. Song sợ e còn “cái biết hết”, nên nói tiếp : cái biết và cái bị biết cũng không).

“Cái biết” và “cái bị biết” cả hai đều không, đến chỗ cùng tột viên mãn. Song hãy còn cái “không”, phải tiến lên một tầng nữa là cái “không” với cái “bị không” cả hai đều diệt hết. Khi các cái sanh và diệt đã diệt hết, thì cái chơn tâm tịch diệt hiện tiền.

LƯỢC GIẢI

Cách tu hành của Ngài Quán Âm Bồ-tát là :

1. Bắt đầu từ khi cái nghe đối với thình trần không khởi phân biệt theo thình trần, nên thình trần tự vắng lặng; song còn cái “nghe”.
2. Đến giai đoạn thứ hai cái nghe (năng, sở) cũng hết, song còn cái “hết”.

3. Đến từng thứ ba không chấp ở nơi hết, song còn cái “biết hết”.

4. Đến từng thứ tư là “cái biết” đó cũng không, song còn cái “không”.

5. Lên đến từng thứ năm là cái “không” đó cũng không còn. Lúc bấy giờ các cái vọng niệm phân biệt chấp trước đều hết, thì chơn tâm thanh tịnh tự hiện bày; cũng như các cặn đục đã hết, thì tánh nước trong tự hiện. Mười phương các Đức Phật hay các vị Đại Bồ-tát tu hành, chỉ có một con đường duy nhất là trừ hết “vọng” thì “chơn” hiện bày, như lau gương sạch bụi, thì ánh sáng tự hiện, thế gọi là thành Phật, hay là chứng đại Niết-bàn.



IV. NGÀI QUÁN ÂM KỂ LẠI SỰ KẾT QUẢ

(Đoạn trên là Ngài ngộ được chơn tâm, từ đây về sau là từ chơn tâm khởi ra diệu dụng).

– **Bạch Thế Tôn, do con tu như vậy, nên vượt ra khỏi thế gian, và xuất thế gian. Vì đã được chơn tâm thanh tịnh sáng suốt viên mãn khắp cả mười phương cùng với chư Phật và chúng sanh đồng một thể tánh ấy, nên con được hai điều thù thắng :**

a. Hiệp với đức “từ độ sanh” của chư Phật.

b. Hiệp với lòng “bi ngưỡng mộ” của tất cả chúng sanh. Và được các món diệu dụng như sau :

**A. HIỆN RA 32 ỨNG THÂN ĐỂ HÓA ĐỘ
TẤT CẢ CHÚNG SANH**

– **Bạch Thế Tôn, con nhờ chứng được chỗ đồng thể đó, nên cùng với chư Phật hiệp đức từ,**

hiện ra 32 ứng thân để tùy thuận theo các chúng sanh mà hóa độ.

1. Hiện thân Phật
2. Hiện thân Độc giác
3. Hiện thân Duyên-giác
4. Hiện thân Thanh-văn
5. Hiện thân Phạm vương
6. Hiện thân Đế thích
7. Hiện thân Trời Tự tại
8. Hiện thân Trời Đại Tự tại
9. Hiện thân Đại Tướng quân
10. Hiện thân Tứ Thiên vương
11. Hiện thân Thái tử
12. Hiện thân Vua
13. Hiện thân Trưởng giả
14. Hiện thân Cư sĩ
15. Hiện thân Tế quan
16. Hiện thân Bà-la-môn
17. Hiện thân Tỳ-kheo
18. Hiện thân Tỳ-kheo-ni
19. Hiện thân Ưu-bà-tắc
20. Hiện thân Ưu-bà-di

21. **Hiện thân bà Chúa**
22. **Hiện thân đồng nam**
23. **Hiện thân đồng nữ**
24. **Hiện thân Trời**
25. **Hiện thân Rồng**
26. **Hiện thân Dược-xoa**
27. **Hiện thân Càn-thát-bà**
28. **Hiện thân A-tu-la**
29. **Hiện thân Khẩn-na-la**
30. **Hiện thân Ma-hầu-la-dà**
31. **Hiện thân người**
32. **Hiện thân các chúng sanh**

B. ĐƯỢC 14 MÓN KHÔNG SỢ

- Bạch Thế Tôn, con nhờ tu pháp này, chứng được chỗ đồng thể với chúng sanh, nên cùng với chúng sanh đồng một lòng bi ngưỡng mộ. Vì thế nên con khiến cho các chúng sanh dặng 14 món không sợ.

1. Chúng sanh khổ não quán tiếng tăm được giải thoát.
2. Vào lửa không cháy
3. Vào nước không chìm
4. Quỷ không hại được

5. Dao chặt không đứt
6. Quý không thể thấy được
7. Không ai trói cột được
8. Không ai trộm cướp được
9. Lìa tâm dâm dục
10. Lìa nóng giận
11. Lìa si mê
12. Cầu nam dạng nam
13. Cầu nữ dạng nữ
14. Niệm danh hiệu Quán Âm công đức bằng niệm danh hiệu của hàng sa Bồ-tát

C. ĐƯỢC 4 MÓN KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

– Bạch Thế Tôn, con nhờ tu pháp môn này mà được bốn món thần diệu không thể nghĩ bàn :

1. Hiện nhiều đầu, nhiều tay và nhiều mắt,
2. Hiện hình nói thần chú,
3. Chúng sanh hy sinh tài sản cầu con thương xót,
4. Chúng sanh cầu chi được nấy.

– Bạch Thế Tôn, do đó mà Đức Phật Quán Âm thọ ký cho con tên là Quán Thế Âm.



BÀI THỨ MƯỜI BA

- I. Phật bảo Ngài Văn Thù lựa pháp tu viên thông.
- II. Ngài Văn Thù vâng lời Phật lựa phương pháp tu.
- III. Chúng sanh ở thế giới Ta-bà nhờ nghe nói pháp mới biết đường lối tu hành.
- IV. Công năng của nhĩ căn (tai nghe).
- V. Ngài Văn Thù quở trách A Nan học nhiều mà không tu.
- VI. Các vị nghe pháp được chứng ngộ.
- VII. A Nan cầu Phật dạy phương pháp để độ chúng sanh đời sau.
- VIII. Phật dạy phải tu giới, định, huệ.
- IX. Nói về Đại thừa tâm giới, có bốn :
 - A. Đoạn lòng dâm dục
 - B. Đoạn lòng sát hại
 - C. Đoạn trừ trộm cướp
 - D. Đoạn trừ vọng ngữ

BÀI THỨ MƯỜI BA

I. PHẬT BẢO NGÀI VĂN THÙ LỰA PHÁP TU VIÊN THÔNG

Khi ấy Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi :

– Ông đã nghe các vị Đại Bồ-tát và A-la-hán vừa trình bày các phương pháp tu hành được thành đạo quả. Thật ra 25 pháp tu này, đối với các vị Thánh, thì tu pháp nào cũng đều được chứng quả cả, không có pháp nào hơn và kém. Song nay Ta muốn cho A Nan và chúng sanh đời sau, nếu muốn vào Đại thừa Bồ-tát thì đối với 25 pháp tu này, ông nên lựa pháp nào tu hành để mau thành đạo vô thượng Bồ-đề.

II. NGÀI VĂN THÙ VÂNG LỜI PHẬT LỰA PHƯƠNG PHÁP TU

Ngài Văn Thù Sư Lợi vâng lời Phật dạy, đứng dậy lạy Phật, kính cẩn nói bài kệ, khen chơn tâm nhiệm mầu sáng suốt, chỉ rõ cái “vọng” vốn không và lựa chọn pháp tu viên thông.

NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN :

**Giác hải tánh trưng viên
Viên trưng giác nguyên diệu
Nguyên minh chiếu sanh sở
Sở lập chiếu tánh vong**

**Mê vọng hữu hư không
Y không lập thế giới
Tướng trừng thành quốc độ
Trí giác nãi chúng sanh**

**Không sanh đại giác trung
Như hải nhưt âu phát
Hữu lậu vi trần quốc
Giai y không sở sanh**

**Âu diệt không bốn vô
Huống phục chư tam hữu
Quy nguyên tánh vô nhị
Phương tiện hữu đa môn**

**Thánh tánh vô bát thông
Thuận nghịch giai phương tiện
Sở tâm nhập tam-muội
Trì tốc bất đồng luân...**

DỊCH NGHĨA

- Chơn tâm thanh tịnh viên mãn lại nhiệm mầu, như biển đứng lặng và rộng sâu. Vì vọng động chiếu soi (phân biệt) nên sanh ra có cảnh bị chiếu (bị phân biệt). Khi năng, sở đã vọng sanh, thì cái “tánh chơn” lại ẩn (chiếu tánh vọng).

LƯỢC GIẢI

Như biển đứng lặng lóng trong, vì xao động nên thành sóng, lúc bấy giờ tánh trong lặng của nước bị ẩn đi v.v...



Từ mê muội, vọng động cho nên có hư không, như hư không mà có thế giới. Những vọng tưởng si mê lóng lại thành ra thế giới, còn cái phân biệt hiểu biết thì làm chúng sanh.

Hư không sanh ở trong chơn tâm rộng lớn này, cũng như chùm bọt nổi trên mặt biển. Thế giới nhiều như vi trần đều y hư không mà sanh; khi bọt tan cũng như hư không diệt, thì hằng sa thế giới đều tiêu hết.

Trở về chơn tâm thì đồng một, nhưng trên đường tu có nhiều phương tiện. Đối với bậc Thánh, tu pháp nào cũng đều chứng quả, dầu khó hay dễ cũng đều là phương tiện cả. Còn đối với kẻ sơ tâm tu hành lại có khó và dễ, bởi căn cơ không đồng. Hôm nay con xét 25 pháp tu của các vị Thánh vừa trình bày, thì duy có pháp tu nhĩ căn (tai nghe) của Ngài Quán Âm mới là viên thông.

III. CHÚNG SANH Ở THẾ GIỚI TA BÀ NÀY NHỜ CÓ NGHE PHÁP MỚI BIẾT ĐƯỜNG LỐI TU HÀNH

Bạch Thế Tôn, Phật ra đời ở thế giới Ta-bà này, dùng âm thanh nói pháp để giáo hóa chúng

sanh. Chúng sanh nhờ có nghe tiếng của Phật nói pháp mới biết đường lối tu hành được thanh tịnh. Hôm nay muốn đăng chánh định, quyết phải nhờ có nghe rồi mới tu được.

IV. CÔNG NĂNG CỦA NHĨ CĂN (TAI NGHE)

– Bạch Thế Tôn, như lời Ngài Quán Âm nói : “Ngài ở chỗ thanh vắng, mười phương đồng đánh trống, nhứt thời đồng được nghe”; nên duy có nhĩ căn (tai nghe) mới được viên thông. Mắt xem còn bị cách ngại; miệng, mũi, thân và ý cũng không bằng, chỉ có nhĩ căn là hơn hết. Mặc dầu bị cách vách, hay tiếng ở xa gần, tai đều nghe được cả, nên nhĩ căn mới thật là viên thông.

Âm thanh khi có, khi không, còn cái nghe lúc nào cũng có. Khi không có tiếng, thế gian nói rằng : “không nghe”; thật ra chẳng phải “cái nghe” không có. Không tiếng, cái nghe không diệt; có tiếng, cái nghe cũng không sanh. Bởi cái nghe không có sanh và diệt, nên nó mới thật là thường.

Dầu cho ở trong chiêm bao, tâm không có suy nghĩ phân biệt, mà “cái nghe” ấy cũng không mất (vì khi chiêm bao vẫn còn nghe tiếng chày giã gạo). Cái nghe, nó thoát ngoài tâm niệm suy nghĩ phân biệt, nên thân và tâm (thức thứ sáu) đều không bằng (không bằng tiếng nghe).

V. NGÀI VĂN THÙ QUỠ TRÁCH ÔNG A NAN HỌC NHIỀU MÀ KHÔNG TU

- Nay chúng sanh ở thế giới Ta-bà này, nhờ có nghe nói chỉ dạy, nên mới hiểu biết tu hành. Song chúng sanh vì mê cái “tánh nghe thường còn” của mình, cứ chạy theo tiếng nói phân biệt, cho nên mới bị lưu chuyển.

A Nan, ông tuy học rộng nhớ nhiều, nhưng vì chạy theo vọng trần phân biệt, nên không khỏi đọa lạc theo tà. Nếu ông xoay cái nghe trở vào tự tánh, thì sẽ đặng hết vọng.

A Nan, ông nên chú ý nghe : Tôi vâng oai thần của Phật, nói pháp môn tu hành này. Ông đem cái nghe của ông, nghe tất cả pháp môn thâm mật của chư Phật, nhiều như vi trần, nếu các phiền não dục lậu không trừ, thì cái nghe càng thêm lầm lỗi. Ông biết đem cái nghe của ông, nghe các pháp môn của chư Phật, sao ông không đem cái nghe đó, trở lại nghe “tánh nghe” (chơn tánh) của mình.

A Nan, cái “nghe” nó không phải tự nhiên sanh, do có tiếng (thình trần) nên mới gọi rằng “nghe”. Nếu xoay cái nghe trở vào tự tánh, không chạy theo tiếng, thế là thoát ly được cái tiếng (thình trần) lúc bấy giờ cái nghe này cũng không còn gọi tên là nghe nữa (vì không còn đối đãi, nên chẳng có tên kêu gọi). Một căn (lỗi tai) đã

được phản vọng trở về chơn rồi, thì cả sáu căn cũng đều được giải thoát.

A Nan, các tri giác : thấy, nghe, hay, biết của ông đó, đều là hư huyền, như con mắt bị nhắm. Còn ba cõi sum la vạn tượng đây, cũng không thật, đều như hoa đốm giữa hư không. Khi cái thấy, nghe, hay, biết xoay trở lại chơn rồi, thì cũng như con mắt kia hết nhắm. Khi cái vọng trần tiêu hết, thì tâm ông được thanh tịnh.

LƯỢC GIẢI

Vì vọng động cho nên mới có thấy, nghe, hay, biết là năng phân biệt. Bởi có năng phân biệt, nên mới có cảnh bị phân biệt là ba cõi muôn vật. Đến khi năng phân biệt hết, thì cảnh bị phân biệt cũng tiêu, lúc bấy giờ chơn tánh hiện bày. Cũng như vì mắt nhắm nên mới thấy hoa đốm, đến khi nhắm hết, thì hoa đốm không còn, và chỉ còn con mắt trong sáng.



Khi tâm hoàn toàn thanh tịnh rồi, thì cái trí quang sáng suốt hiện ra. Lúc bấy giờ chơn tâm ông vừa tịch tịnh lại vừa chiếu soi, bao trùm khắp cả mười phương hư không thế giới, lúc bấy giờ ông trở lại xem cảnh vật hiện tiền ở thế gian này, cũng như là việc trong chiêm bao. Khi ông được như thế rồi thì ngài Ma-đăng-già ở trong mộng kia làm gì bắt ông được !

A Nan, dụ như các nhà huyền thuật, làm các thứ hình, tuy có thấy cử động, nhưng cốt yếu là tại cái máy rút. Nếu máy kia thôi rút, thì các hình huyền kia yên lặng, đều không có tự tánh.

Sáu căn của ông cũng thế, gốc từ nơi tâm, vì vô minh vọng động thành ra sáu căn, nếu một căn được phản vọng về chơn rồi, thì sáu dụng kia (sáu giác quan) đều không thành. Nếu trần cấu còn thì ông vẫn còn ở địa vị hữu học (còn phải tu). Khi trần cấu hết, thì tâm tánh ông được hoàn toàn sáng suốt, đó là Phật.

A Nan, ông chỉ xoay cái nghe của mình trở về nghe chơn tánh, không chạy theo phân biệt vọng trần bên ngoài, thì ông liền thành đạo vô thượng, đây thật là pháp tu viên thông.

Các Đức Phật nhiều như số vi trần cũng đều do một con đường này mà đến cửa Niết-bàn. Hiện tại các Bồ-tát và những người tu hành đời sau, đều y pháp môn này mà thành đạo. Chính tôi cũng nhờ pháp môn này mà được chứng quả, đâu phải một mình Ngài Quán Âm tu mà thôi.

Nay Phật dạy con lựa pháp môn tu hành, để cho người đời sau tu hành mà thành đạo quả, thì duy có pháp tu của Ngài Quán Âm là hơn hết. Còn bao nhiêu các pháp tu hành khác, đều nhờ oai thần của Phật gia hộ mới được thành tựu. Các pháp ấy đều từ nơi sự tướng mà dẹp trừ trần lao, nên không phải là một phương pháp trường kỳ tu tập.

Kính lạy Đức Như Lai, xin Ngài gia hộ cho chúng sanh đời sau, đối với pháp môn này không còn mê lầm. Bạch Thế Tôn, phương pháp

này rất dễ tu, mau được thành đạo quả, có thể đem dạy A Nan và chúng sanh đời sau, y theo đây tu hành thì hơn các phương pháp khác. Đây là do lòng thành thật của con lựa chọn như thế.

VI. CÁC VỊ NGHE PHÁP ĐƯỢC CHÚNG NGỘ

A Nan và đại chúng nghe ngài Văn Thù nói bài kệ rồi thì tâm tánh đều được khai ngộ, đối với quả Phật Bồ-đề và Đại Niết-bàn hiểu rất rành rõ, cũng như người đi xa quê hương, đã biết rõ con đường về nhà, nhưng chưa có dịp trở về. Trong đại hội có vô số Thiên, Long, Bát bộ, các hàng Nhị thừa hữu học và các vị Bồ-tát mới phát tâm, đều được xa lìa trần cấu, ngộ được chơn tâm. Bà Tánh Tỳ-kheo-ni nghe bài kệ này rồi, đặng thành A-la-hán và vô lượng chúng sanh đều phát Bồ-đề tâm.

VII. A NAN CẦU PHẬT CHỈ DẠY PHƯƠNG PHÁP ĐỂ ĐỘ CHÚNG SANH ĐỜI SAU :

A Nan cúi đầu lạy Phật kính cẩn thưa rằng : - Bạch Thế Tôn, con nay đã hiểu pháp môn tu hành để thành Phật rồi; trên đường tu hành con không lầm lạc nữa. Nhưng con thường nghe Phật dạy :

“Người chưa được ngộ mà muốn độ người, đó là tâm Bồ-tát. Còn người đã được giác ngộ hoàn toàn, rồi giác ngộ cho người, đó là việc làm của

* LƯU Ý : Từ trước đến đây là nói về phần y ngộ đốn tu. Từ đây về sau là nói về phần Tiệm tu.

Như Lai". Nay con chưa được độ, mà phát tâm muốn độ tất cả chúng sanh đời sau.

Bạch Thế Tôn, tất các chúng sanh đời sau cách Phật càng xa, lại gặp chúng tà sư ngoại đạo nói pháp nhiều như cát bụi. Vậy nếu có chúng sanh phát tâm tu hành, thì làm sao để tránh xa các ma chướng, đối với con đường Bồ-đề, tâm không thối lui ?

VIII. PHẬT DẠY PHẢI TU GIỚI, ĐỊNH, HUỆ

Phật khen A Nan và dạy rằng : – Ông hỏi phương pháp tu hành để độ chúng sanh trầm luân đời sau, vậy ông nên chú ý nghe, Ta sẽ vì các ông chỉ dạy.

– Nay A Nan, ông đã thường nghe Ta dạy, người tu hành quyết định phải đủ ba điều cần yếu :

1. Dùng giới luật nhiếp phục tự tâm
2. Như giữ giới, tâm mới sanh định
3. Như định, tâm phát huệ

Đây gọi là ba món tu vô lậu.

(Vì tu ba phép này, thì không còn sa đọa).

LƯỢC GIẢI

Ngài An Pháp sư nói : “Giới, Định, Huệ là cái cửa của người vào đạo, cũng là cái ả trọng yếu để vào thành Niết-bàn”.

Ngài La Thập Pháp sư nói : “Trí giới mới hay chiết phục được phiền não làm cho phiền não yếu thế. Thiên định như bốn cái núi để ngăn dòng nước phiền não. Trí huệ diệt được hết phiền não”.

Trong Kinh Niết-bàn nói : “Có phiền não thì không trí huệ, có trí huệ thì không phiền não”.



IX. ĐÂY NÓI VỀ ĐẠI THỪA TÂM GIỚI CÓ BỐN : DÂM, SÁT, ĐẠO, VỌNG

A. Trước đoạn lòng dâm. – A Nan, tại sao dùng giới luật để nhiếp phục tự tâm ?

– Nay A Nan, nếu các chúng sanh trong tâm không còn nghĩ đến việc dâm dục nữa, thì sẽ ra khỏi sanh tử luân hồi.

Ông tu hành quyết cầu ra khỏi trần lao, nếu tâm dâm dục không trừ, thì cảnh trần lao không bao giờ ra khỏi. Dầu cho ông hiệp tiền đặng nhiều trí huệ và thiên định, cũng sẽ đọa vào ma đạo. Thượng phẩm làm ma chúa, trung phẩm làm ma dân, hạ phẩm làm ma nữ. Các loài ma kia cũng đều có đồ đệ và tự xưng đã thành đạo vô thượng Bồ-đề.

Sau khi Ta nhập diệt rồi, vào đời mạt pháp, chúng ma này rất thịnh hành trong thế gian, ưa làm việc tham dục, xưng là thiện tri thức của chúng sanh, khiến cho chúng sanh đọa vào hầm tà kiến, mất con đường Bồ-đề.

A Nan, ông tu thiền định, nếu không đoạn lòng dâm, thì cũng như người nấu cát muốn cho thành cơm, dầu trải bao nhiêu kiếp cũng không thể thành cơm được.

Ông đem tâm dâm dục để cầu quả Phật, dầu cho ông có được diệu ngộ đi nữa, cũng không ra khỏi tam giới, vì gốc của nó là dâm thì làm sao ra khỏi sanh tử luân hồi được; huống chi quả Niết-bàn của Phật, ông làm sao chứng được.

Nên quyết định phải đoạn trừ dâm cơ : trong tâm ngoài thân đều đoạn, cho đến cái biết đoạn cũng không còn, được như thế thì đối với quả Phật Bồ-đề, ông mới có hy vọng !

Vậy ông nên dạy người tu hành, điều thứ nhất là quyết định phải đoạn trừ lòng dâm, đây là lời chỉ dạy sáng suốt trong sạch của Ta và của các Đức Phật quá khứ. Như lời Ta dạy đây mới gọi là Phật nói, trái lại là Thiên ma Ba tuần nói.

LƯỢC GIẢI

Đây là Đại thừa giới, cao siêu và khó hơn Tiểu thừa giới nhiều. Nếu tâm còn nghĩ tưởng đến dâm, sát, đạo và vọng, thế là phạm giới rồi.

Tổ Đơn Hà dạy : “Nếu người chưa tỏ ngộ được chơn tâm thanh tịnh của mình, thì hột giống dâm còn ẩn núp”. Nói cho dễ hiểu, nếu còn vô minh, thì chơn tâm sáng suốt chẳng hiện, thế là giới thể chưa thanh tịnh.

Phật tử đọc đến đoạn này, chớ nên thấy khó mà nản lòng. Phải biết rằng việc tu hành cũng như lóng nước để lâu quyết định sẽ trong, và cũng như lột bẹ chuối, lột mãi sẽ đến lõi.

Người tu hành cũng thế, trước đoạn phần thô thiển ngoài thân, sau dần dần trừ đến phần tế nhị trong tâm, lâu ngày thành tánh quen, thì quyết định có ngày sẽ được thanh tịnh. Điều cốt yếu là nên nhớ lời Phật dạy có bốn chữ “bất tùy phân biệt”. Nghĩa là khi đối cảnh không khởi vọng niệm phân biệt, thì tham, sân, si không khởi. Tham, sân, si không khởi thì sát, đạo, dâm chẳng sanh. Đây là lối tu tắt của Đại thừa, để trở lại với chơn tâm thanh tịnh.

*

B. Đoạn lòng sát hại. – A Nan, nếu các chúng sanh trong tâm không nghĩ tưởng đến việc sát hại, thì không còn bị sanh tử luân hồi nữa. Ông tu hành quyết cầu ra khỏi trần lao, nếu ông không đoạn trừ tâm sát hại, thì cảnh trần lao không bao giờ ra khỏi. Dầu cho hiện tiền ông được nhiều trí huệ hay thiền định, nếu không đoạn tâm sát hại, thì ông chỉ đọa vào thân đạo. Bạc thượng làm Đại lực quỷ, bạc trung làm Phi hành dạ xoa và các loài quỷ sói, bạc hạ làm Địa hành La sát và các quỷ thần. Các loài quỷ thần này cũng có đồ đệ, đều tự cho mình thành đạo vô thượng.

Sau khi Ta diệt độ rồi, trong đời mạt pháp, các loài quỷ thần này rất thanh hành trong thế gian, và tuyên bố rằng “Ăn thịt cũng được đạo Bồ-đề”. A Nan, trước kia Ta cho các ông ăn ngũ tịnh nhục, là vì ở nhằm địa phương đất chai, nhiều đá sỏi, không trồng rau cải được, nên Ta

tạm cho các ông dùng. Sau khi Ta diệt độ rồi, tại sao những người ăn thịt chúng sanh, mà cũng xưng là Tăng lữ.

LƯỢC GIẢI

Trong Kinh Lăng Già, Phật dạy ngài Đại Huệ Bồ-tát : “Ta trước kia phương tiện cho các ông ăn năm thứ thịt hoặc mười thứ, hôm nay tất cả đều cấm tuyệt”.

*

A Nan, những người ăn thịt, dầu cho có đặng tâm trí khai ngộ, cũng thành quỷ Đại la sát, đến khi mãn kiếp quỷ La sát rồi, quyết định phải trầm luân trong biển khổ sanh tử. Giết hại ăn thịt lẫn nhau, thì làm sao ra khỏi sanh tử luân hồi được.

A Nan, ông tu thiên định, nếu không trừ tâm sát hại mà muốn cầu được đạo, thì cũng như người tự bịt hai lỗ tai của mình, la tiếng thiệt lớn, mà muốn cho mọi người không nghe, thì không thể được.

A Nan, ông nên dạy người tu hành, điều thứ hai là quyết định phải đoạn trừ lòng sát hại. Đây là lời sáng suốt trong sạch của Ta cũng là lời các Đức Phật quá khứ đã chỉ dạy. Như lời Ta dạy đây mới gọi là Phật nói, trái lại là Thiên ma Ba tuần nói.

C. Đoạn trừ trộm cướp. - A Nan, nếu các chúng sanh, trong tâm không nghĩ tưởng đến việc (tham lam) trộm cướp, thì không còn sanh

tử luân hồi nữa. Các ông tu hành quyết cầu ra khỏi cảnh trần lao, nếu tâm (tham lam) trộm cướp không trừ, thì không bao giờ ra khỏi.

Dầu cho hiện tiền ông đặng nhiều trí huệ hay thiền định, nếu không đoạn tâm (tham lam) trộm cướp thì quyết định đọa vào tà đạo, Bạc thượng làm loài tinh linh, bậc trung làm yêu my, bậc hạ làm người tà, bị các loài tinh yêu này nhập (dựa). Bọn này cũng có đồ đệ, đều tự xưng rằng đặng đạo vô thượng.

Sau khi Ta diệt độ rồi, trong đời mạt pháp, chúng tinh yêu tà mị này rất thịnh hành trong đời, tự xưng là thiện trí thức, dối gạt phỉnh phờ người, khiến cho người mất tâm chánh tín; chúng nó đi đến đâu, thì làm cho người tiêu hao tài sản đến đó.

A Nan, ông tu thiền định, nếu không đoạn trừ tâm trộm cướp, mà muốn cầu cho được đạo quả, thì cũng như người rớt vào chén bể, mà muốn cho đầy, dầu trái bao nhiêu kiếp cũng không thể đầy được. Ông nên dạy người tu hành, điều thứ ba là quyết định phải đoạn trừ tâm trộm cướp. Đây là lời nói sáng suốt trong sạch của Ta cũng như của các Đức Phật quá khứ. Đúng như lời Ta dạy gọi là Phật nói, trái lại là Thiên ma Ba tuần nói.

*

D. Đoạn trừ vọng ngữ. – A Nan, nếu các chúng sanh, đã giữ hoàn toàn ba hạnh trên là không sát, đạo, dâm rồi mà còn đại vọng ngữ, thì tâm cũng không thanh tịnh, mất hột giống Phật, thành ma ái kiến. Thế nào là đại vọng ngữ ? Nghĩa là : chưa đặng đạo nói mình đặng đạo, chưa chứng quả nói mình chứng quả. Đối với người đời, nói : “Ta đã chứng Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát và Phật”, để trông cầu người lạ cúng. Những người nói dối như thế, làm tiêu diệt hột giống Phật, sẽ đọa vào trong biển khổ. Cũng như cây Đa la khi bị chặt đứt đọt rồi (như cây cau xú ta) thì không thể mọc chồi dâm tước được.

A Nan, Ta có dạy các vị Bồ-tát và A-la-hán : “Sau khi Ta diệt độ rồi, các ông phải thị hiện thân hình, trong đời mạt pháp để cứu độ các chúng sanh đang trầm luân, làm thầy sa-môn, cư sĩ, vua, quan, đồng nam, đồng nữ, cho đến hiện đàn bà góa, kẻ dâm nữ, người gian giáo, kẻ trộm cướp, người hàng thịt, kẻ buôn bán, để lẫn lộn trong từng lớp người, chung một nghề nghiệp, đặng giáo hóa chúng sanh trở về chánh đạo”.

Nhưng các vị ấy quyết chẳng bao giờ nói : “Ta đây thật là Bồ-tát hoặc A-la-hán v.v...” hay tỏ ra một vài cử chỉ gì làm tiết lộ sự bí mật,

để cho người ta biết mình là Thánh hơn thị hiện. Chỉ trừ sau khi mạng chung rồi, các vị ấy mới âm thầm để lại một vài di tích cho người biết thôi.

LƯỢC GIẢI

Các Phật tử đọc đến đoạn này nên chú ý : Phật và Bồ-tát thị hiện, chúng ta không thể biết được; nếu chúng ta biết được thì đó không phải thiệt Phật hay Bồ-tát. Chỉ trừ khi nào các vị ấy cỡi bỏ xác phàm, mới lưu lại một vài di tích, lúc bấy giờ chúng ta mới biết được. Nhưng khi biết, thì không gặp các Ngài nữa.

Như Tổ Đạt Ma hiện thân đến Trung Quốc, vua Lương Võ Đế không biết; đến khi biết được ngài là Thánh thì không còn thấy được ngài.

Vậy hiện nay những người tự xưng mình là Phật hay Bồ-tát v.v... giáng thế, thì căn cứ vào đoạn Kinh này, chúng ta thấy rõ ràng và chắc chắn không phải thiệt Phật hay Bồ-tát rồi, chớ nên tin mà bị hại.



A Nan, chính thật Bồ-tát hay A-la-hán thị hiện, mà còn không cho người biết, tại sao những người phàm phu lại dám mạo xưng là Phật, Bồ-tát v.v... Cũng như người cùng đinh, mà mạo xưng mình là Đế vương, thì sẽ bị tội tru diệt.

A Nan, nếu người tu hành, không đoạn trừ đại vọng ngữ, mà muốn được đạo, thì cũng như người lấy đồ hôi tanh, tô đắp thành cái hình chiên-đàn, muốn cho thơm chừng nào lại càng hôi chừng nấy. Cái nhờn đã chẳng ngay, thì kết

quả phải cong vẹo. Những người như thế mà cầu quả Phật Bồ-đề, thì cũng như người muốn tự cắn cái rún của mình, làm sao cắn được !

A Nan, ông nên dạy người tu hành điều thứ tư là quyết định phải đoạn trừ đại vọng ngữ. Đây là lời nói sáng suốt trong sạch của Ta, và các Đức Phật quá khứ chỉ dạy. Đúng như lời Ta dạy đây là gọi là Phật nói, trái lại là Thiên ma Ba tuần nói.

LƯỢC GIẢI

Bốn đoạn trên Phật ân cần nhắc nhở, nói đi lặp lại nhiều lần. Phật tử chúng ta nên ghi xương tạc dạ những lời vàng ngọc chỉ dạy rất thống thiết của Đức Từ phụ.



BÀI THỨ MƯỜI BỐN

- I.- Phật dạy trì chú Lăng Nghiêm
- II.- A Nan cầu Phật nói lại thần chú
- III.- Phật phóng quang nói thần chú
- IV.- Công năng của thần chú
- V.- Các vị thiên thần phát tâm bảo hộ người trì chú
- VI.- Ông A Nan hỏi Phật : tu hành phải trải qua bao nhiêu địa vị
- VII.- Phật dạy ba món tiệt thứ
- VIII.- Tu hành phải trải qua năm mươi lăm địa vị mới đến quả Phật
- IX.- Năm mươi món ma chướng (ngũ ấm ma)
- X.- Mười món ma về sắc ấm :
 1. Thân thể không bị chướng ngại
 2. Lợm bỏ trùng sán trong thân
 3. Nghe trong hư không có tiếng nói pháp
 4. Thấy Phật hiện và hoa sen trở
 5. Thấy các vật báu đầy cả hư không
 6. Thấy ban đêm như ban ngày
 7. Thấy thân thể không biết đau
 8. Thấy cảnh giới Phật hiện khắp
 9. Ban đêm thấy nghe được phương xa
 10. Thân hình biến hóa, nói pháp thông suốt.

BÀI THỨ MƯỜI BỐN

I. PHẬT DẠY TRÌ CHÚ LĂNG NGHIÊM

A Nan, người tu hành phải giữ gìn bốn điều luật nghi cần yếu : dâm, sát, đạo, vọng cho trong sạch, cũng như băng tuyết, nơi tâm không khởi vọng niệm duyên theo ngoại cảnh, thì chúng ma kia không làm sao sanh được (vì trong tâm vọng động, nên ngoại ma mới ứng).

Nếu người nào nghiệp chướng nặng nề không thể trừ được, ông nên dạy họ chí tâm trì chú Lăng Nghiêm này, thì các nghiệp chướng đều tiêu diệt. Bằng chứng là ông cùng với nàng Ma-dăng-già; tình ân ái làm chồng vợ đã khấn khít nhau từ nhiều kiếp, đâu phải mới một đời này; nhờ thần chú Lăng Nghiêm mà nàng Ma-dăng-già nguồn tình khô cạn và được thành A-la-hán.

Ma-dăng-già là kẻ dâm nữ, không có tâm tu hành còn được thành quả Thánh, huống chi các ông là bậc Thinh-văn, có chí cầu đạo vô thượng, lại trì tụng chú này, thì quyết định thành Phật rất dễ, cũng như thuận gió tung bụi, chẳng có khó gì.

LƯỢC GIẢI

Trong đoạn Kinh này Phật dạy phương pháp tu hành để thành Phật, tóm lại có ba điều :

1. Bất tùy phân biệt. – Nghĩa là, khi đối cảnh không khởi vọng tâm phân biệt, thì tham, sân, si chẳng sanh. Tham, sân, si không sanh thì các nghiệp sát, đạo, dâm chẳng tạo. Nghiệp như không tạo thì quả báo chẳng có. Nói tóm lại là “xoay các tri giác trở về chơn tâm”, không duyên theo trần cảnh thì vọng niệm không sanh; vọng không sanh thì chơn tâm hiện bày.

Tổ sư có dạy : “Kiến sắc phi can sắc, văn thính bất thị thính”; nghĩa là thấy sắc không can hệ gì đến sắc, nghe tiếng cũng không dính líu gì đến tiếng. Hay như câu : “Ngộ thính ngộ sắc như thạch thượng tài hoa, kiến lợi kiến sanh như nhãn trung trước tiết” : Gặp sắc đẹp hay nghe tiếng hay, như hoa trồng trên đá (không dính líu gì); thấy tài lợi và danh vọng như bụi rơi trong con mắt. Nếu người đến trình độ này rồi, thì dầu vào thanh lâu hay tửu điểm cũng đều là đạo tràng thanh tịnh (dâm phòng tửu tứ vô phi thanh tịnh đạo tràng).

2. Trì giới. – Phải giữ gìn giới luật, trong tâm ngoài thân đều thanh tịnh như băng tuyết.

3. Trì chú Lăng Nghiêm. – Nếu người nào nghiệp chướng nặng nề, thì phải trì tụng thần chú Lăng Nghiêm sẽ mang đặng thành đạo quả. Trong ba pháp tu này, bậc thượng căn, trung căn và hạ căn đều tu được cả. Thật là lòng từ bi của Phật vô lượng, mưa pháp trùm khắp, cỏ cây lớn nhỏ đều được thấm nhuần.



II. A NAN CẦU PHẬT NÓI LẠI THẦN CHÚ

Ông A Nan đứng dậy đánh lễ Phật và kính cẩn bạch rằng : – **Con từ khi xuất gia đến nay, vì ỷ lại lòng thương yêu của Phật, chỉ lo học rộng nghe nhiều, chẳng chuyên tu tập, nên chẳng chứng được đạo quả, thành thử phải bị tà thuật của Phạm Thiên bắt; trong tâm con tuy thông suốt mà năng lực không được tự do, nên còn phải nhờ ngài Văn Thù đến cứu độ. Con tuy**

nhờ thần chú Lăng Nghiêm của Phật mới được giải thoát, nhưng chính con chưa được nghe, cúi xin Đức Thế Tôn từ bi nói lại, khiến cho những người tu hành hiện tại và chúng sanh luân hồi đời sau, nhờ thần chú này mà thân tâm được giải thoát”.

III. PHẬT PHÓNG HÀO QUANG NÓI THẦN CHÚ

Khi đó từ nơi nhục kế (đảnh) của Phật, phóng ra hào quang trăm báu; trong hào quang xuất hiện ra hoa sen báu ngàn cánh. Trong hoa sen có Đức Hóa Phật ngồi, trên đảnh Ngài phóng ra mười đạo hào quang sáng suốt trăm báu. Trong mỗi đạo hào quang đều có thị hiện vô số thần Kim Cang : vị bưng núi, vị cầm bảo sử v.v... đứng khắp cả hư không. Đại chúng trông thấy vừa mừng vừa sợ, đều cầu Phật thương xót chở che và nhứt tâm chờ nghe Phật nói thần chú.

Phật nói thần chú :

(ĐỆ NHỨT)

Nam mô tát đát tha tô già đa da a la ha đế tam miệu tam bồ đà tỏa. Tát đát tha Phật đà cu tri sắc ni sam. Nam mô tát bà bột đà bột địa, tát đa bệ tệt. Nam mô tát đa nẫm tam miệu tam bồ đà cu tri nẫm. Ta xá ra bà ca tăng già nẫm. Nam mô lô kê A-la-hán đa nẫm. Nam mô tô lô đa ba na nẫm. Nam mô ta yết rị đà già di nẫm. Nam mô lô kê tam miệu già đa nẫm. Tam miệu

già ba ra để ba đa na nắm. Nam mô đề bà ly sắc
nỏ. Nam mô tất đà da tỳ địa da đà ra ly sắc
nỏ. Xá ba noa yết ra ha ta ha ta ra ma tha
nắm. Nam mô bạt ra ha ma ni. Nam mô nhưn đà
ra da. Nam mô bà già bà đế, lô đà ra da. Ô ma
bát đế, ta hê dạ da. Nam mô bà già bà đế. Na ra
dả noa da. Bàn giá ma ha tam mộ đà ra. Nam
mô tất yết rị đa da. Nam mô bà già bà đế. Ma
ha ca ra da. Địa rị bát lạc na già ra. Tỳ đà ra ba
noa ca ra da. A địa mục đế. Thi ma xá na nê bà
tất nê. Ma đát rị già noa. Nam mô tất yếu rị đa
da. Nam mô bà già bà đế. Đa tha già đa cu ra
da. Nam mô bát đầu ma cu ra da. Nam mô bạc
xà ra cu ra da. Nam mô ma ni cu ra da. Nam mô
già xà cu ra da. Nam mô bà già bà đế, đế rị trà
du ra tây na, ba ra ha ra noa ra xà da, đa tha
già đa da. Nam mô bà già bà đế. Nam mô a di
đa bà da, đa tha dà đa da, a ra ha đế, tam miệu
tam bồ đà da. Nam mô bà già bà đế, a xô bệ đa,
đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ
đà da. Nam mô bà già bà đế, bệ sa xà da cu lô
phệ trụ rị da, bác ra bà ra xà da, đa tha già đa
da. Nam mô bà già bà đế, tam bổ sư tử đa, tát
lân nại ra lạc xà da, đa tha già đa da, a ra ha
đế, tam miệu tam bồ đà da. Nam mô bà già bà
đế, xá kê dã mẫu na duệ, đa tha già đa đa, a ra
ha đế, tam miệu tam bồ đà da. Nam mô bà già
bà đế, lạc đác na kê đô ra xà da, đa tha dà đa

da, a ra ha đế, tam miệu ta Bồ-đề da, đế biểu nam mô tát yết rị đa, ế đàm bà già bà đa, tát đát tha dà đô sắc ni sam, tát đát đa bác đác lam. Nam mô a bà ra thị đām, bác ra đế dương kỳ ra, tát ra bà bộ đa yết ra ha, ni yết ra ha yết ca ra ha ni, bạc ra tỷ địa da sát đà nể, a ca ra mật rị trụ, bác rị đát ra da nảnh yết rị, tát ra bà bàn đà na mục xoa ni, tát ra bà đột sắc tra đột tất pháp, bát na nể phạt ra ni, giả đô ra thất đế nắm, yết ra ha ta ha tát ra nhả xà, tỷ đa băng ta na yết rị, a sắc tra băng xá đế nắm, na xoa sát đác ra nhả xà, ba ra tát đà na yết rị, a sắc tra nắm, ma ha yết ra ha nhả xà, tỷ đa băng tát na yết rị, tát bà xá đô lô nể bà ra nhả xà, hô lam đột tất pháp, nan giá na xá ni, tỷ sa xá tất đác ra, a kiết ni ô đà ca ra nhả xà, a bác ra thị đa cu ra, ma ha bác ra chiến trì, ma ha điệp đa, ma ha đế xà, ma ha thuế đa xa bà ra, ma ha bạt ra bàn đà ra bà tất nể, a rị đa đa ra, tỷ rị cu tri, thế bà tỷ xà da, bạt xà ra ma lễ đế, tỷ xá lô đa, bột đầng vông ca, bạt xà ra chế hất na a giá, ma ra chế bà bác ra chất đa, bạt xà ra thiện trì, rỳ xá ra giá, phiến đa xá bệ đề bà bổ thị đa, tô ma lô ba, ma ha thuế đa, a rị đa đa ra, ma ha bà ra a bác ra, bạt xà ra thường yết ra chế bà, bạc xà ra cu ma rị, cu lam đà rị, bạt xà ra hất tát đa giá, tỷ địa gia kiền giá na ma rị ca, khuất tô mẫu bà yết ra đa na, bệ lô giá na cu rị đa, đa ra

thố sắc ni sam, tỳ chiết lam bà ma ni giá, bạt xà ra ca na ca ba ra bà, lô xà na bạt xà ra đốn tri giá, thuế đa giá ca ma ra sát xa thi ba ra bà, ế đế đi đế, mẩu đà ra yết noa, ta bệ ra sám, quật phạm đô, ấn thố na mạ mạ tỏa.

(ĐỆ NHỊ)

Ô hồng rị sắc yết noa, bác lặc xá tất đa, tát đát tha già đô sắc ni sam. Hổ hồng đô lô ung chim bà na. Hổ hồng đô lô ung tất đam bà na. Hổ hồng đô lô ung ba ra sắc địa da tam bác xá noa yết ra. Hổ hồng đô lô ung, tát bà dước xoa hắc ra sát ta, yết ra ha nhã xà, tỳ đằng băng tát na yết ra. Hổ hồng đô lô ung, giả đô ra thi đế nắm yết ra ha ta ha tát ra nắm, tỳ đằng băng tát na ra. Hổ hồng đô lô ung, ra xoa, bà già phạm tát đát tha già đô sắc ni sam, ba ra điếm xà kiết rị, ma ha ta ha tát ra, bột thọ ta ha tát ra thất rị sa, cu tri ta ha tát nê đế lệ, a tộ đề thị bà rị đa, tra tra anh ca ma ha bạt xà lô đà ra, đế rị bồ đà na, man trà ra, ô hồng, ta tất đế bạc bà đô, mạ mạ, ấn thố na mạ mạ tỏa.

(ĐỆ TAM)

Ra xà bà dạ, chủ ra bạt dạ, a kỳ ni bà dạ, ô đà ca bà dạ, tỳ xa bà dạ, xá tất đa ra bà dạ, bà ra chúc yết ra bà dạ, đột sắc xoa bà rạ, a xá nể bà dạ, a ca ra mật rị trụ bà dạ, đà ra ni bộ di

kiếm ba già ba đà bà dạ, ô ra ca bà đa bà dạ, lặc
xà đang trà bà dạ, na già bà dạ, tỳ điều dát bà
dạ, tô ba ra noa bà dạ, được xoa yết ra ha, ra
xoa tư yết ra ha, tất rị đa yết ra ha, tỳ xá giá
yết ra ha, bộ đa yết ra ha, cứu bàn trà yết ra ha,
bổ đơn na yết ra ha, ca tra bổ đơn na yết ra ha,
tất kiên độ yết ra ha, a bá tất ma ra yết ra ha, ô
đàn ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, hê rị bà
đế yết ra ha, xả đa ha rị nắm, yết bà ha rị nắm,
lô địa ra ha rị nắm, man ta ha rị nắm, mê đà ha
rị nắm, ma xà ha rị nắm, xà đa ha rị nữ, thị tỳ
đa ha rị nắm, tỳ đa ha rị nắm, ba đà ha rị nắm,
a du giá ha rị nữ, chất đa ha rị nữ, đế sam tát
bệ sam, tát bà yết ra ha nắm, tỳ đà dạ xà sân đà
dạ di, kê ra dạ di, ba rị bạt ra giả ca hát rị đờm,
tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra da di, trà diễn ni
hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ
di, ma ha bát du bác dát dạ, lô đà ra hát rị đờm,
tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na ra dạ
noa hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra
dạ di, dát đỏa già lô trà tây hát rị đờm, tỳ đà dạ
xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha ca ra ma dát
rị già noa hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di
ca ba rị ca hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di,
kê ra dạ di, xà dạ yết ra, ma độ yết ra, tát bà ra
tha ta đạt na hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ
di, kê ra dạ di, giả đót ra bà kê nễ hát rị đờm,
tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ rị

dương hát rị tri, nan đà kê sa ra dà noa bác đế,
sách hê dạ hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di,
kê ra dạ di, na yết na xá ra bà noa hát rị đờm,
tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dị di, A-la-hán
hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ
di, tỳ đà ra già hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà
dạ di, kê ra dạ di, bạt xà ra ba nể, cu hê dạ, cu
hê dạ ca địa bát đế hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân
đà dạ di, kê ra dạ di, ra xoa vông bà già phạm,
ấn thố na mạ mạ tỏa.

(ĐỆ TỨ)

Bà già phạm, tát đá đa tát đất ra. Nam mô
tý đô đế, a tát đa na ra lạc ca, ba ra bà tát phổ
tra, tỳ ca tát đất đa bác đế rị, thập phật ra thập
phật ra, đà ra đà ra, tần đà ra tần đà ra, sân đà
sân đà. Hồ hồng, hồ hồng, phấn tra phấn tra,
phấn tra, phấn tra, phấn tra ta ha, hê hê phấn, a
mâu ca da phấn, a ba ra đề ha đa phấn, ba ra ba
ra đà phấn, a tố ra tỳ đà ra ba ca phấn, tát bà đề
bệ tộ phấn, tát bà na già tộ phấn, tát bà được
xoa tộ phấn, tát bà kiên thát bà tộ phấn, tát bà
bổ đơn na tộ phấn, ca ra bổ đơn na tộ phấn tát
bà đột lang chỉ đế tộ phấn, tát bà đột sáp tỷ lê
hát sắc đế tộ phấn, tát bà thập bà lê tộ phấn, tát
bà a bá tất ma lê tộ phấn, tát bà xá ra bà noa tộ
phấn, tát bà địa đế kê tộ phấn, tát bà đất ma đà
kê tộ phấn, tát bà tỳ đà da ra thệ giá lê tộ phấn,

xà dạ yết ra ma độ yết ra, tát bà dạ tha ta đà kê
tệ phẩn, tỳ địa dạ giá lê tệ phẩn, giả đô ra phước
kỳ nê tệ phẩn, bạt xà ra cu ma rị, tỳ đà dạ ra thệ
tệ phẩn, ma ha ba ra đĩnh dương xoa kỳ rị tệ
phẩn, bạt xà ra thương yết ra dạ, ba ra trượng kỳ
ra xà da phẩn, ma ha ca ra dạ, ma ha mạc đất rị
ca noa. Nam mô ta yết rị đa dạ phẩn, tỉ sắc noa
tỳ duệ phẩn, bột ra ha mâu ni duệ phẩn, a kỳ ni
duệ phẩn, ma ha yết rị duệ phẩn, yết ra đàn tri
duệ phẩn, miệc đất rị duệ phẩn, lao đất rị duệ
phẩn, giá văn trà duệ phẩn, yết la ra đất rị duệ
phẩn, ca bát rị duệ phẩn, a địa mục chất đa ca
thi ma xá na, bà tư nể duệ phẩn, diển kết chất,
tát đỏa bà tỏa, mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tỏa.

(ĐỆ NGŨ)

Đột sắc tra chất đa, a mạc đất rị chất đa, ô
xà ha ra, già bà ha ra, già bà ha ra, lô địa ra ha
ra, bà ta ha ra, ma xà ha ra, xà đa ha ra, thi tỷ
đa ha ra, bạt lược dạ ha ra, kiền đà ha ra, bố sử
ba ha ra, phủ ra ha ra, bà tỏa ha ra, bác ba chất
đa, đột sắc tra chất đa, lao đà ra chất đa, dước
xoa yết ra ha, ra sắt ta yết ra ha, bế lệ đa yết ra
ha, tỳ xá giá yết ra ha, bộ đa yết ra ha, cứu bàn
trà yết ra ha, tát kiền đà yết ra ha, ô đất ma đà
yết ra ha, xa dạ yết ra ha, a bá tát ma ra yết ra
ha, trạch khô cách trà kỳ ni yết ra ha, rị Phật đế
yết ra ha, xà di ca yết ra ha, xá cu ni yết ra ha,

mộ đà ra nan địa ca yết ra ha, a lam bà yết ra ha, kiền độ ma mi yết ra ha, thập phạt ra yên ca hê ca, trị đế dước ca, đất lệ đế dước ca, giả đồ thác ca, ni đề thập phạt ra, tử sam ma thập phạt ra, bạt đế ca, tử đế ca, thất lệ sắc mật ca, ta nể bát đế ca, bát bà thập phạt ra, thất lô kiết đế, mặt đà bệ đạt lô chế kiem, a ỷ lô kiem, mục khê lô kiem, yết rị đột lô kiem, yết ra ha yết lam, yết noa du lam, đản đa du lam, hất rị dạ du lam, mặt mạ du lam, bạt rị thất bà du lam, tử lật sắc tra du lam, ô đà ra du lam, yết tri du lam, bạt tất đế du lam, ô lô du lam, thường già du lam, hắc tất đa du lam, bạt đà du lam, ta phòng án già bát ra trượng già du lam, bộ đa tử đa trà trà kỳ ni thập bà ra, đà đột lô ca kiến đột lô kiết tri, bà lộ đa tỳ, tát bát lô ha lăng già, du xa đất ra, ta na yết ra tỳ sa dụ ca, a kỳ ni ô đà ca, mặt ra bê ra kiến đa ra, a ca ra mật rị đột đất liêm bộ ca, địa lật lạc tra, tử rị sắc chất ca, tát bà na cu ra, tứ dẫn già tộ yết ra rị dước xoa đác ra xô, mạc ra thị phệ đế sam ta bệ sam, tất đất đa bác đất ra, ma ha bạc xà lô sắc ni sam, ma ha bát lạc trượng kỳ lam, dạ ba đột đà xá du xà na, biện đất lệ noa, tỳ đà da bàn đàm ca lô di đế thù bàn đàm ca lô di, bát ra tỳ đà bàn đàm ca lô di đất diệt tha.

Án a na lệ, tỳ xá đề bệ ra bạt xà ra đà rị, bàn đà bàn đà nể, bàn xà ra bàn ni phấn. Hồ hồng đô lô ung phấn, ta bà ha.

LƯỢC GIẢI

Tổ Đôn Hà nói : Từ xưa đến nay không có ai dịch nghĩa thần chú. Vì có năm nguyên nhân : 1. Lời bí mật của Phật, duy có Phật với Phật mới biết, ngoài các vị Thánh cũng không thể biết được. 2. Vì một chữ hoặc một câu có hàm vô số nghĩa. 3. Hoặc tên của các vị quỷ thần, kêu gọi các vị ấy liền đến để bảo hộ người tu. 4. Mật ấn của chư Phật, kẻ âm người dương đều phải tuân theo, cũng như ấn sắc của nhà vua. 5. Người chí tâm tụng trì, sẽ được diệt trừ tội nặng và mau chứng quả Thánh.

Các nhà phiên âm có khác, song hành giả chí tâm trì tụng một bốn nào cũng đều được hiệu quả.



IV. CÔNG NĂNG CỦA THẦN CHÚ

A Nan, mười phương các Đức Như Lai đều nhờ “tâm chú” này mà hàng phục các ma, ngăn dẹp ngoại đạo, được thành quả Phật. Mười phương chư Phật đều nhờ “tâm chú” này mà cứu độ tất cả chúng sanh khỏi các tai nạn khổ não như thủy tai, hỏa tai, cơ cấn v.v... và cứu độ chúng sanh ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đều được giải thoát.

Các ông là hàng Thịnh-văn hữu học chưa khỏi luân hồi, phát tâm cầu quả A-la-hán nếu không trì chú này, mà muốn cho khỏi các ma chướng thì không thể được.

Sau khi Ta diệt độ, các chúng sanh đời sau, nếu có người trì tụng chú này, thì các tai nạn : thủy tai, hỏa hoạn, thuốc độc, độc trùng, ác thú, yêu tinh, quỷ quái v.v... đều chẳng hại được.

Nếu người phạm tội ngũ nghịch, phá trai, phạm giới, khi chí tâm trì chú này, thì các tội đều tiêu, cũng như nước nóng làm giá tan. Những người không con, muốn cầu con, tụng chú này sẽ được con, cầu trường thọ v.v... được trường thọ, mỗi mỗi đều như ý nguyện.

V. CÁC VỊ THIÊN THẦN PHÁT NGUYỆN BẢO HỘ NGƯỜI TRÌ CHÚ

Khi Phật nói thần chú này rồi, trong hội có vô số thần Kim Cang, đồng lay Phật và phát lời thệ nguyện : - **Chúng con xin sẽ thành tâm bảo hộ người trì chú này.**

Lại có vô số các vị chư Thiên và Thánh Thần đều đứng dậy lay Phật và phát nguyện bảo hộ người trì chú này, khiến cho họ khỏi các ma chướng và mau đặng thành đạo vô thượng Bồ-đề.

Lại có vô số vị Kim Cang Tạng Bồ-tát, đồng đứng trước Phật, phát lời thệ rằng :

- **Con tu hành chẳng chịu vào Niết-bàn, nguyện ở lại đời sau để theo bảo hộ người tu hành, không cho các loài ác ma đến nhiễu hại, chúng nó phải ở cách xa người tu ngoài mười do tuần. Nếu có loài ác ma nào lai vãng đến người trì chú này, thì con dùng cây báo-sử đánh nó nát như bụi để cho người tu hành được như nguyện.**

VI. ÔNG A NAN HỎI PHẬT TU HÀNH PHẢI TRÁI QUA BAO NHIÊU ĐỊA VỊ MỚI ĐƯỢC THÀNH PHẬT

A Nan đứng dậy lạy Phật và thưa rằng : – Bạch Thế Tôn, người tu hành từ khi phát tâm cho đến thành Phật, phải trải qua bao nhiêu địa vị, và thứ lớp tu hành như thế nào ? Xin Phật từ bi chỉ dạy cho kẻ mê muội này.

Phật khen ông A Nan và dạy rằng : – Ta sẽ vì các ông và chúng sanh đời sau cầu quả Đại thừa, chỉ dạy con đường tu hành từ địa vị phàm phu, cho đến khi vào Đại Niết-bàn, vậy các ông phải chăm chú nghe Ta chỉ dạy :

– A Nan, các ông phải biết : Từ nơi chơn tâm thanh tịnh, rời các danh tướng, không có thể giới và chúng sanh, vì vọng động nên có sanh, như sanh có diệt; sanh diệt cũng đều là vọng, diệt hết vọng gọi là chơn, thế gọi là vô thượng Bồ-đề và Đại Niết-bàn là hai quả chuyển y của Như Lai vậy.

VII. PHẬT DẠY BA MÓN TIỆM THỨ

– A Nan, ông nay muốn tu hành để thành Phật, thì phải tuân tự y theo ba món tiệm thứ này, mới có thể diệt trừ được gốc rễ của loạn tướng, cũng như người muốn súc sạch cái bình để đựng đồ quý, thì trước phải đổ đồ độc ra, kế dùng tro chùi rửa, sau dùng nước nóng và chất

thơm rửa lại thật sạch, rồi mới có thể dựng vị cam lồ được.

Ba món tiệm thứ là :

1. *Trừ các trợ duyên bên ngoài.* – Ăn, không nên ăn những vật không hợp với người tu hành, như ăn thịt uống rượu và ngũ vị tân v.v... Ngũ vị tân, ăn sống thì nó tăng trưởng tánh nóng giận, ăn chín hay sanh tham dục, tụng Kinh trì chú chẳng hiệu nghiệm, Thánh thần không bảo hộ. Còn chỗ ở tu thì phải tìm chỗ nào cho hợp với hoàn cảnh của người tu hành.

2. *Trừ các chánh nhơn bên trong.* – Cốt yếu là hành giả phải nghiêm trì tịnh giới, không dâm, sát, đạo và vọng, gìn giữ ngoài thân không phạm, trong tâm không động, thân và tâm đều thanh tịnh như băng tuyết.

3. *Trừ các nghiệp hiện tiền.* – Khi tiếp xúc với trần cảnh, không khởi vọng niệm phân biệt theo sáu trần, xoay các cảm giác trở về bản tâm thanh tịnh. Do ngoài không duyên theo trần cảnh, trong sáu căn không vọng động, đồng một thể thanh tịnh, nên mười phương thế giới đều được thanh tịnh sáng suốt; cũng như trong ngọc lưu ly có hàm chứa mặt trăng sáng. Hành giả lúc bấy giờ thân tâm thơ thới, chứng đặng vô sanh pháp nhẫn, mười phương chư Phật đều hiện

trong tâm người ấy. Từ đây hành giả lần lần tăng tiến tu hành, tiến lên các quả Thánh.

VIII. HÀNH GIẢ PHẢI TRẢI QUA 55 ĐỊA VỊ MỚI ĐẾN QUẢ PHẬT

- A Nan, người tu hành khi ái dục khô khan, sáu căn không còn chạy theo sáu trần nhiễm trước, lúc bấy giờ chỉ có trí huệ khô khan, chưa thấm nhuần nước pháp của Phật. Đây là địa vị đầu tiên tên Càn huệ địa (huệ khô), lần lần tấn tu vào địa vị Thập tín (mười món tin) :

- | | |
|------------------|---------------------|
| 1.- Tín tâm trụ | 2.- Niệm tâm trụ |
| 3.- Tinh tấn tâm | 4.- Huệ tâm trụ |
| 5.- Định Tâm trụ | 6.- Bất thối tâm |
| 7.- Hộ pháp tâm | 8.- Hồi hướng tâm |
| 9.- Giới tâm trụ | 10.- Nguyện tâm trụ |

MÃN ĐỊA VỊ THẬP TÍN ĐẾN THẬP TRỤ

- | | |
|-------------------------------|-----------------------|
| 1.- Phát tâm trụ | 6.- Chánh tâm trụ |
| 2.- Trị địa trụ | 7.- Bất thối trụ |
| 3.- Tu hành trụ | 8.- Đồng chơn trụ |
| 4.- Sanh quý trụ | 9.- Pháp vương tự trụ |
| 5.- Phương tiện
cụ túc trụ | 10.- Quán dẫn trụ |

MÃN THẬP TRU ĐẾN THẬP HẠNH

- | | |
|---------------------|---------------------|
| 1.- Hoan hỷ hạnh | 6.- Thiện hiện hạnh |
| 2.- Nhiêu ích hạnh | 7.- Vô trước hạnh |
| 3.- Vô sân hận hạnh | 8.- Tôn trọng hạnh |
| 4.- Vô tận hạnh | 9.- Thiện pháp hạnh |
| 5.- Ly si loạn hạnh | 10.- Chơn thật hạnh |

MÃN THẬP HẠNH ĐẾN THẬP HỒI HƯƠNG

- 1.- Cứu độ nhưt thế chúng sanh, ly chúng sanh tướng hồi hương.
- 2.- Bất hoại hồi hương
- 3.- Đẳng nhưt thế Phật hồi hương
- 4.- Chí nhưt thế xứ hồi hương
- 5.- Vô tận công đức tạng hồi hương
- 6.- Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hương
- 7.- Tùy thuận đẳng quán nhưt thế chúng sanh hồi hương
- 8.- Chơn như tướng hồi hương
- 9.- Vô phược giải thoát hồi hương
- 10.- Pháp giới vô lượng hồi hương

MÃN THẬP HỒI HƯƠNG ĐẾN TỨ GIA HẠNH

- | | |
|--------------|--------------|
| 1.- Noãn địa | 2.- Đảnh địa |
|--------------|--------------|

3.- Nhấn địa

4.- Thế đệ nhưt địa

MÃN TỬ GIA HẠNH ĐẾN THẬP ĐỊA

1.- Hoan hỷ địa

2.- Ly cấu địa

3.- Phát quang địa

4.- Diệm huệ địa

5.- Nan thắng địa

6.- Hiện tiền địa

7.- Viễn hành địa

8.- Bất động địa

9.- Thiện huệ địa

10.- Pháp vân địa

(Khi năm Thập địa đến địa vị Đẳng giác, qua Đẳng giác đến Diệu giác tức là Phật. Trừ địa vị Càn huệ ra, thì từ địa vị Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Tứ gia hạnh, Thập địa và Đẳng giác, nghĩa là phải trải qua 55 địa vị này mới được quả Phật.

Song trong khi trải qua 55 địa vị này, phải gặp 50 món ma là những điều nguy hiểm nhưt trên đường tu hành).

IX. 50 MÓN MA CHƯỞNG (NGŨ ẤM MA)

Thuyết pháp gần xong, Đức Như Lai đứng dậy, tay vịn ghế thất bửu, kêu ngài A Nan và đại chúng dạy thêm rằng :

– Các ông chưa rõ trên đường tu hành, còn gặp nhiều cảnh ma rất là nguy hiểm. Nếu các ông không biết trước, sanh tâm tà kiến thì dọa vào ác đạo, cũng như người nhận lầm giặc làm con, thì bị hại chẳng ít. Vậy các ông phải chăm chú nghe, Ta sẽ chín chắn chỉ dạy cho.

Này A Nan, tất cả chúng sanh cùng với người mười phương chư Phật, đồng một bản thể chơn tâm thanh tịnh không hai. Bởi các ông bị vô minh vọng tưởng, nên sanh ra mười phương hư không và thế giới nhiều như vi trần, nhưng mười phương hư không và hằng sa thế giới đó đều sanh ở trong chơn tâm của các ông, chẳng khác nào một điểm mây nhỏ sanh trong trời xanh. Nếu người ngộ được chơn tâm rồi thì mười phương hư không và thế giới đều tiêu hết.

Bởi các loài ma kia thấy người tu hành, sanh tâm lo sợ cho bà con quyến thuộc của chúng sẽ tiêu diệt, nên chúng dùng đủ thần lực đến nhiều hại người tu. Chúng nó cũng đủ năm phép thần thông biến hóa chỉ chưa được lậu tận thông.

Mặc dầu chúng đủ năm phép thần thông và sức mạnh, song vẫn còn ở trong vòng trần lao; nếu các ông trong khi tu thiền tâm được thanh tịnh sáng suốt, không vọng động, thì chúng ma kia không làm sao hại được. Cũng như dao chặt xuống nước, gió thổi ánh sáng, hoàn toàn không dính líu gì. Chúng ma kia phải lần lần tiêu diệt như băng bị nước nóng chế vào và tối tăm bị ánh sáng phá trừ; chỉ lo một điều là các ông cũng như chủ nhà, nếu chủ nhà mê muội rồi thì các ma chướng kia như khách

để bề nhiều hại, rồi các ông trở làm con cái của ma, sau thành người ma.

Ma-dăng-già là thứ ma yếu hèn, nó chỉ làm cho ông phá một giới trong tám muôn giới mà thôi, nhờ tâm ông thanh tịnh nên chẳng bị trầm luân. Còn các chúng ma này rất là nguy hiểm, nó phá tan giới thân huệ mạng làm cho ông nhiều kiếp luân hồi. Chẳng khác nào như ông quan lớn bị cách chức, gia tài sự sản bị tịch thu, trở thành một người dân trắng, không thể cầu cứu với ai được.

X. MƯỜI MÓN MA VỀ SẮC ẤM

1.- THÂN THỂ KHÔNG BỊ CHƯỞNG NGẠI

Này A Nan, người trong khi tu thiền do sức dụng công, nên tâm tánh được nhiệm mầu sáng suốt, tự thấy thân thể mình trong giây phút qua lại tự tại, không bị cái gì làm chướng ngại. Vì dụng công tu luyện nên tạm hiện ra các việc như vậy, không phải là chứng Thánh; nếu sanh tâm nghĩ mình chứng Thánh, thì bị ma cám dỗ.

2.- LƯỢM BỎ TRÙNG ĐỘC TRONG THÂN

A Nan, hành giả trong lúc dụng công tu thiền, thoát thấy thân thể mình trong suốt, các loài trùng độc, sên bò qua lại, rồi lượm bỏ ra ngoài mà thân không đau đớn. Vì dụng công tu luyện nên tạm hiện ra cảnh như vậy, không

phải chứng Thánh. Nếu nghĩ mình chứng Thánh thì bị ma nó cám dỗ.

3.- NGHE TRONG HƯ KHÔNG CÓ TIẾNG NÓI PHÁP

Hành giả trong lúc tu thiền, nghe trong hư không có tiếng thuyết pháp, hoặc nghe Thánh, Hiền, Tiên, Phật trong mười phương thế giới đều nói ra nghĩa lý nhiệm mầu. Đây vì hành giả dụng công tu luyện nên tự tâm biến hiện ra cảnh giới như vậy, không phải chứng Thánh, nếu nghĩ mình chứng Thánh, thì bị ma ám ảnh.

4.- THẤY PHẬT HIỆN VÀ HOA SEN TRỞ

Người tu thiền định, khi tâm thanh tịnh rồi, tự phát ra ánh sáng. Lúc bấy giờ thấy mười phương đều hiện ra sắc vàng, tất cả các vật loại hóa thành Phật cả. Lại thấy Đức Phật Tỳ Lô Giá Na ngồi trên đài thiên quang, các Đức Phật ngồi xung quanh và có vô số hoa sen đồng thời xuất hiện. Đây do hành giả dụng công tu thiền, nên thấy có các cảnh tượng hiện ra như vậy, không phải là chứng Thánh; nếu nghĩ mình chứng Thánh, thì bị ma cám dỗ.

5.- THẤY CÁC VẬT BÁU ĐẦY CẢ HƯ KHÔNG

Người trong khi tu thiền thấy mười phương hư không đều thành bảy báu, nào màu xanh, sắc

vàng, đỏ, trắng, hiện ra vô số, mà chẳng chướng ngại nhau. Đây do trong lúc tu thiền, vì hành giả dụng công đè nén vọng niệm thái quá, nên nó biến hiện ra các cảnh như vậy, không phải chứng Thánh; nếu nghĩ mình chứng Thánh, thì bị ma cám dỗ.

6.- THẤY BAN ĐÊM NHƯ BAN NGÀY

Người tu thiền định, do tâm yên tịnh nên phát ra ánh sáng. Lúc bấy giờ mặc dù nửa đêm, ở trong nhà tối mà vẫn thấy rõ hết cả mọi vật, không khác chi ban ngày. Vì hành giả dụng công tu luyện nên tạm hiện ra cảnh như vậy, không phải chứng Thánh; nếu cho mình chứng Thánh, thì bị ma cám dỗ.

7.- THÂN THỂ KHÔNG BIẾT ĐAU

Người tu thiền định đến khi tâm tánh được rỗng không, thì thân thể chẳng biết đau. Lúc bấy giờ lửa đốt không cháy, dao chặt không đau. Đây do sức dụng tâm tu luyện của hành giả nên tạm được như vậy, không phải chứng Thánh; nếu cho mình chứng Thánh, thì bị ma cám dỗ.

8.- THẤY CẢNH GIỚI PHẬT HIỆN KHẮP NƠI

Người tu thiền định do dụng công cùng tột, nên thấy mười phương núi sông toàn cả thế giới đều biến thành cõi Phật, đủ cả bảy món báu chiếu sáng khắp giáp. Lại thấy hàng sa chú Phật

ở trong cung điện tốt đẹp hiện đầy cả hư không. Trông lên trên thì thấy các cung trời, xem trở xuống lại thấy hết các cõi địa ngục đều không có chướng ngại. Đây do lúc tu thiền, vì hành giả ngưng vọng tưởng lâu ngày, nên nó hóa hiện như vậy, không phải chứng Thánh; nếu cho mình chứng Thánh, thì bị đọa vào đường tà.

9.- BAN ĐÊM THẤY, NGHE ĐƯỢC PHƯƠNG XA

Trong khi tu thiền, do tâm tham cứu sâu xa, nên trong lúc giữa đêm thấy được nào là chợ búa, đường sá, bà con họ hàng ở các phương xa, hoặc nghe được tiếng nói. Đây do hành giả kiềm thúc cái vọng tâm thái quá, nên tạm hiện ra như vậy, không phải chứng Thánh; nếu cho mình chứng Thánh, thì đọa vào đường tà.

10.- THÂN HÌNH BIẾN HÓA, NÓI PHÁP THÔNG SUỐT

Trong khi tu thiền, do hành giả dụng tâm tham cứu cùng tột, nên thấy có các vị Thiện tri thức, chỉ trong giây phút mà thân mình biến hóa nhiều cách. Đây do trong khi tu thiền vì hành giả sanh tâm chấp trước, nên bị ma ám ảnh, làm cho người này thông suốt nghĩa mầu, nói pháp vô ngại, không phải chứng Thánh; nếu chẳng chấp trước thì cảnh ma này lần lần tiêu; còn cho mình chứng Thánh thì bị đọa vào cảnh ma.

TÓM LẠI

Này A Nan ! Mười cảnh ma này, đều do trong lúc tu thiền, hành giả dụng tâm phá trừ sắc ấm, nên nó biến hiện ra các cảnh như vậy. Nếu khi gặp những cảnh ấy, mê lầm không biết, cho mình đã chứng Thánh thì bị ma nó ám ảnh, rồi sanh ra đại vọng ngữ, nói mình thành đạo chứng quả v.v... sau khi chết rồi đọa vào địa ngục vô gián. Vậy khi Ta nhập diệt rồi, các ông nên y lời Ta dạy, đem những việc ma này, giảng dạy cho người tu hành đời sau, bảo hộ người tu hành đặng đạo quả, chớ để cho họ bị thiên ma nhiễu hại.



BÀI THỨ MƯỜI LĂM

I.- Mười món ma về thọ ảm :

1. Thấy loài vật, thương khóc
2. Chí dũng mãnh bằng Phật
3. Tâm nghĩ tưởng khô khan
4. Đặng chút ít cho là đầy đủ
5. Tâm buồn rầu vô hạn
6. Vui cười không thôi
7. Sanh đại ngã mạn
8. Tâm sanh khinh an
9. Chấp không
10. Vì quá tham ái nên sanh ra cuồng

II.- Mười món ma về tướng ảm :

1. Tham cầu diệu dụng
2. Tham cầu du ngoạn
3. Cầu ngộ chơn lý
4. Móng tâm muốn biết nguồn gốc của muôn loài
5. Tham cầu cảm ứng linh nghiệm
6. Tham cầu ở chỗ vắng vẻ u tịch
7. Tham cầu biết kiếp trước
8. Tham cầu thần thông
9. Tham cầu không không
10. Tham cầu sống lâu

BÀI THỨ MƯỜI LĂM

I. MƯỜI MÓN MA VỀ THỌ ẨM :

1.- THẤY LOÀI VẬT, THƯƠNG KHÓC

Này A Nan, người tu thiền định khi phá trừ sắc ấm rồi, tâm trí sáng suốt, do hành giả dụng công dần ép các vọng tưởng thái hóa, nên phát sanh lòng thương xót các loài vật vô cùng, cho đến thấy loài mòng muỗi, thương cũng như con ruột, thương cho đến nổi sa nước mắt khóc ròng. Nếu hành giả giác ngộ thì cảnh ấy lần lần tiêu hết, không có hại chi; còn mê lầm không biết, thì bị ma sâu bi ám ảnh vào tâm, rồi thấy người tự khóc ròng, tâm mất chánh định, sau khi chết rồi đọa vào cảnh ma.

2.- CHÍ DỒNG MÃNH BẰNG PHẬT

Này A Nan, người tu thiền định khi sắc ấm tiêu, thọ ấm hiện bày, thấy có nhiều điều linh ứng và những cảnh tốt đẹp hiện ra. Vì trong lòng cảm kích thái quá, nên hành giả phát tâm đại đồng mãnh, lập chí đồng với chư Phật, quyết tu một đời cho thành Phật, không chịu trải qua bao vô số kiếp. Nếu hành giả giác ngộ thì cảnh ấy lần lần tiêu diệt; còn mê lầm không biết cho mình chứng Thánh thì bị ma nhập tâm, thấy người hay khoe khoang hống hách, ngã mạn không ai bằng, cho đến trên thấy không có

Phật, dưới thấy không có người, mất chánh định, sau khi chết rồi bị đọa vào ác đạo.

3.- TÂM NGHĨ TƯỞNG KHÔ KHAN

Lại nữa, người tu thiên định, khi địa vị cũ đã qua khỏi, địa vị mới chưa chứng, lúc ấy bơ vơ giữa chừng, vì trí lực suy kém, nên trong tâm sanh ra rất khô khan, tất cả thời, nhớ nghĩ vẫn vơ, rồi tự cho đó là tinh tấn. Đây vì trong lúc tu thiên, không có trí tuệ sáng suốt để phán đoán. Nếu hành giả hiểu biết thì không có hại; còn mê lầm không biết, cho mình chứng Thánh thì bị ma ám ảnh vào tâm, sớm chiều bóc quặng trái tim của mình, mất chánh định, chết rồi đọa vào ác đạo.

4.- ĐẶNG CHÚT ÍT CHO LÀ ĐẦY ĐỦ

Người tu thiên định khi sắc ấm tiêu, thọ ấm hiện bày, vì dùng huệ nhiều hơn định, mất sự thăng bằng, nên gặp những cảnh thù thắng hiện ra, sanh lòng nghi ngờ cho là Đức Tỳ Lô Giá Na Phật, mới đặng chút ít cho là đầy đủ. Nếu hành giả hiểu biết thì không có hại; còn mê lầm không biết cho mình chứng Thánh, thì bị ma ám ảnh, khi gặp người tự xưng : “Ta đặng đạo vô thượng Bồ-đề”, sẽ mất chánh định, sau đọa vào đường ma.

5.- TÂM BUỒN RẦU VÔ HẠN

Người tu thiên định, khi cảnh cũ đã mất, địa vị mới chưa chứng, tự thấy bơ vơ; gặp cảnh gian

nan nguy hiểm, sanh tâm buồn rầu vô hạn, như ngồi trên chông sắt, như uống thuốc độc, tâm chẳng muốn sống, thường cầu xin người giết giúp thân mạng mình, đặng sớm được giải thoát. Đây là do trong khi tu hành, hành giả thiếu phương tiện để lướt qua những cảnh ấy. Nếu liễu ngộ thì không hại; còn mê lầm chẳng biết, hành giả cho mình chứng Thánh, thời bị ma ưu sầu ám ảnh, rồi tự cầm gươm dao lóc lấy thịt mình, ưa bỏ thân mạng, thường hay lo rầu hoặc vào ở núi non rừng rú, không muốn thấy người, mất tâm chánh định, sau chết rồi đọa vào đường ma.

6.- VUI CƯỜI KHÔNG THÔI

Người tu thiền định, khi tâm được thanh tịnh an ổn rồi, bỗng nhiên sanh ra vui mừng vô hạn không thể ngăn được. Nếu hiểu biết thời không hại; còn mê lầm cho mình chứng Thánh, thì bị ma nhập vào tâm phủ, thấy người cười hoài, đi trên đường sá một mình ca múa, tự cho rằng “Ta đã đặng vô ngại giải thoát”, mất chánh định, sẽ đọa vào đường tà.

7.- SANH ĐẠI NGÃ MẠN

Người tu thiền định, khi thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm hiện bày, tự cho mình được như thế là đầy đủ rồi, sanh tâm đại ngã mạn, đối với mười phương chư Phật còn khinh khi, hưởng hồ là Thịnh-văn, Duyên-giác. Nếu liễu ngộ thì chẳng

hại; còn hành giả mê lầm không biết cho là chứng Thánh, thì bị ma đại ngã mạn nó nhập tâm, không lay Phật Tổ, hủy hoại kinh tượng. Hạng người ấy thường nói với tín đồ rằng : “Phật bằng cây, đất, đồng, chì; còn kinh tượng là giấy mực, có gì mà kính lay; nhục thân này mới là chơn thật thường còn, sao chẳng cung kính, thật là điên đảo”. Tín đồ nghe rồi tin theo, đốt Kinh chôn Phật. Người làm cho chúng sanh nghi lầm như thế, sau khi chết rồi bị đọa vào địa ngục vô gián.

8.- TÂM SANH KHINH AN

Người tu thiên định, khi sắc ấm tiêu, thọ ấm hiện bày, trong tâm sanh ra vô lượng khinh an rồi tự cho mình đã chứng Thánh, dặng đại tự tại. Nếu hành giả hiểu biết thì không hại; còn mê lầm không biết thì bị ma nhập tâm, rồi tự cho mình đã đầy đủ, không cần tu tấn, mất chánh định, sau khi chết rồi bị đọa vào đường tà.

9.- CHẤP KHÔNG

Người tu thiên định, khi sắc ấm tiêu, thọ ấm hiện bày, trong tâm bỗng sáng, rồi sanh ra chấp đoạn diệt, bác không nhân quả, không tội phước, tất cả đều không. Nếu hành giả hiểu biết thì không hại; còn mê lầm không biết chấp

mình chứng Thánh thì bị ma nhập tâm, rồi chê bai người trì giới cho là tu hành Tiểu thừa, tự xưng mình là Bồ-tát ngộ lý chơn không rồi, không còn trì giới và phạm giới nữa, vẫn ăn thịt và uống rượu làm những việc tà dục. Do thần lực của ma nó làm cho tín đồ say mê, thương yêu cung phụng, luôn luôn trung thành, chẳng sanh lòng nghi ngờ hủy báng. Vì ma nhập lâu ngày làm cho phải điên, đến nỗi ăn uống những đồ như uế, mà cho cũng như là uống rượu ăn thịt, phá các giới cấm của Phật, hoàn toàn chấp không, làm mất chánh kiến của mình, sau khi chết rồi đọa vào đường tà.

10. VÌ QUÁ THAM ÁI NÊN SANH RA CUỒNG

Người tu thiên định, khi sắc ám tiêu, thọ ấm hiện bày, sanh ra vô cùng ái dục, đến đổi phát cuồng. Nếu hành giả giác ngộ thì cảnh đó hết dần, còn mê lầm không biết cho là chứng Thánh, thì bị ma nhập tâm, rồi khuyến hóa người đời bình đẳng hành dục, bảo họ rằng : “Hành dục là đạo Bồ-đề, người hành dâm dục là kẻ duy trì chánh pháp”. Do thần lực của ma làm cho người cuồng kia chinh phục được cả ngàn muôn người, đến chừng ma nhàm chán, bỏ người tu thiên kia rồi, lúc bấy giờ hành giả không còn oai đức gì nữa, bị luật nước giam cầm, đến khi lâm chung đọa vào địa ngục vô gián.

TÓM LẠI

A Nan, mười cảnh ma này, đều do trong lúc tu thiền, hành giả dụng tâm phá trừ thọ ám, nên tự hiện ra các cảnh như vậy. Nếu hành giả mê lầm không biết, cho rằng chứng Thánh, thì bị ma dựa vào, làm nhiều hại đến thế; chết rồi đọa và địa ngục vô gián.

Sau khi Ta nhập diệt, các ông nên đem lời Ta dạy đây mà truyền dạy cho chúng sanh đời sau, bảo hộ người tu hành được thành đạo Bồ-đề, chớ để cho họ gặp các loài ma chướng làm hại, mà phải bị đọa vào ác đạo.

II. MƯỜI MÓN MA VỀ TƯỚNG ÁM :

1.- THAM CẦU DIỆU DỤNG

A Nan, người tu thiền định, khi phát minh được diệu định rồi, lại khởi tâm tham cầu những việc diệu dụng và linh nghiệm. Khi đó thiên ma được biết, gặp dịp thuận tiện, nên xuất hồn nhập vào người, mà người bị nhập kia lại không biết, tự cho mình đặng đạo vô thượng Niết-bàn, cũng thường nói ra kinh pháp. Trong giây phút, thân hình người bị nhập kia, biến hiện ra ông Thầy, cô Ni, vị Đế thích hay người phụ nữ v.v... hoặc ở trong nhà tối, từ nơi thân họ chiếu ra hào quang sáng ánh. Người đời lầm

cho là Bồ-tát thật, rồi tin nghe theo lời ma giáo hóa, sanh tâm buông lung, phá giới luật của Phật, lên làm việc tham dục. Người này ưa nói những điều tai biến lạ lùng, hoặc nói chỗ kia có Phật ra đời, năm nào nổi đao binh giặc giã, năm nào có hỏa hoạn v.v.... khủng bố tinh thần dân chúng, khiến cho người hao tài tốn của. Đến khi ma kia nhàm chán bỏ đi, thì thầy trò người bị ma nhập kia đều bị giam cầm. Các ông nếu biết trước thời khởi vào luân hồi; còn mê lầm không biết thì đọa vào ác đạo.

2.- THAM CẦU DU NGOẠN

A Nan, hành giả khi tu thiền, trong tâm muốn xuất thần dạo chơi. Lúc bấy giờ Thiên ma Ba tuần hiểu biết, được dịp thuận tiện nhiều hại, nên nó xuất hồn nhập vào người, mà người bị nhập kia lại không biết, tự nói mình đặng đạo vô thượng Niết-bàn, miệng cũng nói kinh pháp thông suốt, làm cho những người nghe đều tự thấy thân mình hóa ra sắc vàng sáng rõ, ngồi trên tòa sen báu, đặng những điều chưa từng có. Người đời lầm tưởng là Bồ-tát thị hiện. Người bị ma nhập kia lại dạy người phá giới luật của Phật, âm thầm làm việc tham dục, miệng ưa nói chuyện chư Phật giáng thế, như : ở xứ kia, ông đó là Đức Phật nào thị hiện, người nọ là vị Bồ-tát chi thị hiện v.v... làm cho

người thấy, nghe sanh lòng khao khát, dâm tà kiến thêm mạnh, giống trí tiêu mòn. Đến lúc ma kia nhàm chán bỏ đi, thì thầy trò người bị ma nhập ấy đều bị bắt cả. Các ông nếu sớm giác ngộ thì khỏi vào luân hồi; còn mê lầm không biết thì bị đọa vào địa ngục.

3.- CẦU NGỘ CHƠN LÝ

Lại nữa, người tu thiên định, trong tâm tham, cầu ngộ chơn lý. Lúc bấy giờ Thiên ma Ba tuần biết được ý muốn, nên xuất hồn nhập cho người, mà người tự không biết, tự cho rằng ta đặng đạo vô thượng Niết-bàn, miệng cũng nói kinh pháp, làm cho thánh giả tuy chưa nghe pháp, mà tâm tự khai ngộ, biết được việc nhiều đời trước, hoặc biết rõ được tâm tánh người, hoặc thấy các cảnh địa ngục, biết trước những họa phước ở nhơn gian, miệng tự đọc kinh hay nói kệ, mỗi người đều tự vui mừng, cho là đặng những việc chưa từng có. Người đời mê lầm cho là Bồ-tát thị hiện. Ma kia lại ưa nói : “Phật có lớn nhỏ, Phật thiệt, Phật giả, Phật nam, Phật nữ, Đức Phật kia là Đức Phật trước, Đức Phật nọ là Đức Phật sau; Bồ-tát cũng vậy”, làm cho người mất chánh tín lại sanh tà kiến, tâm tánh buông lung, phá giới luật của Phật, lén làm việc tham dục. Đến khi chúng ma kia sanh tâm nhàm chán bỏ đi, thì thầy trò người bị ma nhập kia

đều bị bắt. Các ông biết trước thời khỏi bị luân hồi; còn mê lầm tin theo thời đọa vào địa ngục.

4.- MÓNG TÂM MUỐN BIẾT NGUỒN GỐC CỦA MUÔN LOÀI

Lại nữa, người tu thiên định, khi ở trong định, móng tâm muốn biết cùng tột căn nguyên của muôn vật, thì chung sanh hóa thế nào. Khi đó Thiên ma hiểu biết ý muốn, gặp dịp thuận tiện để khuấy nhiễu, nên xuất hồn đến nhập cho người, mà người bị nhập kia lại không biết, cho mình đặng đạo vô thượng Niết-bàn, cũng thường nói kinh pháp. Chúng ma kia dùng oai thần nhiếp phục quần chúng, làm cho thánh giả tuy chưa nghe pháp mà trong lòng đã tự kính phục. Chúng ma nói : “Thân thịt hiện tiền đây là Bồ-đề Niết-bàn, là Pháp thân của Phật”. Chúng ma lại nói : “Cha cha con con tiếp nối sanh nhau, đó là Pháp thân thường trụ bất diệt”. Và thường nói : “Mắt, tai, mũi, lưỡi là cảnh tịnh độ, nam căn và nữ căn tức là Bồ-đề Niết-bàn”. Nhưng người mê lầm không biết tưởng là Bồ-tát thị hiện, tin tưởng quy y theo, cho là một đáng hy hữu chưa từng có. Mất tâm chánh tín, phá giới luật của Phật, âm thầm làm hạnh tham dục. Đến lúc ma kia nhàm chán bỏ đi rồi, thì thầy trò người bị ma nhập kia đều bị bắt cả. Các ông nếu biết trước thì khỏi bị luân

hôi, còn mê lầm tin theo thời đọa vào địa ngục vô gián.

5.- THAM CẦU CẢM ỨNG LINH NGHIỆM

Người tu thiên định vì móng tâm tham cầu sự cảm ứng linh nghiệm, nên Thiên ma biết được ý muốn, nó xuất hồn đến gá vào người mà người kia không biết, tự cho mình đặng đạo vô thượng Niết-bàn, cũng thường nói kinh pháp. Ma lại dùng thần lực khiến cho những người nghe pháp đều thấy thân thể người bị nó nhập kia già nua như người trăm ngàn tuổi sanh lòng thương mến, đêm ngày hầu hạ không biết mệt mỏi, và tứ sự cúng dường. Nó lại làm cho người người kính trọng là vị Tiên sư hay Thiện tri thức. Đối với người, nó ưa nói việc huyền ảo như : “Đời trước ta tế độ người kia, người nọ. Đời trước người kia là anh em hay vợ con của ta, đời nay ta tế độ, để cùng nhau sẽ sanh về thế giới kia và cúng dường Đức Phật nọ”; hoặc nói : “Có cõi Trời Đại quang minh, tất cả các Đức Phật đều ở đó”. Những người mê muội không biết, lầm cho là Bồ-tát thị hiện, tin tưởng kính trọng vô cùng, mất tâm chánh tín, phá giới luật của Phật, âm thầm làm việc tham dục. Đến khi chúng ma kia sanh tâm nhàm bỏ. Các ông biết trước thời khỏi vào luân hồi, còn tin tưởng nghe theo thì đọa vào địa ngục vô gián.

6.- THAM CẦU Ở CHỖ VẮNG VẼ TỊCH MỊCH

Người tu thiên định, khép mình nơi khổ hạnh tham cầu ở chỗ vắng vẻ tịch mịch. Khi đó Thiên ma Ba tuần biết được ý muốn, nên xuất hồn nhập vào người, mà người kia không biết, cho mình chứng đạo vô thượng Niết-bàn, cũng thường hay nói pháp. Ma dùng thần lực khiến cho các người nghe đều biết được đời trước của mình. Hoặc trong chỗ đông người, nó chỉ một người nào đó nói rằng : “Người này chưa chết, mà đã thành súc sanh”. Nói rồi, ma nó bảo một người khác đập sau cái đuôi, thì người kia biến thành súc sanh, đứng dậy không được, làm cho đồ chúng hết sức kính phục. Có ai vừa móng tâm niệm gì, thì ma nó liền biết và nói ra ngay. Ngoài giới luật của Phật, chúng còn giữ thêm những điều khổ hạnh, phỉ báng các thầy Tỳ-kheo, mắng nhiếc tín đồ, làm tiết lộ việc bí mật của người mà không sợ người hiềm ghét, thường nói những việc họa phước sắp đến, không sai một mảy. Đến lúc ma kia nhàm bỏ rồi, thì thầy trò người bị ma nhập đều bị bắt. Các ông biết trước thời không vào luân hồi; còn mê mờ tin theo thì đọa vào địa ngục vô gián.

7.- THAM CẦU BIẾT KIẾP TRƯỚC

Người trong khi tu thiên định, móng tâm tham cầu biết kiếp trước của mình. Khi đó

Thiên ma hiểu biết, gặp dịp thuận tiện, nên xuất hồn nhập vào người, mà người bị nhập kia không biết, tự cho mình đặng đạo vô thượng Niết-bàn, cũng thường nói kinh pháp, hoặc làm cho người tình cờ đặng châu báu. Nó hóa ra một con vật ngậm hột châu hay những vật kỳ quái đem đến đưa cho người. Nó chỉ ăn rau rác đơn sơ, không dùng đồ ngon quý, có khi mỗi ngày chỉ ăn một hột mè, hột bắp, mà thân hình vẫn mập tốt. Chúng thường nói : “Xứ kia có kho báu, chỗ nọ có các vị Thánh Hiền ẩn”. Chúng làm cho người thấy những điều kỳ dị, hoặc nói những việc tham dục, phá giới luật của Phật, âm thầm làm hạnh dâm dục. Đến khi ma kia nhàm bỏ rồi, thì thấy trò người bị nhập đều bị bắt cả. Các ông biết trước thì khỏi vào luân hồi; còn mê lầm tin theo, thì đọa và địa ngục.

8.- THAM CẦU THẦN THÔNG

Người khi tu thiên định, móng tâm muốn được thần thông biến hóa. Khi đó Thiên ma liền biết, nên xuất hồn nhập cho người mà người không biết, tự cho rằng : “Đặng đạo vô thượng Bồ-đề”. Miệng nói kinh pháp và một tay cầm lửa, một tay rút ánh sáng phân phát để trên đầu của thánh giả. Mỗi người đều thấy trên đầu có ánh sáng dài đến vài thước, mà chẳng biết nóng; hoặc đi trên nước hay ngồi trên hư không vẫn

tự tại; hoặc vào trong bình, vô trong dĩa (bọc), đi ngang qua vách tường, mà không bị chướng ngại. Chỉ trừ khi đối với binh đao, thì họ không tự tại. Họ tự xưng là Phật mà thân mặc đồ thế gian, thọ các thầy Tỳ-kheo lễ bái, chê bai người tham thiền và trì giới, mắng nhiếc đồ chúng, làm tiết lộ việc nhà người mà không sợ người hiềm giận. Họ thường nói với người : “Ta đã đặng thần thông tự tại”; hoặc làm cho người thấy được cõi Phật (ma hiện ra cõi Phật) đem những điều dở hèn làm việc truyền đạo và khen ngợi việc hành dục. Đến lúc ma kia nhàm bỏ, thì thầy trò người bị ma nhập kia đều bị bắt cả. Các ông biết trước thời khỏi vào luân hồi; còn mê lầm tin theo thời đọa vào địa ngục vô gián.

9.- THAM CẦU KHÔNG KHÔNG

Người khi tu thiền định, tâm ưa nhập diệt, tham cầu không không. Khi ấy Thiên ma liền biết, đặng dịp thuận tiện, nên xuất hồn nhập cho người, mà người kia chẳng biết, tự cho mình đặng đạo vô thượng Niết-bàn, miệng nói kinh pháp. Hoặc ở trong chỗ đông người, người ấy tự biến mất, không ai thấy được, rồi tình cờ từ trên hư không hiện ra, khi ẩn khi hiện thân diệu vô cùng, hoặc hiện thân trong suốt như ngọc lưu ly, khi duỗi tay chân ra thì thơm nức mùi hương chiên đàn, chê bai giới luật, hủy

báng người xuất gia, bác không có nơn quả, cho rằng chết rồi mất hẳn không có đầu thai, âm thầm làm việc tham dục, khiến cho những người thọ dục, cũng chấp không có nơn quả tội phước v.v... Đến lúc ma nhàm bỏ, thì thầy trò người bị ma nhập kia đều bị bắt cả. Các ông biết trước thì khỏi vào luân hồi; còn mê lầm không biết thì đọa vào địa ngục vô gián.

10. THAM CẦU SỐNG LÂU

Người tu thiên định, móng tâm tham cầu sống lâu. Lúc bấy giờ Thiên ma hiểu biết, xuất hồn nhập cho người, mà người tự không biết, nói mình đặng đạo vô thượng Niết-bàn, miệng thường nói kinh pháp và đi qua lại các thế giới được tự tại không ngăn ngại; mặc dù đường xa muôn dặm, nhưng đi không nháy mắt đã trở về đến chỗ, lại lấy những vật ở phương xa kia đem về làm tin. Hoặc ở trong một căn nhà nhỏ, nó bảo người đi thiệt mau, từ vách bên này qua vách bên kia, đi mấy năm cũng không đến; hoặc thường nói : “Chúng sanh trong mười phương đều là con của ta, ta sanh ra chư Phật, ta sanh ra thế giới, ta là Phật đầu tiên tự nhiên có, chẳng nơn tu hành mà được”; hoặc ngời nói lầm thẳm một mình như người cuồng, khiến cho người đời tin tưởng là Phật thiệt. Các ông biết trước thì khỏi bị luân hồi, còn mê lầm tin theo thời đọa vào địa ngục vô gián.

TÓM LẠI

A Nan, mười món ma tướng ám này, ở trong đời mạt pháp, sẽ giả làm người xuất gia tu hành, trong đạo của Ta, hoặc nhập cho người, hoặc tự hiện hình, đều tự xưng rằng : “Đã chứng quả Phật”. Chúng khen ngợi việc dâm dục, phá giới luật của Phật. Ma thầy, ma trò cùng nhau truyền dạy, làm hại cho người đến nhiều đời lắm, khiến người chơn tu mất chánh kiến, bị đọa làm bà con quyến thuộc của ma.

Các ông ngày nay đã được độ ra khỏi sanh tử luân hồi rồi, vậy các ông phải khởi lòng đại bi, không nên nhập diệt sớm, phải nguyện ở lại đời mạt pháp để cứu độ những người chơn chánh tu hành đời sau, khỏi bị ma nhiều hại.

Các ông tuân theo lời Ta dạy đây, mới gọi là đền đáp ơn Phật. Các ông gắng bảo hộ người tu hành, nên đem lời nói của Ta đây truyền dạy cho chúng sanh đời sau, khiến cho họ hiểu rõ các việc ma, để khỏi bị Thiên ma nhiều hại và mau được thành đạo vô thượng.



BÀI THỨ MƯỜI SÁU

I.- Mười món ma về hành ẩm :

1. Chấp không nguyên như sanh
2. Bốn món chấp thường
3. Chấp một phần thường, một phần vô thường
4. Chấp có bốn món biên giới
5. Bốn món luận nghị rối loạn, không như định
6. Chấp mười sáu tướng có
7. Chấp tám món vô thường
8. Chấp tám món cu phi
9. Chấp bảy món đoạn diệt
10. Chấp năm món Niết-bàn hiện tại.

II.- Mười món ma về thức ẩm :

1. Chấp minh đế
2. Chấp năng sanh
3. Chấp chơn thường
4. Chấp cây cỏ cũng đều có biết
5. Chấp tứ đại hóa sanh
6. Chấp hư vô
7. Tham cầu sống lâu
8. Tham luyến cảnh dục
9. Định tánh Thịnh-văn
10. Định tánh Duyên-giác

III.- Kết luận

BÀI THỨ MƯỜI SÁU

I. MƯỜI MÓN MA VỀ HÀNH ẨM

1.- CHẤP KHÔNG NGUYÊN NHƠN SANH

A Nan, người tu thiền định khi tưởng ám hết rồi, thì tâm được minh chánh, không còn khởi các vọng tưởng tham muốn như trên, nên các Thiên ma không gặp dịp thuận tiện để nhiễu hại nữa. Lúc bấy giờ hành giả tự nghiên cứu nguồn gốc của muôn loài, rồi sanh ra hai lối chấp :

a) Vì chỉ thấy biết được chúng sanh từ tám vạn kiếp trở lại, ngoài tám vạn kiếp thì mù mịt không thấy biết, nên sanh ra chấp : “Chúng sanh từ tám vạn kiếp trở lại tự nhiên có, không có nguyên nhơn sanh”.

b) Hành giả nghiên cứu chỉ thấy người sanh ra người, chim sanh ra chim, quạ từ hồi nào đến giờ vẫn đen, không phải do nhuộm mà đen, cò từ hồi nào đến giờ vẫn trắng, không phải do rửa mới trắng v.v... từ tám vạn kiếp đến nay đã vậy, thì từ đây về sau cũng thế. Hành giả tự nghĩ ta từ hồi nào đến giờ không thành Bồ-đề, thì về sau đâu lại có thành Phật, rồi khởi ra tà chấp : “ Các vật tượng ngày nay đều không có nguyên nhơn”. Bởi mê mờ tánh

Bồ-đề, mất chánh tri kiến, sanh ra hai lối chấp trên, nên đều đọa về ngoại đạo.

2.- BỐN MÔN CHẤP THƯỜNG

A Nan, người tu thiên định, khi tưởng ám hết rồi, tâm được minh chánh, nên ngoại ma không còn thuận tiện để nhiễu hại được. Khi đó hành giả tham cứu cùng tột cội gốc của muôn loài, khởi ra bốn món chấp thường :

a.- Chấp hai vạn kiếp thường. – Vì hành giả nghiên cứu cùng tột cả tâm và cảnh đều vô như, vì sức tu chỉ biết được chúng sanh sanh diệt xoay vần từ hai vạn kiếp trở lại không mất, nên chấp cho là thường.

b.- Chấp bốn vạn kiếp thường. – Hành giả tham cứu cùng tột tánh của tứ đại thường còn, do sức tu tập chỉ biết được chúng sanh từ bốn vạn kiếp trở lại, tuy có sanh diệt, mà bản thể nó vẫn thường còn không mất, nên chấp là thường.

c.- Chấp tám vạn kiếp là thường. – Hành giả tham cứu cùng tận tám thức, thấy nó thường hằng. Vì thấy từ tám vạn kiếp trở lại chúng sanh xoay vần không mất, nên chấp là thường.

d.- Chấp cái không sanh diệt là thường. – Người tu thiên định khi các tưởng ám sanh diệt đã hết, như đó khởi tâm chấp cái không sanh diệt là thường.

A Nan, người tu thiền định, do mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ-đề, khởi ra bốn món chấp thường trên, nên đều đọa về ngoại đạo.

3.- CHẤP MỘT PHẦN THƯỜNG, MỘT PHẦN VÔ THƯỜNG

Người tu thiền định, khi tưởng ám hết, nghiên cứu cùng tột cội gốc của sanh loại, rồi khởi ra bốn lối chấp điên đảo :

a.- *Chấp tâm là thường, chúng sanh vô thường.*
– Hành giả khi quán tâm mình yên lặng khắp cả mười phương, các chúng sanh từ trong tâm mình tự sanh và tự chết, rồi chấp tâm ta là thường, chúng sanh vô thường.

b.- *Chấp thế giới, những chỗ bị hoại là vô thường, những chỗ không hoại là thường.* – Người tu thiền định quán sát cả mười phương thế giới, chỗ kiếp hoại (như từ Tam thiên trở xuống bị tam tai làm hại) thì chấp là vô thường; những chỗ không hoại thì chấp là thường (từ Tứ thiên trở lên, tam tai không làm hoại được, chấp cho là cứu cánh Niết-bàn).

c.- *Chấp cái tâm là thường, còn sanh tử là vô thường.* – Người tu thiền định, quán sát tâm mình không biến đổi, nó nhỏ nhiệm tinh vi như hạt bụi và lưu chuyển cả mười phương, lại khiến cho thân này sanh và diệt mà nó không biến đổi; nên

chấp cho : “Tâm là thường; tất cả các vật đều từ tâm sanh ra, có sanh tử nên vô thường”.

d.- Chấp hành ấm thường; sắc, thọ, tưởng là vô thường. – Người tu thiền định, khi thấy sắc, thọ, tưởng ba ấm trước đã diệt, nên chấp là vô thường, thấy hành ấm lưu chuyển thường còn nên chấp là thường.

Bốn lối chấp trên, đều sai lầm cả, do mê muội tánh Bồ-đề, mất chánh kiến, nên đọa về ngoại đạo.

4.- CHẤP CÓ BỐN MÓN BIÊN GIỚI

Người tu thiền định, khi tưởng ấm hết rồi, thấy được cùng tột cội gốc của sanh loại, lúc bấy giờ khởi ra bốn lối chấp có biên giới :

a.- Chấp ba đời. – Người tu thiền định, lúc bấy giờ chấp tâm niệm hiện tại tương tục (hành ấm) là vô biên, còn quá khứ và vị lai là hữu biên.

b.- Chấp chúng sanh. – Người tu thiền định vì chỉ thấy được chúng sanh trong tám vạn kiếp, nên chấp là hữu biên; còn trước tám vạn kiếp thì tịch mịch không thấy và cũng không nghe, nên chấp là vô biên.

c.- Chấp tâm tánh. – Người tu thiền định khi thấy tâm mình biến khắp và biến ra tất cả người, nên khởi lên chấp tâm ta vô biên. Còn tất cả người đều ở trong tâm ta, là hữu biên.

d. Chấp sanh diệt. – Người tu thiên định khi cùng tột hành âm, thấy được tâm mình, sanh tâm chấp tất cả chúng sanh và thế giới đều có phân nửa sanh và phân nửa diệt; sanh là hữu biên, diệt là vô biên.

Các lối tà chấp trên, đều do trong khi tu thiên mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ-đề, nên đều đọa về ngoại đạo cả.

5.- BỐN MÓN LUẬN NGHỊ RỐI LOẠN KHÔNG CÓ NHỨT ĐỊNH.

Người tu thiên định, khi tướng ấm hết, liền khởi ra bốn lối chấp điên đảo không nhất định :

a. Chấp tám món cũng. – Người tu thiên định, khi quán sát nguồn gốc biến hóa của muôn vật, thấy có chỗ thì biến đổi, có chỗ lại thường còn; có cái sanh, có cái diệt; có pháp tăng, có vật giảm, có cái có, có cái không. Bởi thế nên có ai đến hỏi đạo thì nói rằng : “Cũng biến, cũng hằng, cũng sanh, cũng diệt, cũng tăng, cũng giảm, cũng có, cũng không”. Lúc nào cũng nói rối loạn như vậy, làm cho người không hiểu chi cả.

b. Chấp duy cái “không”. – Người tu thiên định, vì quán cả tâm và pháp đều không; rồi cứ chấp ở nơi cái “không”. Có ai đến hỏi đạo thì họ chỉ đáp một chữ “không”; ngoài cái “không” ra thì không còn nói chi nữa cả.

c. *Chấp duy cái “có”*. – Người tu thiên định, do quán sát tâm mình biến khắp tất cả, chỗ nào cũng có, rồi cứ chấp ở nơi cái “có”. Có ai đến hỏi đạo, thì họ chỉ nói một chữ “có”; ngoài cái “có” ra thì không còn nói gì nữa cả.

d. *Chấp “cũng có” và “cũng không”*. – Người tu thiên định vì thấy ở nơi cảnh đã lãng xãng, còn tâm thì rối loạn, nên có người đến hỏi đạo thì đáp rằng : “cái cũng có” cũng tức là “cái cũng không”; trong cái “cũng không” cũng tức là cái “cũng có”. Lúc nào họ cũng nói rối loạn như vậy, không ai gạn cùng được.

Người tu thiên định vì mất chánh kiến mê mờ tánh Bồ-đề, khởi ra các lối chấp như vậy, nên đều đọa về ngoại đạo.

6.- CHẤP MƯỜI SÁU TƯỚNG CÓ

Người tu thiên định khi tưởng ám hết, chỉ còn hành ám diêu động, họ thấy một nguồn sống vô tận, nên sanh tâm chấp cho “chết rồi còn có tướng”.

Chấp về sắc uẩn có bốn : a) chấp sắc uẩn là “ta”, b) chấp “ta” có sắc uẩn, c) chấp sắc uẩn thuộc nơi “ta”, d) chấp “ta” ở nơi sắc uẩn.

Còn thọ, tưởng, hành mỗi uẩn cũng đều có bốn lối chấp như vậy, cộng thành mười sáu tướng. Hoặc chấp phiền não và Bồ-đề hai tánh

thật có, hết phiền não mới được Bồ-đề; hai tánh không chung gặp nhau.

Vì hành giả trong lúc tu thiền, mất chánh tri kiến, mê mờ tánh Bồ-đề, khởi ra các lối tà chấp trên, nên đều đọa về ngoại đạo.

7. CHẤP TÁM MÓN VÔ TƯỚNG

Người tu thiền định khi sắc, thọ, tưởng đã diệt rồi, lúc bấy giờ thấy thân hình hiện tiền đây còn không thật có, thì khi chết rồi làm gì lại có các hình tướng. Vì so sánh như vậy, nên chấp chết rồi không có hình tướng.

Chấp sắc ấm như vậy thì thọ, tưởng, hành cũng vậy (chấp hiện tại và vị lai đều không tướng), thành ra tám món vô tướng. Hoặc chấp Niết-bàn chỉ có cái tên suông, không có nhưn quả, rốt ráo đoạn diệt.

Vì hành giả mê mờ tánh Bồ-đề, mất chánh tri kiến, khởi ra các lối tà chấp như vậy, nên đều đọa về ngoại đạo.

8. CHẤP TÁM MÓN CU PHI

Người tu thiền định, đối với ba ấm : sắc, thọ và tưởng, trước kia thấy có mà nay lại không; còn đối với hành ấm thiên lưu hiện nay thì có mà về sau lại không. Vì họ chấp mỗi ấm đều có hai tướng : chết rồi phi hữu và phi vô;

cả bốn ám thành ra tám tướng. Bởi hành giả mê mờ tánh Bồ-đề, mất chánh tri kiến nên đọa về ngoại đạo.

9.- CHẤP NĂM MÓN ĐOẠN DIỆT

Người tu thiên định, khởi ra các chấp : Cõi dục thì “sắc thân” diệt hết; cõi Sơ thiên các “dục” diệt hết; cõi Nhị thiên các “khổ” diệt hết, cõi Tam thiên các “vui” diệt hết; cõi Tứ thiên các “xả” diệt hết.

Như vậy xoay vần cùng tột cả năm chỗ đều chấp hiện tiền tiêu diệt, diệt rồi không sanh trở lại. Vì hành giả mê mờ tánh Bồ-đề, mất chánh tri kiến, sanh các lối tà chấp như vậy, nên đọa về ngoại đạo.

10.- CHẤP NĂM MÓN NIẾT-BÀN HIỆN TẠI

Người tu thiên định, khi thọ ẩm hết, xét cùng cội gốc của sanh loại, khởi ra chấp năm chỗ Niết-bàn : a) Chấp dục giới là cảnh Niết-bàn, b) Chấp cõi Sơ thiên là Niết-bàn, c) Chấp Nhị thiên là Niết-bàn, d) Chấp Tam thiên là Niết-bàn, e) Chấp cõi Tứ thiên là Niết-bàn.

Vì hành giả mê muội tánh Bồ-đề, chấp năm cảnh vui cõi trời hữu lậu mà cho là vô vi Niết-bàn, nên đọa về ngoại đạo.

TÓM LẠI

A Nan, mười cảnh ma về hành ẩm này, là do hành giả dụng tâm sai lầm nên mới sanh ra như vậy. Vì hành giả mê mờ không biết, tự cho là chứng Thánh, sanh đại vọng ngữ, nên đọa vào ngục vô gián. Vậy các ông nên đem các việc ma này truyền dạy cho chúng sanh đời sau, chớ để cho người tu thiên bị tâm ma khởi lên làm hại đến thế. Các ông phải bảo hộ người tu hành đi thẳng đến đạo Bồ-đề, chớ để cho họ gặp con đường chia rẽ.

II. MƯỜI MÓN MA VỀ THỨC ẤM :

1. CHẤP MINH ĐẾ

Người tu thiên định khỉ hành ẩm hết, chỉ còn thức ẩm, các tướng sanh diệt đã hết, mà tâm thanh tịnh tịch diệt chưa hiện bày. Lúc bấy giờ nếu hành giả móng tâm chấp là chơn thường, thì mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ-đề, thành bè bạn với phái ngoại đạo Ta-tỳ-ca-la, chấp minh đế (sơ tướng A-lại-da) là cái chỗ trở về của vạn vật trái với thành Niết-bàn, đọa về ngoại đạo.

2.- CHẤP NĂNG SANH

Người tu thiên định khi hành ẩm hết, các tướng sanh diệt đã diệt, mà tâm thanh tịnh tịch diệt chưa hiện, khi đó thấy thức tâm mình châu

biến, rồi khởi ra cái chấp : “Tất cả chúng sanh đều do ta sanh ra”. Vì sanh tâm chấp như thế, nên mất chánh kiến, mê lầm tánh Bồ-đề, thành bà con của trời Đại-ngã-mạn (Mê-hê-thủ-la thiên).

3.- CHẤP CHƠN THƯỜNG

Người tu thiên định khi hành ấm hết, thức ấm hiện ra, rồi sanh tâm nghi : Thân mình và mười phương hư không đều từ thức kia hiện ra, nên sanh tâm chấp cho “Thức là chơn thường”, mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ-đề, thành bè bạn của trời Tự tại.

4.- CHẤP CÂY CỎ CŨNG ĐỀU BIẾT

Người tu thiên định khi hành ấm hết, tướng sanh diệt đã diệt, chơn tâm tịch diệt chưa hiện bày, lúc bấy giờ thức ấm biến khắp tất cả, rồi sanh tâm chấp : “Mười phương cây cỏ cũng đều là hữu tình, cùng với người không khác. Cỏ cây chết làm người, người chết trở lại làm cỏ cây”. Vì mê mờ tánh Bồ-đề, mất chánh kiến, nên sẽ làm bè bạn với hai chúng ngoại đạo Bà-tra và Tán-ni, chấp tất cả vạn vật đều có tri giác (biết).

5.- CHẤP TỬ ĐẠI HÓA SANH

Người tu thiên định khi hành ấm hết, chơn tâm chưa hiện, lúc bấy giờ thấy lửa sáng, nước trong, gió động, đất cứng, do bốn món này sanh

ra các vật, rồi chấp cho là thường còn, hết lòng cung kính phụng thờ. Như ông Ca Diếp Ba và phái Bà-la-môn thờ lửa, thờ nước v.v... để cầu ra khỏi sanh tử, mê mờ tánh Bồ-đề, mất chánh kiến, đọa làm ngoại đạo.

6.- CHẤP HƯ VÔ

Người tu thiên định khi hành ám hết, thấy thức ám viên minh, rồi sanh ra chấp cái thức ám hư vô, là chỗ nương của muôn vật, tất cả các vật đều về chỗ hư vô. Vì vậy mà mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ-đề, nên thành bè bạn với trời Vô tướng, Tứ không và thần Hư không.

7. THAM CẦU SỐNG LÂU

Người tu thiên định khởi tâm tham cầu thân này thường còn, cố làm cho thân này được sống hoài không chết, nên thành bè bạn của tiên A Tư Đà, cầu mạng sống lâu, mê mờ tánh Bồ-đề, mất chánh kiến, đọa về ngoại đạo.

8. THAM LUYẾN CẢNH DỤC

Người tu thiên định khi hành ám hết, lúc bấy giờ thấy thân thể và thức tâm tiêu diệt, cho nên sanh tâm lưu luyến lại cảnh trần, tự biến hóa ra nhiều cảnh báu đẹp và nhiều mỹ nữ, rồi mặc tình vui thú. Vì mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ-đề, nên thành bè bạn của Thiên ma ở cõi trời Tự tại (trên danh cõi Dục).

9.- ĐỊNH TÁNH THINH-VĂN

Người tu thiền định khi hành ẩm hết, các tướng sanh diệt đã diệt, mà chơn tâm tịch diệt chưa viên, lúc bấy giờ khởi tâm tham luyến ở chỗ không tịch, chẳng muốn tăng tiến, vì mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ-đề, dọa về hàng Định tánh Thinh-văn, như ông Vô Văn Tỳ-kheo, sanh tâm tăng thượng mạn.

10.- ĐỊNH TÁNH DUYÊN-GIÁC

Người tu thiền định khi hành ẩm hết, chỉ thấy một màu thanh tịnh sáng suốt, lúc bấy giờ sanh tâm chấp cho đó là Niết-bàn; rồi tham trước ở cảnh này, không cầu tăng tiến, mê mờ tánh Bồ-đề, mất chánh kiến, nên dọa về hàng Định tánh Duyên-giác.

TÓM LẠI

A Nan, mười món ma này, do người tu thiền, khi dụng tâm phá trừ thức ẩm, nên nó biến hiện ra các cảnh như vậy. Vì mất chánh tri kiến, mê lầm tánh Bồ-đề, khởi tâm chấp trước, cho mình đặng thiền, đặng đạo, thành Phật, thành Thánh v.v... có người sanh ra điên cuồng, nên đều dọa về ngoại đạo cả.

Vậy các ông phải giữ gìn nơi lòng, vâng lời Ta dạy : Sau khi Ta diệt độ rồi, các ông phải đem lời Ta dạy đây mà truyền dạy cho chúng

sanh đời sau, bảo hộ người tu hành, chớ để cho chúng ma làm hại. Trên đường tu hành họ được thẳng vào chỗ tri kiến của Phật chẳng gặp các đường tẽ.

Này A Nan, người trong khi tu thiền, gặp ma nó biến hiện ra nhiều cảnh rất là vi tế, nếu các ông hiểu biết, rửa sạch tâm cấu nhiễm, chẳng khởi tà kiến, thì cảnh ma kia lần lần tiêu diệt, các ông sẽ thẳng đến đạo Bồ-đề.

Còn như đời sau, có chúng sanh nào chẳng dám tu thiền, sợ bị các ma nhiều hại, thì ông nên khuyên họ nhất tâm trì chú Lăng Nghiêm này, để các ma chướng kia không thể hại được, rồi cũng thẳng đến được đạo Bồ-đề.

Khi Phật nói Kinh này rồi, toàn cả hội chúng, nào là : Tăng, Ni, thiện nam, tín nữ, trời, người, thần A-tu-la, Thánh, Tiên, quỷ thần, Thinh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, tất cả đều hoan hỷ lễ Phật rồi trở lui.

LƯU Ý

Quý Phật tử đọc hết đoạn ngũ ấm ma này rồi, từ đây về sau, trên đường tu hành cần phải thận trọng, chớ nên gặp chi tin nấy, mà nguy hiểm cho mình về hiện tại cũng như tương lai.

Chúng tôi thấy trong giới Phật tử, phần đông là hàng phụ nữ (xin lỗi quý bà) lòng tin tưởng dồi dào lắm ! Mỗi khi thấy một việc gì lạ thường, có tính cách thần kỳ huyền hoặc, không chịu bình tâm suy xét chơn hay ngụy; cứ cho đó là

Phật thị hiện hay Bồ-tát giáng thế v.v... rủ rủ nhau tin tưởng theo càn, say mê như người nghiện thuốc, rủ nhau theo rất đông cho đến đổi như cả phong trào. Như những việc trước mắt... mà quý vị đã thấy vừa qua... kết cuộc rồi thế nào quý vị đã biết rõ... Thật nguy hại vô cùng ! Nếu lỡ một phen bước vào đường tà rồi, thì trăm kiếp ngàn đời khó trở lại.

Tôi xin dẫn một vài bằng chứng trong Kinh, để quý vị xem qua, đừng cần thận những điều nguy hiểm trong lúc tu hành.

“Thuở xưa, Tổ Ưu Bà Quạt Tôn giả đang nhập định, bị Thiên ma Ba tuần khuấy nhiễu... Đến khi xuất định, ngài dùng thần thông hàng phục được Thiên ma. Sau khi chúng đã hối ngộ quy y Tam bảo rồi, vì cảm hồng ân tế độ của Tổ sư, nên đến xin cúng dường ngài một bữa cơm để tỏ lòng tri ân.

Tổ sư dạy : – “Ta vì chuyên lo tu hành không giờ rảnh để đi thụ trai. Ta chỉ muốn xem một việc, nếu người bằng lòng, thế là đền ơn cho ta rồi”. Thiên ma : – “Dạ, đệ tử xin vâng”. Tổ sư dạy : – “Khi Phật ra đời đã có người : vậy trong lúc đó Phật cùng các vị Thánh chúng như thế nào ? Hôm nay người hóa hiện lại cho ta xem thử”. Thiên ma thưa : “Con xin vâng lời Tổ sư dạy. Nhưng khi con hóa hiện ra Phật, xin Tổ sư nhớ đừng lạ, vì sợ tổn phước con nhiều”, Tổ sư hứa lời.

Thiên ma Ba tuần liền biến mất, trong giây phút hóa hiện ra Đức Phật, thân vàng rực rỡ, đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, hào quang sáng chiếu khắp cả một góc trời, trong rừng từ từ đi ra. Nào là ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, A Nan, Ca Diếp đứng hầu hai bên oai nghi tể chỉnh đủ cả 1.250 vị đệ tử, rần rộ theo sau...

Tổ Ưu Bà Quật Tôn giả, thấy Phật đi đến phóng hào quang rực rỡ, các vị Thánh chúng theo hầu, oai nghi tể chỉnh v.v... nên hết sức vui mừng, liền đứng dậy kính lễ, mà quên hẳn lời hứa trước kia. Lúc bấy giờ Thiên ma biến mất.

Phật tử chúng ta xem qua đoạn này, nên xét nghĩ : Như Tổ Ưu Bà Quật Tôn giả đã biết trước là ma sắp hiện ra Phật và có hứa hẹn trước “không lạy”, mà đến khi ma hiện ra còn quên, không phân biệt là ma hay Phật. Nếu chúng ta tình cờ gặp cảnh ngộ như thế, thử nghĩ trong tâm chúng ta thế nào ?

Bởi thế trên đường tu hành, lúc nào chúng ta cũng phải cẩn thận cho lắm, chớ nên thấy cái gì lạ, không chịu suy xét kỹ, cứ nhắm mắt theo càn, ùa nhau tin tưởng cho là Thần, Thánh thật. Lỡ một phen sa vào đường tà rồi, thì trăm kiếp ngàn đời khó trở lại. Chúng ta nên nhớ rằng : cái gì thiệt thì nó vẫn thiệt, dù mình tin hay không tin nó cũng không mất. Còn cái gì giả thì chỉ ở ạt trong một thời gian mà thôi, nếu người không tin thì nó sẽ tự tiêu diệt.

Phật dạy các đệ tử : “Không nên thấy Phật cứ theo, nghe lời Phật nói cứ tin; mà phải luôn luôn suy nghĩ, nếu đúng chơn lý sẽ tin theo”. Phật dạy như thế, để cho các Phật tử khỏi bị tà ma ngoại đạo dối gạt.

Trong Kinh Kim Cang Phật dạy :

Nhược dĩ sắc kiến ngã

Dĩ âm thanh cầu ngã

Thị như hành tà đạo

Bất năng kiến Như Lai.

Đại ý đoạn này Phật dạy : Nếu người nào cho rằng thấy sắc thân của Phật có 32 tướng tốt, là thấy được Phật,

thì ông Chuyển Luân Thánh Vương cũng có đủ 32 tướng tốt, hoặc ma nó hiện ra sắc thân Phật có đủ tướng tốt, vậy cũng là Phật hay sao ? – Hay nghe tiếng nói pháp thanh tao của Phật mà cho là nghe được tiếng Phật, thì tiếng chim Ca-lăng-tân-già, kêu rất thanh tao lãnh lót, vậy cũng là tiếng nói của Phật hay sao ? Những người tin tưởng như vậy, là theo tà đạo, không bao giờ thấy được Phật.

Phật thường nhắc nhở dặn dò các đệ tử : Phải dùng giáo lý chơn chánh dạy người. Khi người hiểu được chơn lý rồi tin theo, thì lòng tin đó mới được chơn chánh. Phật cấm các đệ tử không cho dùng thần thông hay phép lạ để cảm hóa người. Chỉ trừ một vài trường hợp hàng phục ngoại đạo hoặc quỷ thần; vì sợ sau này Thiên ma ngoại đạo dùng thần thông hay phép lạ làm mê hoặc người.

Vì thế nên Phật không từ trên hư không rớt xuống, hay tự nhiên xuất hiện; mà Ngài lại thị hiện cũng như người, lớn lên có vợ con, rồi đi tu và thành đạo v.v... để cho chúng sanh sau này, đừng có tin tưởng những điều huyền hoặc thần kỳ.

Khi Phật còn trụ thế, có người đàn việt đem dâng cái bình bát cho chư Tăng, lại để trên đầu một cây cột phướn cao, và thưa rằng : “Nếu vị nào lấy được tôi sẽ cúng cho”.

Khi đó ông Tân Đầu Lô Phã La Đọa Xà Tôn giả, dùng thần thông lấy cái bình bát ấy. Ông bị Phật quở trách rất nghiêm khắc, và phạt ông phải ở lại thế gian ứng cúng, làm phước điền cho chúng sanh, không được nhập diệt. Và Phật còn chế ra giới luật cấm các đệ tử không được dùng thần thông hay phép lạ trước người phàm phu.

Trong Kinh cũng có chỗ nói, các Đức Phật và Bồ-tát thỉnh thoảng thị hiện ra đời để hóa độ chúng sanh, như Đức

Di Lạc hay ngài Quán Thế Âm v.v... Nhưng khi các Ngài hiện ra không ai biết được, chỉ trừ đến khi tịch diệt, các Ngài mới để lại một vài di tích. Chừng đó người đời mới biết Phật hay Bồ-tát thị hiện; khi biết thì không còn thấy các Ngài nữa.

Như Đức Di Lạc Bồ-tát hiện thân làm vị Bồ-đai Hòa thượng. Ngài thường xách cái bị lớn bằng vải, đi khắp đó đây để hóa độ chúng sanh, mà người đời không ai biết, chỉ gọi Ngài là vị Bồ-đai Hòa thượng⁽¹⁾. Đến khi thị tịch, Ngài nói một bài kệ, lúc bấy giờ người ta mới biết là Đức Di Lạc Bồ-tát hiện thân.

Bài kệ :

**Di Lạc chơn Di Lạc,
Hóa thân thiên bách ức,
Thời thời thị thời nhân,
Thời nhân giai bất thức**

Nghĩa là : Di Lạc thật là Di Lạc, biến hóa trăm ngàn muôn ức thân hình; thường thường thị hiện độ người, mà người đời chẳng ai biết.

*

III. KẾT LUẬN

Đại ý toàn cả bộ Kinh này, Phật dạy chúng sanh phải trở về với thể tánh chơn tâm thường trụ, đồng với ý nghĩa như trong Kinh Pháp Hoa : “Khai thị ngộ nhập Phật tri kiến”.

⁽¹⁾ Bồ-đai Hòa thượng là vị Hòa thượng tay cầm cái dây lớn bằng vải. Người mập bụng to, sắc mặt thường hoan hỷ. Hiện nay ở các chùa phần nhiều đều có thờ Ngài, người đời thường gọi là Đức Di Lạc.

Phật đã dạy cho chúng ta biết rằng : Chư Phật và chúng sanh cũng đồng một bản thể chơn tâm không khác. Vì chúng sanh mê muội thể tánh chơn tâm này, nên phải chịu sinh tử luân hồi; còn chư Phật đã ngộ chơn tâm nên được tự tại giải thoát. Vì vậy mà Phật dạy : “Ta là Phật đã thành, còn các chúng sanh là Phật sẽ thành”.

Nguyên nhân Phật nói Kinh này, là do ngài A Nan thị hiện mắc nạn, bị nàng Ma-đăng-già bắt. Sau khi nhờ Phật cứu độ được thoát nạn rồi, ngài mới cầu Phật chỉ dạy cho phương pháp nào mà mười phương các Đức Phật tu hành đều được thành đạo chứng quả.

Nhơn đó Phật nói Kinh Lăng Nghiêm, để chỉ rõ chơn tâm. Nếu giác ngộ được chơn tâm là được thành Phật. Đó là một con đường tu duy nhất của chư Phật quá khứ, hiện tại cũng như vị lai.

Trước khi chỉ chơn tâm thì Phật gạn hỏi cái tâm theo thường tình chúng sanh vọng chấp. Bảy đoạn hỏi tâm làm cho ngài A Nan cùng đường tột lối; lúc bấy giờ Phật mới từ từ chỉ cái Tâm đến sáu lần. Ban đầu Phật tạm chỉ các giác quan về phần trực giác như thấy, nghe v.v.... là tâm. Khi A Nan và đại chúng đều hiểu rồi, Phật lại chỉ lên một từng nữa : “Các giác quan tuy không phải vọng, nhưng cũng chưa phải là chơn tâm, nó cũng như mặt trăng chưa phải là chơn tâm, nó cũng như mặt trăng thứ hai v.v...” Phật lạy chỉ cái Bản thể sanh ra các giác quan (hiện tượng) mới thật là chơn tâm. Tức là ở về đoạn, trong văn

kinh chữ Hán chép : “Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến, kiến du ly kiến, kiến bất năng cập v.v...”.

Phật dạy : vì các ông còn ở trong vòng mê, nên chỉ gọi là các giác quan : thấy, nghe, hay, biết của chúng sanh. đến khi ngộ rồi thì gọi là bốn đức Niết-bàn của Phật : thường, lạc, ngã, tịnh. Và Phật dạy : Tất cả các pháp đều từ tâm biến hiện, như năm ấm, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới và bảy đại đều do tâm sanh ra, rồi cũng trở về thể tánh chơn tâm. Thế là Ngài dẫn cái tướng qui về chơn tánh.

Đến đoạn này ngài A Nan mới ngộ được chơn tâm, nên đứng dậy lạy Phật và xúng theo thể tánh chơn tâm rộng lớn mà phát lời thệ nguyện rộng sâu vô tận.

Ngài nguyện rằng : “Trong đời ngũ trước tội ác, con thể vào trước để độ chúng sanh; nếu còn có một chúng sanh nào chưa thành Phật thì con thể chẳng lãnh quả vui Niết-bàn...” Và câu “Hư không kia có thể tiêu hết, chớ chí nguyện của con đây không hề lay chuyển”. Cũng vì ngộ được đồng thể chơn tâm, nên ngài mới phát lời thệ nguyện rộng lớn như thế.

Mình đã được độ, muốn cho chúng sanh cũng đều được độ, nên ngài A Nan cầu Phật chỉ dạy phương pháp tu hành cho chúng sanh đời sau :

Phật dạy có ba việc :

1.- Khi đối cảnh không khởi vọng niệm phân biệt theo vọng trần; tức là câu “bất tùy phân biệt”. Nghĩa là, xoay các giác quan như thấy, nghe, hay,

biết đều trở về thể tánh chơn tâm. Nếu vọng niệm không khởi thì chơn tâm hiện bày, đây là một pháp tu trực chỉ của bậc thượng căn.

2.- Phật dạy trì giới. Như trì giới tâm được thanh tịnh, nhờ tâm tịnh mới phát sanh ra trí huệ, để phá trừ vô minh. Vô minh hết thì chơn tâm tự hiện bày. Nhưng trong Kinh này nói trì giới là chỉ cho tâm giới. Nghĩa là thân đã không sát, đạo, dâm, vọng mà tâm cũng không nghĩ tưởng đến việc sát, đạo, dâm vọng cho đến cái “biết mình đã đoạn trừ” cũng không còn. Thật là cao siêu vô cùng, khó khăn tột bực. Vì nếu tâm còn móng một tí vọng niệm gì, thế là tâm chưa tịnh. Nếu tâm chưa tịnh thì giới thể chưa viên.

3.- Phật dạy, nếu người nào nghiệp chướng nặng nề, thì nên chí tâm trì tụng chú Lăng Nghiêm, dù nghiệp chướng nặng đến đâu cũng lần lần tiêu hết, phước lành tăng trưởng, sẽ thành đạo Bồ-đề; như thuận gió tung bụi chẳng có khó khăn gì.

Trên đường tu hành, Phật dạy phải trải qua các địa vị như : Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Tứ gia hạnh, Thập địa và Đẳng giác là năm mươi lăm vị, rồi mới đến quả Phật.

Trong khi tu Thiên định lại gặp năm chục thứ ma (sắc, thọ, tưởng, hành, thức mỗi ấm có mười) nó biến hiện đủ điều, nào là ma nội tâm, ma ngoại cảnh, đủ cách nhiều hại hành giả. Cho đến khi gần thành Phật mà nó cũng vẫn còn theo phá. Như thái tử Sĩ

Đạt Ta, trước giờ phút đại ngộ, dưới cây Bồ-đề, vẫn còn bị ba người con của Ma vương tận lực khuấy nhiễu. Đến sao mai sắp mọc Ngài được thành Phật mới hết.

Sau mỗi đoạn ma hiện, Phật đều dạy rằng : “Do hành giả dụng công tu thiền, nên nó biến hiện ra như vậy, không phải là đặng đạo hay chứng Thánh, nếu hành giả biết trước thì các cảnh ma kia lần lần tiêu diệt không hại chi, còn mê lầm không biết, cho mình đặng đạo hay chứng Thánh, sanh tâm chấp trước, thì bị ma nó cám dỗ, rồi phải đọa vào đường tà, làm quyến thuộc của ma.

Bởi thế, nên người tu hành cần phải thận trọng, chớ nên gặp chi tin nấy mà bị ma cám dỗ, rất nguy hiểm cho đời mình về hiện tại cũng như vị lai.

Phật nhắc đi nhắc lại nhiều lần, bảo các đệ tử : “Nên đem lời Ta nói đây truyền dạy cho chúng sanh đời sau, khiến cho mọi người đều biết rõ, để tránh khỏi các ma nhiễu hại, trên đường tu hành được thẳng đến đạo Bồ-đề”.

Phật lại thiết tha kêu gọi các đệ tử : Hôm nay các ông đã được Ta tế độ rồi, vậy các ông không nên nhập diệt sớm, mà phải nguyện ở lại đời mạt pháp, để bảo hộ người tu hành đời sau, thế mới là người biết ơn Phật.

Lòng từ của Phật thật là vô biên, tế độ chúng sanh không cùng tận, thương chúng ta như mẹ thương

con, dạy dỗ chúng ta như mẹ hiền khuyên con dại; nhắc đi lặp lại nhiều lần không biết mỏi. Thật đúng với câu : “Đại từ đại bi mãn chúng sanh. Đại hỷ, đại xả tế hàm thức...”.

Phật tử chúng ta phải làm thế nào để khỏi phụ lòng thương yêu của Từ Phụ, cho xứng với danh từ “Phật tử”.

